

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH



CÔNG TY CỔ PHẦN LỘC HÓA DẦU BÌNH SƠN

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4300378569 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp lần đầu ngày 05 tháng 09 năm 2008, thay đổi lần thứ 15 ngày 05 tháng 09 năm 2023



NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Quyết định đăng ký niêm yết số 697/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 12 năm 2024)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn

Số 208 đại lộ Hùng Vương – TP. Quảng Ngãi – tỉnh Quảng Ngãi

Điện thoại: (84 – 255) 3825825

Fax: (84 – 255) 3825826

Website: www.bsr.com.vn

Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí

Điện thoại: (84 – 24) 39343888

Fax: (84 – 24) 9343999

Website: www.psi.vn

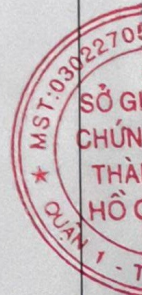
Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Hạng Anh Minh

Chức vụ: Thành viên độc lập Hội đồng quản trị

Điện thoại: (84-255) 3825825

Fax: (84 – 255) 3825826



CÔNG TY CỔ PHẦN LỘC HÓA DẦU BÌNH SƠN

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104960269 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp lần đầu ngày 05 tháng 06 năm 2008, thay đổi lần thứ 15 ngày 05 tháng 09 năm 2023

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phiếu
Mã chứng khoán:	BSR
Tổng số lượng niêm yết:	3.100.499.616 cổ phiếu (Bằng chữ: Ba tỷ một trăm triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn sáu trăm mười sáu cổ phiếu)
Tổng giá trị niêm yết:	31.004.996.160.000 đồng (Bằng chữ: Ba mươi một nghìn không trăm lẻ bốn tỷ chín trăm chín mươi sáu triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng)

TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT

Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí

Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà Hà Nội Tourist, số 18 Lý Thường Kiệt, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84 – 24) 3934 3888 Fax: (84 – 24) 3934 3999

Website: www.psi.vn

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (84 – 24) 7105 0000 Fax: (84 – 24) 6288 5678

Website: www.deloitte.com.vn



MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CỔ PHIẾU NIÊM YẾT	7
1. Rủi ro về kinh tế	7
1.1. Tăng trưởng kinh tế	7
1.2. Lạm phát	8
1.3. Lãi suất.....	9
1.4. Tỷ giá.....	9
2. Rủi ro về luật pháp.....	11
3. Rủi ro đặc thù ngành.....	12
3.1. Rủi ro cạnh tranh	12
3.2. Rủi ro trong hoạt động sản xuất và bảo vệ môi trường	13
3.3. Rủi ro biến động nguyên liệu đầu vào	14
3.4. Rủi ro liên quan đến việc bán hàng và sản phẩm đầu ra	15
3.5. Rủi ro liên quan đến tài sản và hệ thống cơ sở máy móc	16
3.6. Rủi ro liên quan đến các thỏa thuận với các bên thứ ba	16
3.7. Rủi ro liên quan đến sản phẩm thay thế.....	17
3.8. Rủi ro liên quan đến khả năng nâng cấp mở rộng Nhà máy	17
3.9. Rủi ro liên quan đến hoạt động đầu tư vào công ty con, công ty liên kết	17
4. Các rủi ro khác.....	18
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	18
1. Tổ chức niêm yết – Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn.....	18
2. Tổ chức tư vấn – Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí	18
III. CÁC KHÁI NIỆM	19
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	23
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	23
1.1. Giới thiệu chung về Công ty.....	23
1.2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	24
1.3. Quá trình thay đổi vốn điều lệ của Công ty.....	28
2. Cơ cấu tổ chức của BSR trong mối quan hệ với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN)	28
3. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty	29
4. Danh sách cổ đông sáng lập; Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty; Cơ cấu cổ đông.....	32
4.1. Danh sách cổ đông sáng lập.....	32
4.2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty	33
4.3. Cơ cấu cổ đông (tại ngày 12/08/2024).....	33



5.	Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết	34
5.1.	Công ty mẹ, công ty nắm quyền kiểm soát hay chi phối BSR.....	34
5.2.	Những công ty con, công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối.....	35
6.	Hoạt động kinh doanh.....	41
6.1.	Sản lượng sản xuất	48
6.2.	Sản lượng tiêu thụ	51
6.3.	Doanh thu, Lợi nhuận gộp của các sản phẩm chính tại Công ty.....	53
6.4.	Nguyên vật liệu	60
6.5.	Chi phí sản xuất kinh doanh qua các năm.....	62
6.6.	Trình độ công nghệ	65
6.7.	Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới.....	66
6.8.	Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ.....	67
6.9.	Hoạt động Marketing	68
6.10.	Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền.....	69
6.11.	Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết	69
7.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	83
7.1.	Tóm tắt một số chỉ tiêu chủ yếu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong hai (02) năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất.....	83
7.2.	Những nhân tố ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2023	89
8.	Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	91
8.1.	Vị thế của Công ty trong ngành.....	91
8.2.	Triển vọng phát triển của ngành	92
8.3.	So sánh về tình hình tài chính của công ty với các công ty cùng ngành tại Việt Nam	94
8.4.	Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới	94
9.	Chính sách đối với người lao động.....	95
9.1.	Số lượng lao động và cơ cấu lao động	95
9.2.	Các chính sách đối với lao động (đào tạo, lương thưởng, trợ cấp)	96
10.	Chính sách cổ tức.....	97
11.	Tình hình hoạt động tài chính.....	98
11.1	Các chỉ tiêu cơ bản.....	98
11.2	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	109
12.	Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng	113



12.1	Sơ yếu lý lịch Hội đồng quản trị.....	113
12.2	Sơ yếu lý lịch Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.....	123
12.3	Sơ yếu lý lịch Ban Kiểm soát.....	137
13.	Tài sản thuộc sở hữu Công ty	143
14.	Kế hoạch kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo	145
14.1	Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2024 - 2025.....	145
14.2	Căn cứ để đạt được kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức nêu trên	146
15.	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	154
16.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức niêm yết.....	154
17.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu niêm yết	155
V.	CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT.....	156
1.	Loại chứng khoán	156
2.	Mệnh giá chứng khoán	156
3.	Tổng số chứng khoán niêm yết.....	156
4.	Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của Công ty	156
5.	Phương pháp tính giá.....	157
5.1.	Giá trị sổ sách.....	158
5.2.	Phương pháp bình quân giá thị trường.....	158
6.	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	158
7.	Các loại thuế có liên quan.....	159
VI.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NIÊM YẾT	161
VII.	PHỤ LỤC	162



DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Danh sách cổ đông nắm giữ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty tại 15/10/2024	33
Bảng 2: Cơ cấu cổ đông tại ngày 15/10/2024.....	33
Bảng 3: Thông tin về các phân xưởng sản xuất của Nhà máy.....	41
Bảng 4: Thông tin về các sản phẩm BSR	43
Bảng 5: Sản lượng thiết kế các sản phẩm của BSR	48
Bảng 6: Sản lượng sản xuất của NMLD Dung Quất qua các năm	48
Bảng 7: Sản lượng tiêu thụ qua các năm	51
Bảng 8: Cơ cấu doanh thu thuần qua các năm.....	53
Bảng 9: Cơ cấu lợi nhuận gộp qua các năm	56
Bảng 10: Chi phí kinh doanh theo yếu tố qua các năm (BCTC riêng).....	62
Bảng 11: Chi phí kinh doanh theo yếu tố qua các năm (BCTC hợp nhất).....	63
Bảng 12: Một số hợp đồng với các đối tác chính	70
Bảng 13: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2022 - 2023 và lũy kế đến quý gần nhất.....	83
Bảng 14: Cơ cấu trình độ lao động	95
Bảng 15: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	100
Bảng 16: Tình hình trích lập quỹ của Công ty.....	101
Bảng 17: Tổng dư nợ vay của Công ty	102
Bảng 18: Các khoản phải thu của Công ty.....	103
Bảng 19: Các khoản phải trả của Công ty	104
Bảng 20: Chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty mẹ.....	109
Bảng 21: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty (hợp nhất)	111
Bảng 22: Danh sách Hội đồng Quản trị.....	113
Bảng 23: Danh sách Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.....	123
Bảng 24: Danh sách thành viên Ban Kiểm soát.....	137
Bảng 25 : Tình hình tài sản cố định hữu hình của Công ty mẹ.....	143
Bảng 26 : Tình hình tài sản cố định hữu hình hợp nhất của Công ty	143
Bảng 27: Danh mục hạng mục xây dựng cơ bản hợp nhất của Công ty.....	144
Bảng 28: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2024 và 2025	145
Bảng 29: Danh sách hạn chế chuyển nhượng theo quy định đối với cổ đông nội bộ.....	156



NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CỔ PHIẾU NIÊM YẾT

Các yếu tố rủi ro của một nền kinh tế xuất phát từ chính sự biến động của các nhân tố cơ bản của nền kinh tế như tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái, v.v. Là một trong những chủ thể tham gia vào nền kinh tế, Công ty cũng không nằm ngoài những ảnh hưởng và tác động từ sự thay đổi của các nhân tố ấy.

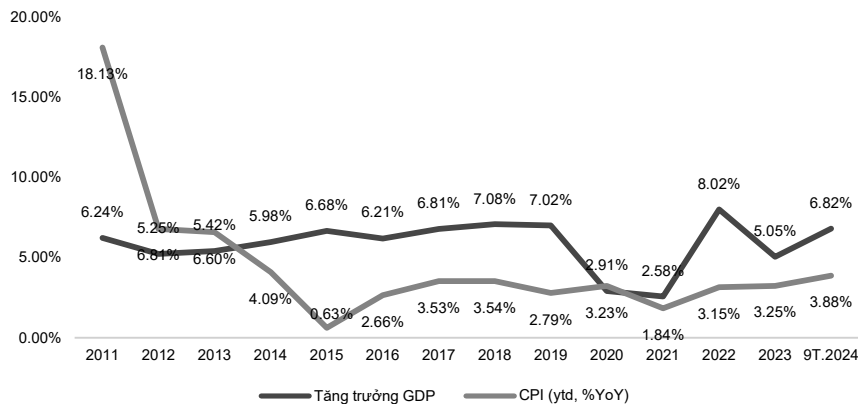
1. Rủi ro về kinh tế

Sự biến động của các biến số kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất... chính sách kinh tế của Chính phủ sẽ có tác động nhất định đến hoạt động và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung.

1.1. Tăng trưởng kinh tế

Theo số liệu từ Tổng cục Thống kê, tổng sản phẩm trong nước (GDP) 9 tháng năm 2024 tăng 6,82% so với cùng kỳ. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,58%, đóng góp 4,08% vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 9,11%, đóng góp 48,88%; khu vực dịch vụ tăng 7,51%, đóng góp 47,04%. Kinh tế nước ta duy trì ổn định với lạm phát được kiểm soát ở mức phù hợp, hoạt động mua sắm hàng hóa, tiêu dùng và xuất khẩu tăng cao. Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản duy trì mức tăng trưởng ổn định. Hoạt động sản xuất Công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục giữ vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, trong những tháng cuối năm 2024, kinh tế Việt Nam sẽ đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, đặc biệt là tác động của kinh tế thế giới được dự báo tăng trưởng chậm lại và những biến động khó lường của tình hình xung đột địa chính trị.

Tăng trưởng GDP và lạm phát của Việt Nam các năm



Nguồn: Tổng cục thống kê



Nhờ vào hiệu quả của các chủ trương và chính sách vĩ mô, kinh tế quý III năm 2024 của nước ta vẫn đạt mức tăng trưởng tích cực. Trong bối cảnh khó khăn của nền kinh tế thế giới với và tình hình căng thẳng địa chính trị leo thang, tốc độ tăng GDP quý III năm nay đạt 7,40% so với cùng kỳ năm trước, Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,20%, đóng góp 5,37% vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,19%, đóng góp 46,22%; khu vực dịch vụ tăng 6,95%, đóng góp 48,41%.

BSR hoạt động với mục tiêu cung ứng tối đa xăng dầu cho nền kinh tế, đồng thời, bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia. Do vậy sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam có tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của BSR. Khi Chính phủ áp dụng các chính sách kích cầu hay phát triển các nhóm ngành khác của nền kinh tế đều có tác động tích cực tới kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tuy nhiên, nền kinh tế Việt Nam có độ mở lớn, sản xuất trong nước phụ thuộc nhiều vào nguyên, nhiên vật liệu nhập khẩu. Áp lực lạm phát đối với kinh tế Việt Nam đến từ lạm phát chuỗi cung ứng; giá nguyên, nhiên vật liệu thế giới tăng cao và tổng cầu trong nước tăng đột biến. Bên cạnh đó, khủng hoảng Nga-Ukraine, biển Đỏ, dải Gaza (làm tăng rủi ro, giá vận chuyển tăng cao) chưa có hồi kết càng làm trầm trọng thêm sự đứt gãy chuỗi cung ứng, đẩy giá nguyên, nhiên vật liệu và lạm phát thế giới tăng cao, lập kỷ lục trong mấy thập kỷ gần đây. Các rủi ro này có nguy cơ ảnh hưởng đến nguồn cung và giá dầu thô nhập khẩu – nguyên liệu đầu vào từ đó ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động sản xuất kinh doanh của BSR.

Bên cạnh đó, dù có bị ảnh hưởng bởi bối cảnh chung giống như các doanh nghiệp Việt Nam khác, tuy nhiên Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn từng bước nắm bắt và hiểu rõ những thách thức mà nền kinh tế đặt ra, cố gắng chuyển hóa những thách thức thành cơ hội để phát triển bền vững.

1.2. Lạm phát

Các rủi ro trong tài chính doanh nghiệp thường gắn liền với hiện tượng lạm phát trong nền kinh tế. Lạm phát tăng thường kéo theo lãi suất tăng, giá cả vật tư, nguyên liệu và nhân công cũng tăng theo, đẩy chi phí đầu vào gia tăng trong khi lại làm giảm sức cầu hàng hóa do sức mua giảm. Giai đoạn 2021-2023, Việt Nam đã để lại dấu ấn tích cực và hiệu quả trong công cuộc kiểm soát lạm phát. Năm 2021, mặc dù chịu ảnh hưởng của xung đột Nga-Ukraine và những nút thắt chuỗi cung ứng toàn cầu trong đại dịch Covid-19, lạm phát của Việt Nam vẫn được kiểm soát tốt. Với mức lạm phát 1,84%, Việt Nam đang là một “làn gió ngược” trong xu hướng lạm phát cao toàn cầu. Hiện nay, Việt Nam đang nằm



trong số ít những quốc gia có mức lạm phát trung bình 4-6%. Năm 2023, tỷ lệ lạm phát tăng nhẹ ở mức 3,25%, đạt mục tiêu được đề ra.

Báo cáo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho thấy tính đến hết tháng 9/2024, tổng phương tiện thanh toán tăng 2,52% so với cuối năm 2023. Huy động tiền gửi tăng trưởng nhanh hơn nhờ lãi suất huy động trong giai đoạn cuối Q2 đầu Q3 tăng lên, đặc biệt là đối với các kỳ hạn ngắn. Tính đến hết tháng 10 năm 2024, tăng trưởng tín dụng đạt khoảng 10,08% so với cuối năm 2023, đạt khoảng 82% mục tiêu tăng trưởng tín dụng năm 2024.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tính chung 10 tháng đầu năm 2024, CPI tăng 3,78% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 2,69%. CPI 10 tháng đầu năm 2024 tăng so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do giá lương thực, thực phẩm, điện sinh hoạt, dịch vụ giáo dục, dịch vụ y tế và xăng dầu là yếu tố tác động làm tăng CPI nhưng thuộc nhóm hàng được loại trừ trong danh mục tính lạm phát cơ bản. Áp lực từ giá lương thực tăng cao ngay từ đầu năm, cộng với chi phí giáo dục, y tế, vật liệu xây dựng tăng kéo dài đã khiến cho lạm phát 10 tháng năm 2024 tăng nhanh hơn so với cùng kỳ....

Dù đã có sự kiểm soát ở mức phù hợp để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, tuy nhiên mức lạm phát hiện tại vẫn cao hơn tương đối so với mức trung bình 5 năm giai đoạn 2018-2022.

Đối với BSR, lạm phát cao sẽ làm tăng chi phí vận chuyển cũng như các chi phí khác (nhiên liệu, bảo hiểm...). Tuy nhiên, Công ty luôn theo sát mọi diễn biến của thị trường để có được những giải pháp phù hợp với điều kiện thực tế.

1.3. Lãi suất

Đối với doanh nghiệp thì rủi ro lãi suất là rủi ro khi các mức biến động lãi suất dẫn đến chi phí trả lãi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành với nhau tùy theo cơ cấu nợ vay của các ngành đó.

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, tùy vào đặc điểm kinh doanh của mình, mỗi doanh nghiệp có cơ cấu vốn khác nhau. Tuy nhiên, phần lớn các doanh nghiệp sử dụng nguồn vay lớn từ các ngân hàng thương mại nên việc biến động lãi suất ngân hàng sẽ gây nên những rủi ro nhất định cho doanh nghiệp. Nhằm giảm áp lực về tài chính, BSR luôn chú trọng đến công tác dự báo/ lập kế hoạch, cân đối dòng tiền hàng tháng, phân tích, đánh giá để quyết định gửi tiền, vay vốn đạt tối ưu và hiệu quả.

Lạm phát thế giới dần hạ nhiệt đã giúp cho nhiều Ngân hàng trung ương lớn có dư địa để cắt giảm lãi suất điều hành sau gần 3 năm theo đuổi chính sách tiền tệ thắt chặt để kiềm chế lạm phát. Ngân hàng trung ương Châu Âu (ECB) đã cắt giảm lãi suất điều hành 90



điểm cơ bản, đưa lãi suất từ 4,5% xuống còn 3,4% sau 3 lần cắt giảm. Tại Mỹ, Cục dự trữ liên bang (FED) cũng đã cắt giảm lãi suất 75 điểm cơ bản sau 2 kỳ họp tháng 9 và tháng 11 khi lạm phát Mỹ giảm liên tiếp và nền kinh tế Mỹ cho thấy nhiều dấu hiệu suy yếu trong môi trường lãi suất cao kéo dài.

Tại Việt Nam, từ đầu năm tới nay, Ngân hàng Nhà nước đã nỗ lực kiểm soát cung tiền để ổn định tỷ giá trong bối cảnh lãi suất điều hành của Mỹ vẫn ở mức cao. Việc Ngân hàng Nhà nước liên tiếp hút ròng đồng nội tệ thông qua kênh đấu thầu tín phiếu và bán giao ngay USD kết hợp với việc nâng lãi suất thị trường 2 (+0,25 điểm cơ bản) đã giúp cho tỷ giá ổn định trở lại. Tuy nhiên, nỗ lực ổn định tỷ giá của Ngân hàng Nhà nước đã khiến thanh khoản hệ thống Ngân hàng thiếu hụt tạm thời và mặt bằng lãi suất trên thị trường 1 cũng dần tăng lên. Kể từ cuối tháng 4/2024, lãi suất huy động tại các Ngân hàng thương mại tư nhân đã tăng bình quân khoảng 50-130 điểm cơ bản so với vùng đáy lãi suất ở cuối Quý I/2024, chủ yếu ở các kỳ hạn ngắn, dưới 12 tháng. Bên cạnh đó, nhu cầu tín dụng của nền kinh tế tăng lên đã khiến cho các NHTM phải tăng lãi suất để huy động thêm tiền gửi phục vụ hoạt động cho vay. Điều này sẽ khiến cho chi phí đi vay của nền kinh tế nói chung và của Công ty nói riêng trong thời gian tới tăng lên so với năm 2023. Việc tỷ giá USD/VND hạ nhiệt trong tháng 8 và tháng 9, kết hợp với thanh khoản hệ thống Ngân hàng ổn định hơn đã giúp cho NHNN có dư địa để hạ lãi suất OMO 0,25 điểm phần trăm vào đầu tháng 8/2024. Đây là lần giảm lãi suất OMO đầu tiên kể từ cuối năm 2023 quay về mức trước căng thẳng tỷ giá. Tuy tỷ giá đã biến động tăng mạnh trong tháng 10 nhưng điều này cũng mang yếu tố chu kỳ do nhu cầu USD của các doanh nghiệp xuất nhập khẩu tăng. NHNN chủ yếu điều tiết bằng cách giảm cung tiền VND thông qua hoạt động thị trường mở thay vì tăng lãi suất nhưng do nhu cầu thanh khoản và tín dụng trong dịp cuối năm cao, các NHTM vẫn tiếp tục tăng lãi suất huy động, nâng mặt bằng lãi suất huy động và cho vay.

1.4. Tỷ giá

Công ty thực hiện mua dầu thô để chế biến tại Nhà máy lọc dầu Dung Quất, nhập khẩu các vật tư, thiết bị, hóa phẩm xúc tác... để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và tiêu thụ sản phẩm xăng, dầu... có liên quan đến mua bán, trao đổi, thanh toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ trong kỳ, chủ yếu là đồng USD. Việc mua dầu thô và bán sản phẩm của Công ty neo theo tỷ giá USD/VND nên hạn chế được rủi ro tỷ giá tại thời điểm thanh toán. Bên cạnh đó, Công ty thực hiện đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Do đó, rủi ro biến động tỷ giá phát sinh được ghi nhận là một yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.



Nhận thức được tầm quan trọng của việc quản trị rủi ro về tỷ giá, BSR chú trọng công tác dự báo, cập nhật tình hình kinh tế vĩ mô, tình hình tài chính thế giới và trong nước/công tác điều hành chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước, theo dõi sát sao các biến động của tỷ giá để xây dựng và triển khai các phương án kinh doanh phù hợp, linh hoạt và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Với việc sử dụng ngoại tệ trong giao dịch kinh doanh và trả nợ vay, biến động về tỷ giá có ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của BSR. Song song với công tác quản trị về tỷ giá nêu trên, BSR luôn triển khai đến các Ngân hàng về việc chào tỷ giá ngoại tệ cạnh tranh cho từng giao dịch, lựa chọn mua với tỷ giá tốt nhất.

2. Rủi ro về luật pháp

Hiện nay, hệ thống luật pháp của Việt Nam đang trong quá trình sửa đổi và hoàn thiện, việc vận dụng không phù hợp và kịp thời sẽ tạo ra những rủi ro về mặt pháp lý cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, với xu hướng phát triển chung của nền kinh tế, Chính phủ cũng đang từng bước hoàn chỉnh hệ thống pháp luật theo hướng đơn giản, minh bạch, ổn định theo thông lệ quốc tế.

Một số rủi ro về pháp lý và chính sách của BSR hiện nay có thể kể đến như:

- Sản phẩm của BSR không chịu thuế GTGT khi xuất khẩu (quy định tại khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 146/2017/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 100/2016/NĐ-CP và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP) trong trường hợp dầu thô nội địa đưa vào chế biến trên 51%.

BSR đã có báo cáo Cơ quan có thẩm quyền xem xét loại bỏ các sản phẩm được chế biến từ Dầu thô ra khỏi danh sách các sản phẩm không chịu thuế GTGT khi xuất khẩu.

Sự thay đổi chính sách Nhà nước về thuế nhập khẩu xăng dầu sẽ gây ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động kinh doanh của BSR. Trong trường hợp có thay đổi đáng kể trong thuế nhập khẩu xăng dầu, sản phẩm nhập khẩu có khả năng sẽ có giá thành cạnh tranh hơn so với của BSR và gây ảnh hưởng đến tình hình kinh doanh của BSR. Ngoài ra, mặt hàng chính của công ty là xăng dầu hiện đang phải chịu các loại thuế như thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường,... Một trong các loại thuế trên nếu tăng đáng kể có thể làm tăng đến giá cả của các mặt hàng và làm giảm tiêu thụ các sản phẩm của công ty.

- Đối với lĩnh vực bảo vệ môi trường, hoạt động sản xuất của Nhà máy tuân thủ các quy định của Luật bảo vệ môi trường, Luật Tài nguyên nước, Luật Năng lượng nguyên tử,... BSR đã được cấp các giấy phép: Giấy phép môi trường (thời hạn hiệu lực 07 năm); Giấy phép khai thác, sử dụng nước biển (thời hạn hiệu lực 10 năm); Giấy phép tiến hành công việc bức xạ (thời hạn hiệu lực 03 năm). Các yêu cầu phải tuân thủ về bảo vệ môi



trường đối với Nhà máy được quy định cụ thể trong các giấy phép được cấp và các văn bản pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành. Các rủi ro về pháp luật trong lĩnh vực này chủ yếu đến từ yêu cầu pháp luật về bảo vệ môi trường ngày càng nghiêm ngặt hơn, các văn bản pháp luật, quy chuẩn môi trường thường xuyên được điều chỉnh. Các rủi ro này có thể dẫn đến các vi phạm hành chính, trực tiếp ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, yêu cầu phải đầu tư thêm hạng mục xử lý môi trường,...

Để chủ động kiểm soát các rủi ro này, việc cập nhật và đánh giá các rủi ro về pháp luật bảo vệ môi trường được BSR thực hiện thường xuyên theo quy trình cập nhật văn bản quy phạm pháp luật và đánh giá sự tuân thủ BSR-LRM-PRO-008.

Bên cạnh đó, Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn hiện đang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần và là công ty đại chúng quy mô lớn, đã đăng ký giao dịch tại sàn giao dịch chứng khoán các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) nên hoạt động của Công ty cũng chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn liên quan cũng như các quy định Pháp luật khác liên quan đến ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty. Hệ thống văn bản pháp luật này khá phức tạp dẫn đến rủi ro khi BSR không cập nhật được đầy đủ sự thay đổi.

Để kiểm soát rủi ro về mặt luật pháp, Công ty luôn thường xuyên cập nhật những thay đổi trong môi trường luật pháp liên quan đến hoạt động của Công ty, từ đó đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh phù hợp.

3. Rủi ro đặc thù ngành

3.1. Rủi ro cạnh tranh

Tháng 12/2018, Nhà máy Lọc dầu Nghi Sơn (NSRP) chính thức vận hành thương mại, trở thành nhà máy lọc dầu thứ 2 tại thị trường Việt Nam sau BSR. Với công suất vượt trội (10 triệu tấn dầu thô mỗi năm so với 6,5 triệu tấn của BSR tại thời điểm hiện tại), sự hỗ trợ từ các cổ đông khác bên cạnh PVN là Công ty Dầu hỏa Kuwait Quốc tế (KPI), Công ty Idemitsu Kosan (IKC), và Công ty Hóa chất Mitsui (MCI), đặc biệt là giá trị gia tăng từ nguồn dầu nguyên liệu được cung cấp từ cổ đông KPI, cũng như các lợi thế về chính sách của NSRP so với BSR, tổ hợp Lọc – Hóa dầu Nghi Sơn sẽ tạo nên áp lực cạnh tranh lớn cho thị trường và BSR, có thể có thời điểm gây ảnh hưởng đáng kể đến tình hình hoạt động kinh doanh của BSR.

Hơn thế nữa, khoảng 30-35% xăng dầu trong nước đến từ nhập khẩu. Do đó, sản phẩm xăng dầu của BSR phải cạnh tranh trực tiếp với các sản phẩm nhập khẩu. Nếu các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ của các nhà cung cấp từ những quốc gia phát triển hơn có thể giúp cho



giá thành sản phẩm nhập khẩu trở nên hấp dẫn hơn so với sản phẩm của BSR, khả năng cạnh tranh của BSR sẽ giảm xuống và sẽ ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của BSR.

Tuy nhiên, với vị thế là nhà máy lọc dầu đầu tiên tại thị trường Việt Nam, BSR đã nắm được nhiều lợi thế trong phát triển kinh doanh, mạng lưới khách hàng và các nhà cung cấp. Để cạnh tranh, BSR có chiến lược bán hàng phù hợp nhằm tăng lợi thế cạnh tranh so với hàng nhập khẩu và hàng từ Nghi Sơn: tập trung vào các khách hàng lớn, lâu dài, chú trọng và giữ vững thị trường chủ lực (miền Trung/ miền Nam), có chính sách giá cạnh tranh cũng như ký hợp đồng tiêu thụ sản phẩm dài hạn. Bên cạnh đó, BSR đẩy mạnh phối hợp xây dựng chuỗi cung ứng trong tập đoàn Dầu khí Việt Nam nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh để ổn định sản xuất và phát triển.

Thêm vào đó, Dự án Nâng cấp, mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất của BSR đã được Chính phủ phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư theo Quyết định số 482/QĐ-TTg ngày 5/5/2023. Tổng vốn đầu tư khoảng 31.235 tỷ đồng, tương đương 1,257 tỷ USD, nâng công suất chế biến của nhà máy từ 148.000 thùng/ngày lên 171.000 thùng/ngày; sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn EURO V; đáp ứng tiêu chuẩn môi trường theo lộ trình bắt buộc áp dụng của Chính phủ; nâng cao độ linh động lựa chọn dầu thô, đảm bảo nguồn dầu thô cung cấp lâu dài và có hiệu quả cho Nhà máy; nâng cao hiệu quả đầu tư Nhà máy lọc dầu Dung Quất; tăng khả năng cạnh tranh của BSR trên thị trường.

3.2. Rủi ro trong hoạt động sản xuất và bảo vệ môi trường

Hoạt động lọc hóa dầu luôn tiềm ẩn rủi ro cao về môi trường và được xếp vào dự án Nhóm I (Điều 28 của Luật Bảo vệ môi trường) có nguy cơ tác động xấu đến môi trường ở mức độ cao. Sự cố về tràn dầu, cháy nổ, sự cố chất thải xảy ra có thể gây ra những thiệt hại rất lớn về môi trường, con người và tài sản của Công ty. Bên cạnh đó, các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Nhà nước, đối tác khách hàng và cộng đồng ngày càng nghiêm ngặt hơn. Do vậy BSR luôn xem vấn đề bảo vệ môi trường là quan trọng hàng đầu xuyên suốt hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

Để kiểm soát có hệ thống và hiệu quả những khía cạnh môi trường trong hoạt động sản xuất, BSR áp dụng hệ thống quản lý môi trường theo ISO 14001:2015 và tích hợp với các hệ thống quản lý khác như: ISO 9001, ISO 45001, ISO 50001. Đến 30/6/2024, BSR không có sự cố về môi trường và đạt hơn 46,5 triệu giờ công an toàn không có tai nạn lao động mất ngày công (LTI). Các chỉ tiêu về chất lượng sản phẩm, các chỉ số môi trường luôn đạt được các quy chuẩn/tiêu chuẩn theo quy định hiện hành.



Ngoài ra, Công ty chủ động phối hợp với chính quyền, cơ quan quản lý Nhà nước tổ chức các khóa đào tạo bắt buộc theo luật định nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm trong công tác đảm bảo an toàn sức khỏe môi trường và phòng cháy chữa cháy; Nhiều sáng kiến, cải tiến nâng cao chất lượng sản phẩm, tiết kiệm năng lượng và thân thiện với môi trường của cán bộ công nhân viên được áp dụng thành công trong hoạt động sản xuất để mang lại hiệu quả về kinh tế, xã hội và đồng thời đáp ứng các tiêu chuẩn môi trường ngày càng nghiêm ngặt hơn.

Để chủ động ứng phó với các sự cố khẩn cấp, giảm thiểu các rủi ro gây ra đối với con người, tài sản và môi trường, BSR đã xây dựng và thường xuyên tổ chức diễn tập các phương án ứng phó sự cố khẩn cấp và đảm bảo sẵn sàng các nguồn lực, phương tiện, trang thiết bị ứng phó sự cố.

Việc áp dụng lộ trình tiêu chuẩn khí thải với ô tô: Việc bắt buộc lưu thông tiêu chuẩn xăng dầu mức 5 trên thị trường từ ngày 01/01/2022 theo Quyết định số 49/2011/QĐ-TTg về lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải sẽ ảnh hưởng rất lớn đến việc tiêu thụ xăng dầu của NMLD Dung Quất. Tuy nhiên đến nay Chính phủ vẫn chưa ban hành lộ trình lưu hành các sản phẩm xăng dầu với chất lượng khác nhau (tương đương tiêu chuẩn Euro II, III, IV, V) gây bị động cho các doanh nghiệp trong việc xây dựng kế hoạch để đáp ứng lộ trình này. BSR đã và đang tiếp tục làm việc, kiến nghị với các cấp có thẩm quyền để có phương án tiêu thụ các sản phẩm xăng dầu hiện nay của BSR phù hợp với khả năng công nghệ của NMLD Dung Quất theo từng giai đoạn cụ thể.

3.3. Rủi ro biến động nguyên liệu đầu vào

BSR đã làm chủ trong hoạt động mua bán dầu thô, trực tiếp đứng tên trong các hợp đồng ký trực tiếp với nhà cung cấp. PVOIL tham gia với vai trò đại lý mua dầu thô nhập khẩu. Các nhà cung cấp sản phẩm dầu thô nhập khẩu của BSR là những nhà cung cấp được BSR đánh giá, lựa chọn dựa trên các tiêu chí về quy mô, năng lực, loại hình kinh doanh và uy tín trên thị trường quốc tế.

Tuy nhiên hiện nay thị trường dầu thô biến động rất lớn và khó lường do xung đột giữa Nga – Ukraine, lệnh cấm vận của Mỹ, EU đối với Nga, bất ổn chính trị tại dải Gaza do cuộc chiến giữa Israel và Hamas. Tình hình an ninh ở Biển Đỏ đã trở nên căng thẳng làm dấy lên lo ngại về sự an toàn của giao thông vận tải hàng hóa qua tuyến đường thủy quan trọng này. Đồng thời, thị trường dầu thô toàn cầu năm 2023 tương đối thắt chặt khi OPEC+ duy trì cắt giảm sản lượng với khối lượng 1,66 triệu thùng/ngày, dự kiến kéo dài đến hết năm 2024. Dự kiến căng thẳng địa chính trị sẽ tiếp tục leo thang, suy thoái kinh tế toàn cầu vẫn kéo dài, do đó, thị trường năng lượng, đặc biệt thị trường dầu mỏ sẽ còn tiếp tục



chịu ảnh hưởng rất lớn. Với đặc thù sản xuất và kinh doanh, giá thành sản phẩm chính của BSR cùng lợi nhuận lọc dầu chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi sự biến động của giá dầu trên thế giới. Việc giá dầu diễn biến phức tạp, tăng/giảm không ổn định ngoài tầm kiểm soát ảnh hưởng trực tiếp và ảnh hưởng lớn đến kế hoạch sản xuất kinh doanh của BSR.

Bên cạnh đó, sản lượng dầu thô trong nước đang giảm dần trong thời gian tới, do đó công tác cung ứng dầu thô luôn được BSR chú trọng nhằm tối ưu chi phí, đáp ứng đủ lượng dầu để chế biến, đạt kế hoạch sản xuất đề ra; BSR luôn tăng cường và chủ động làm việc với các nhà cung cấp dầu thô trong và ngoài nước; tổ chức ký kết hợp đồng khung cung cấp dầu thô với các đối tác lớn để cung cấp dầu thô nhập khẩu dài hạn cho NMLD Dung Quất; Tăng cường chế biến thử nghiệm dầu thô mới, có thể đồng thời 1-2 loại dầu thô phối trộn cùng thời điểm để mở rộng danh sách rô dầu; tối ưu hóa công suất các cụm phân xưởng, đi kèm đó là việc mua bán các cấu tử, sản phẩm trung gian như T-DAO, Naphtha, Condensate, Residue, Propylene... để chế biến trong một số thời điểm thuận lợi nhằm gia tăng hiệu quả.

Với những khó khăn thách thức trên, BSR đã chủ động ứng phó với diễn biến khó lường của thị trường dầu trong năm 2023, biến thách thức thành cơ hội, tận dụng chuỗi cung ứng sẵn có tại thị trường để tạo lợi thế cạnh tranh tại thị trường nội địa, liên tục bám sát tình hình thị trường, linh hoạt các giải pháp bán hàng, rút ngắn độ trễ của giá từ khâu sản xuất đến khâu tiêu thụ, nỗ lực duy trì vận hành công suất cao, điều chỉnh thời gian bảo dưỡng nhằm tận dụng tối đa điều kiện thuận lợi của thị trường.

3.4. Rủi ro liên quan đến việc bán hàng và sản phẩm dầu ra

Từ 01/01/2017 theo quyết định số 1725/QĐ-TTg ngày 3/9/2016 của Thủ tướng chính phủ, BSR không còn chịu ảnh hưởng của cơ chế thu điều tiết, BSR sẽ được tự chủ quyết định giá bán sản phẩm của mình. Tuy nhiên, giá bán sản phẩm xăng dầu của BSR vào thị trường vẫn chịu cơ chế điều tiết theo Nghị định 83/2014/NĐ-CP, Nghị định 95/2021/NĐ-CP, Nghị định 80/2023/NĐ-CP về kinh doanh xăng dầu của Chính phủ, theo đó các yếu tố trong giá bán ra của BSR chưa được ghi nhận đầy đủ vào giá cơ sở khiến cho việc kinh doanh của các thương nhân đầu mối gặp không ít khó khăn. Các hợp đồng tiêu thụ sản phẩm của Công ty được ký hàng năm, và giá bán đảm bảo cạnh tranh với thị trường và được xác định trên cơ sở tham chiếu giá quốc tế có tính đến các yếu tố thị trường và các khoản phải nộp vào Ngân sách nhà nước.

Giá bán của Công ty phụ thuộc vào các biến động của thị trường xăng dầu thế giới, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty chịu rủi ro trong một số trường hợp từ các biến động này.



Cùng với đó, khi nhu cầu tiêu thụ xăng dầu giảm cục bộ dẫn đến các đầu mối giãn/chậm nhận hàng, có thể gây ra tình trạng tồn kho cao, ảnh hưởng đến vận hành của Nhà máy. Để hạn chế và kiểm soát rủi ro này, hiện nay BSR đã thực hiện nhiều giải pháp để giảm thiểu ảnh hưởng biến động thị trường như linh hoạt trong sản xuất về công suất và cơ cấu sản phẩm, tăng cường mua bán các sản phẩm trung gian khi sản phẩm truyền thống dư thừa cục bộ, mở rộng sức chứa, tăng tính chủ động BSR trong công tác sản xuất kinh doanh và ứng phó với các diễn biến bất lợi của thị trường.

3.5. Rủi ro liên quan đến tài sản và hệ thống cơ sở máy móc

Nhà máy lọc dầu Dung Quất đã đi vào hoạt động từ năm 2009 và vận hành ổn định đến nay. BSR tin tưởng rằng Công ty sẽ vẫn tiếp tục vận hành ổn định Nhà máy trong tương lai, đồng thời, thực hiện các cải tạo, bảo dưỡng và sửa chữa giúp tăng hiệu quả sản xuất của Nhà máy. Tuy nhiên, vì đặc thù của nhà máy lọc dầu, các rủi ro gây ảnh hưởng tới quá trình vận hành sản xuất là luôn hiện hữu và Nhà máy là tài sản quan trọng nhất của BSR, các sự cố của Nhà máy có thể gây ảnh hưởng đến toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của BSR.

Các phân xưởng chính của Nhà máy sử dụng bản quyền công nghệ của các nhà cung cấp hàng đầu thế giới, cụ thể như phân xưởng NHT/CCR/IZOM (UOP - Mỹ), RFCC/LCO-HDT (AXENS - Pháp), phân xưởng KTU/LTU/NTU/CNU (Merichem - Mỹ) và Nhà máy PP (MCI - Nhật Bản).

Rủi ro tiềm tàng từ việc không thể đảm bảo khả năng làm chủ và bảo vệ bản quyền công nghệ sẽ có những tác động tiêu cực tới kết quả kinh doanh và hoạt động sản xuất của BSR. Năm 2024, Nhà máy lọc dầu Dung Quất đã tiến hành công tác bảo dưỡng tổng thể lần thứ 5. Trước đó, nhà máy đã bảo dưỡng tổng thể vào các năm 2011, 2014, 2017 và năm 2020.

3.6. Rủi ro liên quan đến các thỏa thuận với các bên thứ ba

Từ năm 2020, chuỗi sản xuất của BSR được bắt đầu từ hoạt động nhập dầu thô, có thể là nhập từ các nhà cung cấp sản phẩm dầu thô trong nước (PVOIL) và/hoặc các nhà cung cấp nước ngoài (thay vì phải thông qua đơn vị nhận ủy thác nhập khẩu là PVOIL như trước đây). Hiện tại, PVOIL đóng vai trò đại lý nhập khẩu chính và PVTrans là đơn vị vận chuyển dầu thô nội địa đến cảng nhập dầu của Nhà máy.

PVOIL và PVTrans là các đơn vị cùng trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, có kinh nghiệm và mối quan hệ bền chặt với BSR.

PVTrans là đơn vị vận chuyển phần lớn dầu thô và các sản phẩm xăng dầu cho các NMLD tại Việt Nam.



Tuy nhiên, trong trường hợp hoạt động của PVOIL, PVTrans và các nhà cung cấp khác bị gián đoạn hoặc các thỏa thuận giữa BSR và các đơn vị này bị ngưng trệ, hoạt động sản xuất kinh doanh của BSR sẽ bị ảnh hưởng đáng kể.

3.7. Rủi ro liên quan đến sản phẩm thay thế

Xu hướng thế giới đang dần dịch chuyển nhu cầu từ sử dụng nguồn năng lượng truyền thống (dầu mỏ/khí đốt, than...) sang năng lượng tái tạo, năng lượng sạch (điện, gió, khí...). Tuy nhiên với cơ sở hạ tầng hiện nay ở Việt Nam còn hạn chế thì việc phát triển các nguồn năng lượng sạch cần lộ trình khá dài, kinh phí đầu tư lớn. Trong ngắn hạn đến năm 2030, chuyển dịch năng lượng có thể chưa tác động rõ ràng đến nhu cầu sử dụng các sản phẩm xăng dầu ở Việt Nam, dầu mỏ vẫn được sử dụng chính trong các lĩnh vực khó thay thế nhiên liệu hóa thạch như ngành hàng không, giao thông đường biển. Tuy nhiên sự sụt giảm về nhu cầu sử dụng các sản phẩm nhiên liệu, năng lượng truyền thống đặc biệt từ nguồn hóa thạch và thay vào đó là những nhiên liệu tái tạo, nhiên liệu mới điều không thể tránh khỏi. Trước bối cảnh này, để tăng tính cạnh tranh, giữ vững và tạo ra thị trường, BSR không ngừng đẩy mạnh công tác nghiên cứu và phát triển nhằm đổi mới, sáng tạo và cải tiến chất lượng sản phẩm. Trong ngắn hạn, BSR có thể chủ động trong việc tiêu thụ các loại sản phẩm lọc hóa dầu tại thị trường Việt Nam và trong khu vực trước các rủi ro phát triển sản phẩm mới.

3.8. Rủi ro liên quan đến khả năng nâng cấp mở rộng Nhà máy

Để tăng công suất nhà máy, đồng thời nâng chất lượng sản phẩm lên Euro V (hiện tại là II và III), BSR đang triển khai thực hiện dự án nâng cấp mở rộng Nhà máy. Tiến độ của dự án NCMR sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình kinh doanh của công ty. Chủ trương đầu tư Dự án Nâng cấp, mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất của Công ty cổ phần lọc hóa dầu Bình Sơn đã được chấp thuận điều chỉnh theo Quyết định số 482/QĐ-TTg ngày 5/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ và Công ty cổ phần lọc hóa dầu Bình Sơn đã ban hành quyết định đầu tư số 968/QĐ-BSR ngày 28/03/2024. Tuy nhiên, việc thực hiện dự án mở rộng này có thể có một số rủi ro tiềm ẩn về cả tài chính lẫn vận hành mà BSR phải tiếp tục xác định và có biện pháp giảm thiểu. Ngoài ra, chi phí đầu tư thực tế có thể phát sinh cao hơn so với chi phí dự kiến, ảnh hưởng đến khả năng sinh lời của dự án trong tương lai.

3.9. Rủi ro liên quan đến hoạt động đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Hiện nay, BSR tham gia góp vốn vào 04 công ty với tổng giá trị vốn góp theo mệnh giá là 899,3 tỷ đồng. Trong đó, có 02 công ty con (CTCP Bao bì và Thương mại Dầu khí Bình Sơn (BSPPT) và CTCP Nhiên liệu sinh học Dầu khí Miền Trung (BSR-BF)) và 02 khoản



đầu tư khác (PMS, PVOS). Hoạt động của các công ty BSPPT và PMS tương đối ổn định, có triển vọng phát triển và sinh lời qua các năm. BSR tham gia góp vốn khoảng 4,2 tỷ đồng vào PVOS, chiếm tỷ lệ rất nhỏ trong cơ cấu tài sản của BSR. PVOS đang trong giai đoạn dự án, chưa phát sinh doanh thu.

BSR đã tiến hành thủ tục để thoái vốn tại PMS, PVOS. Tuy nhiên công tác thoái vốn tại 2 đơn vị này hiện đang gặp vướng mắc về hành lang pháp lý liên quan đến thoái vốn tại các đơn vị chưa phải là công ty cổ phần đại chúng.

Ngày 27/5/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã có Quyết định số 01/2024/QĐ-MTTPS mở thủ tục phá sản đối với Công ty BSR-BF. Hiện tại, Công ty không còn toàn quyền kiểm soát hoạt động của BSR-BF. Là cổ đông của BSR-BF, BSR đang tích cực phối hợp với các bên liên quan để thực hiện các thủ tục phá sản BSR-BF.

4. Các rủi ro khác

Bên cạnh đó, hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro khác như rủi ro do thiên tai, sự ảnh hưởng những biến động chính trị, xã hội trên thế giới, chiến tranh... Nếu xảy ra, những rủi ro đó sẽ có thể gây thiệt hại về con người, tài sản của Công ty hoặc làm cho nguồn cung từ các nhà cung cấp bị ảnh hưởng, sản lượng bán hàng tiêu thụ Công ty bị giảm sút do ảnh hưởng của sức cầu thị trường tiêu dùng và các thị trường tiềm năng có thể mất ổn định. Những rủi ro này dù ít hay nhiều cũng sẽ có những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết – Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn

Ông: Nguyễn Văn Hội

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông: Bùi Ngọc Dương
đốc

Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám

Ông: Hoàng Đình Nhật

Chức vụ: Trưởng ban Kiểm soát

Ông: Bạch Đức Long

Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn – Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí

Bà: Phan Quỳnh Nga

Chức vụ: Giám đốc

(Theo Giấy ủy quyền số 29/UQ-NDD-CKDK của Người đại diện theo pháp luật cho các cấp thuộc PSI ký ngày 15/10/2024)



Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn số 558-2022/HĐ/BSR-PSI ngày 04/08/2022 với Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Trong Bản cáo bạch này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Tổ chức niêm yết : Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn (“BSR”)
- Điều lệ : Điều lệ của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn đã được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua
- Vốn điều lệ : Là số vốn do tất cả các cổ đông góp
- Cổ phần : Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau
- Cổ phiếu : Là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn
- Người có liên quan : Là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14

Những thuật ngữ khác (nếu có) mà không được liệt kê ở trên sẽ được hiểu theo quy định trong Luật doanh nghiệp số Luật Doanh nghiệp 2020 số 59/2020/QH14, Luật Chứng khoán năm 2019 số 54/2019/QH14 của Quốc hội và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

- ASEAN : Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
- BCTC : Báo cáo tài chính
- BKHCN : Bộ Khoa học Công nghệ
- BKS : Ban kiểm soát
- BQL : Ban quản lý
- BSR-BF : Công ty cổ phần Nhiên liệu sinh học Dầu khí Miền Trung



Carbon Black	: Là một loại carbon vô định hình, phụ gia sản xuất cao su và xăm lốp
CBCNV	: Cán bộ công nhân viên
CBTT	: Công bố thông tin
CDU	: Crude Distillation Unit/Phân xưởng chưng cất dầu thô
Công ty/ BSR	: Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn
CP	: Cổ phần
DEZA	: Ban quản lý Khu kinh tế Dung Quất
DK	: Dầu khí
DLQG	: Dữ liệu quốc gia
DO	: Diesel Oil/Nhiên liệu điêzen được dùng làm nhiên liệu cho động cơ điêzen của xe cơ giới.
DQRE	: Ban quản lý Dự án Nâng cấp mở rộng Nhà máy Lọc dầu Dung Quất
DTT	: Doanh thu thuần
DWT	: Là đơn vị đo năng lực vận tải an toàn của tàu thủy tính bằng tấn
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
ĐKKD	: Đăng ký kinh doanh
ĐKQL	: Đăng ký quản lý
E5 RON92	: Là sản phẩm xăng E5 (hỗn hợp của xăng không chì và etanol nhiên liệu với hàm lượng etanol từ 4 % đến 5 % thể tích) có trị số RON \geq 92
EURO II, III, IV, V	: Hệ thống tiêu chuẩn khí thải Châu Âu
FCA, FOB, CIF	: Là các loại điều kiện giao hàng đặc thù theo Incoterms 2010
FO	: Fuel Oils/Nhiên liệu đốt lò



FTAs	: Là các Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và các tổ chức, quốc gia khác
HĐ	: Hợp đồng
HĐQT	: Hội đồng quản trị
LD	: Liên doanh
LN	: Lợi nhuận
LNTT	: Lợi nhuận trước thuế
NCMR	: Nâng cấp mở rộng/Dự án nâng cấp mở rộng NMLD Dung Quất
NMLD	: Nhà máy lọc dầu
PR	: Công tác truyền thông và quan hệ công chúng
PVN	: Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
QLDA	: Quản lý dự án
TCCS	: Tiêu chuẩn cơ sở cho từng loại sản phẩm do Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn ban hành
TCHC	: Tổ chức hành chính
Thuế TNDN	: Thuế thu nhập doanh nghiệp
Thuế TNCN	: Thuế thu nhập cá nhân
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
TSCĐ	: Tài sản cố định
UBCKNN	: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
UBND	: Ủy ban nhân dân
UPCoM	: Sàn giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết
USD	: Đô la Mỹ
VĐL	: Vốn điều lệ
VND	: Đồng Việt Nam



XD : Xây dựng

XNLD : Xí nghiệp liên doanh


(Trang này được cố ý để trống).



IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu chung về Công ty

- Tên gọi Công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN LỘC HÓA DẦU BÌNH SƠN**
- Tên Công ty bằng tiếng Anh : BINH SON REFINING AND PETROCHEMICAL JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt : BSR
- Địa chỉ : 208 Đại lộ Hùng Vương, Phường Trần Phú, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam
- Điện thoại : 0255.3825825 Fax: 0255.3825826
- Website : www.bsr.com.vn
- Logo công ty : 
- Mã số thuế : 4300378569
- Vốn điều lệ hiện tại : 31.004.996.160.000 đồng
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4300378569 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp lần đầu ngày 05 tháng 06 năm 2008, thay đổi lần thứ 15 ngày 05 tháng 09 năm 2023.
- Công ty chính thức giao dịch trên hệ thống giao dịch UPCoM của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày 01/03/2018.
- Ngành nghề sản xuất kinh doanh của Công ty bao gồm:
 - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên
 - **Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế (chính)**
 - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải
 - Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu
 - Sửa chữa máy móc, thiết bị



- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trù gỗ, tre, nứa) và động vật sống
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển
- Sửa chữa thiết bị khác.

1.2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

- Giai đoạn triển khai dự án (từ năm 2005 đến năm 2008)

Dự án Nhà máy lọc dầu (NMLD) Dung Quất do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam làm chủ đầu tư, chính thức được khởi công vào ngày 28/11/2005 tại Khu kinh tế (KKT) Dung Quất, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi; với tổng mức đầu tư là 2,5 tỷ USD, được phê duyệt điều chỉnh lên 3 tỷ USD vào năm 2009¹ có công suất chế biến 6,5 triệu tấn dầu thô/năm, đáp ứng trên 30% nhu cầu xăng dầu cả nước. Dự án NMLD Dung Quất là công trình trọng điểm quốc gia về dầu khí, có ý nghĩa hết sức to lớn đối với việc phát triển kinh tế xã hội. Việc đầu tư xây dựng NMLD Dung Quất cho phép Việt Nam chế biến dầu thô trong nước, đảm bảo từng bước về an ninh năng lượng, giảm bớt sự phụ thuộc vào Nguồn cung cấp xăng dầu từ nước ngoài, tạo ra diện mạo mới trong tiến trình phát triển khu vực miền Trung, đặc biệt là tỉnh Quảng Ngãi.

¹ Căn cứ Quyết định số 546/QĐ-TTg ngày 17/06/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh dự án đầu tư NMLD số 1 Dung Quất, Tổng mức đầu tư được phê duyệt tại thời điểm này là 2.501 triệu USD.

Căn cứ Quyết định số 1291/QĐ-TTg ngày 17/06/2009 của Thủ tướng Chính phủ v/v phê duyệt Tổng mức đầu tư điều chỉnh dự án NMLD Dung Quất, Tổng mức đầu tư dự án được điều chỉnh lên 3.053.556.339 USD (3 tỷ USD).



Dự án NMLD Dung Quất là một bước tiến quan trọng, đặt nền móng cho ngành công nghiệp mũi nhọn của đất nước, giải quyết có hiệu quả các nhu cầu về việc làm, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng Nguồn thu ngân sách và phát triển các ngành dịch vụ khác của địa phương từ giai đoạn xây dựng đến giai đoạn vận hành sản xuất.

- Giai đoạn thành lập Công ty và chạy thử NMLD (từ năm 2008 đến 2011)

Để quản lý và vận hành NMLD Dung Quất, Công ty TNHH MTV Lọc – Hóa dầu Bình Sơn (BSR) được thành lập trên cơ sở Quyết định số 1018/QĐ-DKVN ngày 9 tháng 5 năm 2008 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Theo đó, Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn được giao nhiệm vụ quản lý, điều hành sản xuất Nhà máy Lọc dầu Dung Quất và kinh doanh các sản phẩm lọc, hóa dầu của Nhà máy.

Ngày 22/02/2009: Nhà máy đã sản xuất ra dòng sản phẩm đầu tiên và được Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc Bộ Khoa học & Công nghệ chính thức công bố giấy xác nhận chất lượng sản phẩm xăng dầu của Nhà máy.

Ngày 25/5/2010: quá trình chạy nghiệm thu đã thành công, Nhà máy đã vận hành 100% công suất thiết kế, đảm bảo an toàn, sản xuất ra tất cả các chủng loại sản phẩm theo đúng thiết kế, đạt chất lượng cao.

Ngày 30/5/2010: Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã chính thức nhận bàn giao NMLD Dung Quất từ Tổ hợp nhà thầu Technip và giao cho BSR trực tiếp quản lý điều hành, đưa nhà máy vào vận hành thương mại, chủ động sản xuất và kinh doanh các sản phẩm xăng dầu đạt chất lượng cao để cung cấp cho thị trường trong nước.

Tính từ ngày 22/02/2009 đến hết tháng 12/2010: BSR đã tiếp nhận 8,3 triệu tấn dầu thô, chế biến và cung cấp cho thị trường 7,2 triệu tấn sản phẩm các loại. Trong năm 2010, BSR đạt doanh thu thuần khoảng 58,46 ngàn tỷ đồng, lợi nhuận đạt trên 119,11 tỷ đồng và nộp ngân sách Nhà nước hơn 10 ngàn tỷ đồng.

- Giai đoạn ổn định sản xuất đến trước khi thực hiện cổ phần hóa (từ năm 2011 đến 2017)

Ngày 06/01/2011: NMLD Dung Quất chính thức được Thủ tướng Chính phủ cắt băng khánh thành. Kể từ khi Công ty tiếp nhận NMLD Dung Quất, công suất trung bình của nhà máy luôn được duy trì ở mức trên 95% và sau khi nhà máy được bảo dưỡng lần thứ 1 thành công, nhà máy luôn vận hành ở mức 100% công suất.

Năm 2012: hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn do phải dừng tổng cộng 68 ngày để bảo dưỡng, xử lý dứt điểm tồn tại kỹ thuật. Tuy nhiên, nhà máy đã



chế biến và xuất bán ra thị trường 5,6 triệu tấn sản phẩm xăng, dầu các loại, doanh thu đạt 127,78 ngàn tỷ đồng, nộp Ngân sách Nhà nước trên 17,61 ngàn tỷ đồng.

Năm 2013: Công ty đã hoàn thành vượt mức toàn bộ các mục tiêu đã đề ra, nhập 7,3 triệu tấn dầu thô (vượt hơn so với thiết kế là 6,5 triệu tấn), sản xuất và bán ra thị trường 6,6 triệu tấn sản phẩm các loại, tổng doanh thu trên 154,27 ngàn tỷ đồng, đạt 141% kế hoạch năm; nộp Ngân sách Nhà nước trên 28,42 ngàn tỷ đồng, đạt 212% kế hoạch năm.

Tính đến năm 2014: NMLD Dung Quất đã đạt mốc vận hành 630 ngày liên tục không có sự cố trước khi dừng để thực hiện đợt bảo dưỡng tổng thể lần thứ 2 do chính cán bộ của Công ty hoạch định và quản lý - một khối lượng công việc khổng lồ trong đợt bảo dưỡng tổng thể lần thứ 2. Ngày 14/08/2014, Công ty đã tổ chức tổng kết công tác bảo dưỡng tổng thể lần 2 NMLD Dung Quất. Công tác bảo dưỡng tổng thể lần 2 Nhà máy hoàn thành trước 4 ngày so với kế hoạch với chất lượng và độ an toàn cao.

Ngày 22/12/2014: Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ra quyết định số 9016/QĐ-DKVN chính thức phê duyệt Dự án Nâng cấp mở rộng (NCMR) NMLD Dung Quất. Theo đó, Dự án NCMR với tổng mức đầu tư 1.813 triệu USD. Sau khi hoàn thành, công suất chế biến dầu thô của Nhà máy dự kiến sẽ đạt 8,5 triệu tấn/năm và chất lượng sản phẩm đầu ra đáp ứng tiêu chuẩn EURO V. Bên cạnh đó, mức độ linh động trong việc lựa chọn dầu thô đầu vào của Công ty sẽ được nâng cao, không còn phụ thuộc vào nguồn dầu thô từ mỏ Bạch Hổ đang dần tụt giảm về sản lượng.

Trong giai đoạn 2011-2016: tổng sản lượng của nhà máy giai đoạn này đạt khoảng 37 triệu tấn sản phẩm, doanh thu đạt trên 693 nghìn tỷ đồng, nộp Ngân sách Nhà nước trên 118 nghìn tỷ đồng, góp phần quan trọng trong công tác đảm bảo an ninh năng lượng của đất nước, tham gia tích cực vào việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng nguồn thu ngân sách và phát triển các ngành công nghiệp, dịch vụ khác của tỉnh Quảng Ngãi.

Năm 2016: Công ty đã hoàn thành kế hoạch sản xuất đề ra sớm trước 52 ngày. Theo đó, trong năm 2016, Công ty đạt khoảng 6,83 triệu tấn sản phẩm, vượt kế hoạch sản xuất khoảng 1 triệu tấn.

Ngày 08/12/2017: Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1978/QĐ-TTg về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Lộc hóa dầu Bình Sơn.

- Giai đoạn từ khi thực hiện cổ phần hóa đến nay (từ 2018 đến nay)

Ngày 17/01/2018: BSR đã tổ chức thành công phiên đấu giá cổ phiếu lần đầu ra công chúng (IPO). Toàn bộ 241.556.969 cổ phần (tương đương 7,79% cổ phần BSR) đã được



đầu giá thành công. Mức giá trúng đầu giá thấp nhất là 20.800 đồng. Mức giá cao nhất là 14.800.000 đồng/cổ phiếu mức giá trung bình là 23.043 đồng/cổ phiếu.

Ngày 01/3/2018: Cổ phiếu BSR bắt đầu giao dịch trên hệ thống UPCoM của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với số lượng cổ phiếu giao dịch là 241.556.969 cổ phiếu.

Ngày 01/07/2018: Công ty chuyển đổi thành CTCP theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4300378569 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp lần thứ 12 ngày 01/07/2018 với vốn điều lệ là 31.004.996.160.000 đồng.

Ngày 15/8/2018: Công ty được UBCKNN chấp thuận là công ty đại chúng theo văn bản số 5068/UBCK-GSĐC ngày 15/8/2018

Ngày 14/12/2018: 2.691.400 cổ phiếu BSR bán cho người lao động trong Công ty được đăng ký giao dịch bổ sung và chính thức giao dịch trên sàn UPCoM nâng tổng số cổ phiếu được đăng ký giao dịch lên 244.119.369 cổ phiếu (tương ứng với 7,87% vốn điều lệ).

Ngày 22/02/2019: đánh dấu 10 năm BSR sản xuất và xuất bán các sản phẩm ra thị trường đảm bảo chất lượng, góp phần phát triển kinh tế và ổn định an ninh năng lượng Quốc gia.

Năm 2019 cũng là năm NMLD Dung Quất đã đạt mốc 23 triệu giờ công an toàn, không có tai nạn mất ngày công.

Năm 2020: Công ty thực hiện thành công Bảo dưỡng tổng thể lần thứ 4. Đạt được 04 chỉ tiêu “An toàn – Chất lượng – Tiến độ – Tiết giảm chi phí” trong giai đoạn dịch bệnh Covid-19 bùng phát lần 2 trong cả nước và đặc biệt ở Miền Trung.

Năm 2021: BSR đã vững vàng vượt qua ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 lên hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, lợi nhuận sau thuế cả năm hơn 6,7 nghìn tỷ đồng, năm 2021 được ghi nhận là cột mốc cao về lợi nhuận của BSR sau cổ phần hóa.

Năm 2022: BSR đạt mức doanh thu và lợi nhuận sau thuế cao nhất kể từ khi Nhà máy lọc dầu Dung Quất đi vào vận hành thương mại với doanh thu gần 169 nghìn tỷ đồng, và lợi nhuận sau thuế đạt 14,67 nghìn tỷ đồng.

Năm 2023: BSR vận hành Nhà máy an toàn tuyệt đối: đạt trên 42,2 triệu giờ công an toàn. Nhà máy vận hành 1.180 ngày liên tục. Đây là thời gian dài nhất kể từ khi NMLD đưa vào vận hành thương mại. Sản lượng sản xuất của BSR đạt kỷ lục: hơn 7,36 triệu tấn sản phẩm, cao nhất kể từ khi NMLD Dung Quất đi vào vận hành thương mại. Đây cũng là năm BSR được ghi nhận những nỗ lực trong hoạt động sản xuất kinh doanh khi lọt Top 4 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam 2023 theo bảng xếp hạng “VNR500 – Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2023 và Fitch Ratings xếp hạng tín nhiệm lần đầu ở mức BB+/Positive với triển vọng ổn định.



Hiện nay, CTCP Lộc hóa dầu Bình Sơn hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số số 4300378569 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp với vốn điều lệ là 31.004.996.160.000 đồng.

Mục tiêu phát triển được PVN đề ra cho Công ty trong giai đoạn tới là xây dựng BSR trở thành công ty lọc – hóa dầu chủ động, năng động, có năng lực cạnh tranh ở trong nước và quốc tế, đạt hiệu quả sản xuất kinh doanh ở mức cao gắn liền với bảo vệ môi trường, an toàn và tích cực tham gia hoạt động an sinh xã hội. Trong đó, các mục tiêu chính được đề ra nhằm tiếp tục thích ứng linh hoạt – tăng trưởng vững vàng trong giai đoạn tới như sau:

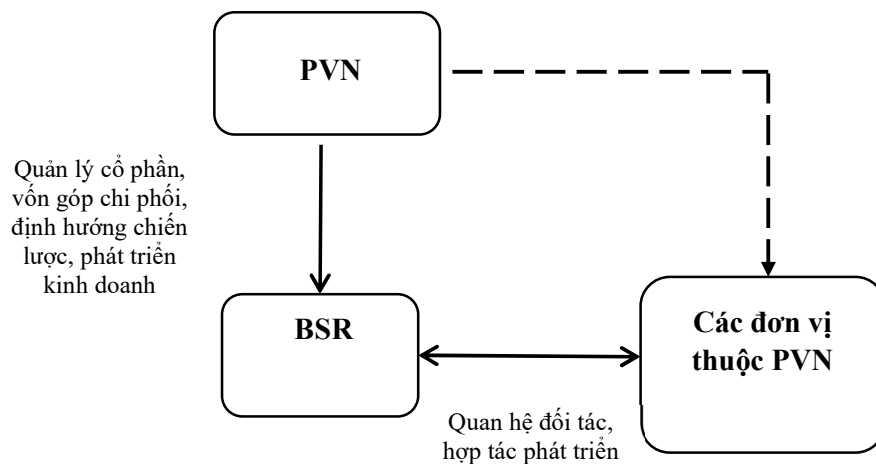
- Tập trung tổ chức hoạt động sản xuất an toàn, ổn định, hiệu quả, làm chủ công nghệ và bền vững.
- Hoàn thành và đưa vào hoạt động Dự án NCMR NMLD Dung Quất.
- Bảo vệ môi trường, phát triển bền vững và làm tốt công tác an sinh xã hội, đóng góp vào sự phát triển chung của địa phương.

1.3. Quá trình thay đổi vốn điều lệ của Công ty

Ngày 01/07/2018, Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần. Từ thời điểm hoạt động dưới hình thức CTCP tới nay, Công ty chưa thực hiện thay đổi vốn điều lệ.

2. Cơ cấu tổ chức của BSR trong mối quan hệ với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN)

Hình 1: Cơ cấu tổ chức Công ty



Nguồn: BSR



Mối quan hệ với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam:

Tập đoàn Dầu khí Việt Nam quản lý cổ phần tại BSR thông qua Người đại diện vốn của PVN tại BSR. Thông qua Người đại diện vốn, PVN sẽ tác động quyết định đến các vấn đề của BSR căn cứ trên số phiếu biểu quyết mà PVN nắm giữ.

Mối quan hệ với các đơn vị thuộc Tập đoàn:

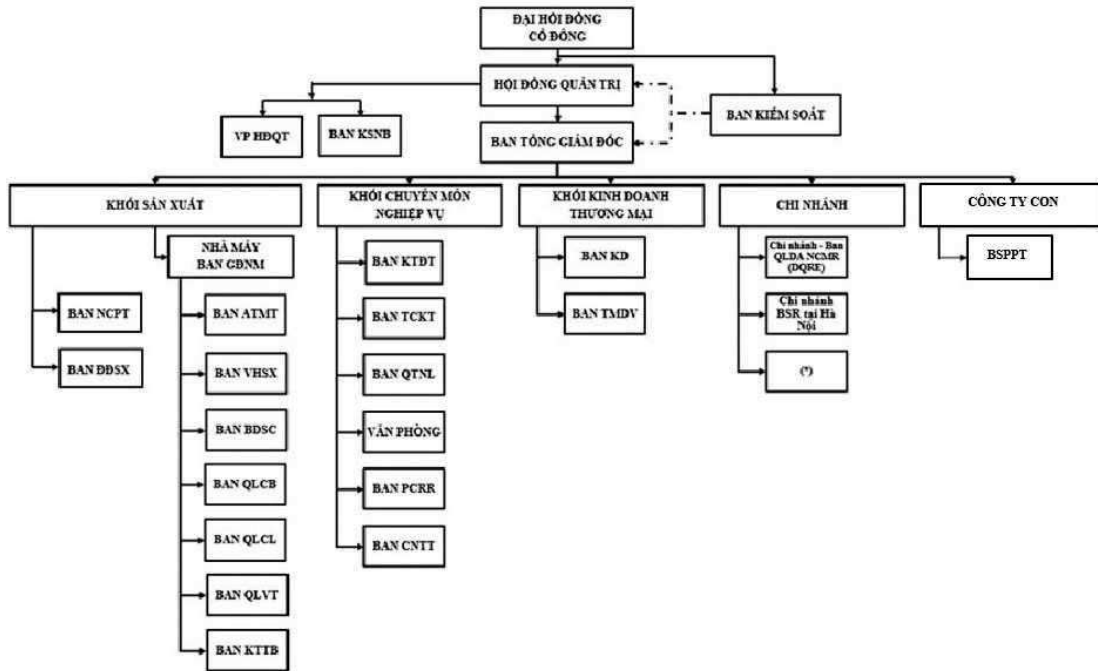
- **PVOIL:** là một trong các đối tác cung cấp dầu thô đầu vào; cho thuê kho chứa xăng dầu và tiêu thụ sản phẩm xăng dầu.
- **PVTrans:** là đối tác cung cấp dịch vụ vận chuyển dầu thô phục vụ vận hành Nhà máy lọc dầu Dung Quất.
- **PETEC:** là một trong các đối tác cung cấp dịch vụ cho thuê kho chứa xăng dầu.
- **PVChem:** là một trong các đối tác cung cấp dịch vụ kỹ thuật để thực hiện công tác bảo dưỡng, sửa chữa đối với Nhà máy Lọc hóa dầu và hợp tác cung cấp nguyên liệu bột PP của Nhà máy Lọc dầu Dung Quất cho dự án Nhà máy sản xuất PP Filler Masterbatch/Compound của PVChem.
- **PTSC:** là đối tác cung cấp dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa.
- **Các đơn vị khác thuộc Tập đoàn:** là mối quan hệ phối hợp trong việc thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh được giao.

3. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty

Công ty cổ phần Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các Luật khác có liên quan cũng như Điều lệ của Công ty.



Hình 2: Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty



(*): Các Chi nhánh, Trung tâm NCPT sẽ được cập nhật theo Đề án được phê duyệt.

Nguồn: BSR

Chú thích:

- VP HĐQT: Văn phòng Hội đồng quản trị
- Ban KSNB: Ban Kiểm soát nội bộ
- Ban VHSX: Ban Vận hành sản xuất
- Ban QLCB: Ban Quản lý cảng biển
- Ban ĐDSX: Ban Điều độ sản xuất
- Ban QLCL: Ban Quản lý chất lượng
- Ban KTTB: Ban Kiểm tra thiết bị
- Ban BDSC: Ban Bảo dưỡng Sửa chữa
- Ban QLVT: Ban Quản lý vật tư
- Ban ATMT: Ban An toàn Môi trường
- Ban KD: Ban Kinh doanh
- Ban NCPT: Ban Nghiên cứu phát triển
- Ban KTĐT: Ban Kinh tế Đầu tư
- Ban TCKT: Ban Tài chính Kế toán
- Ban QTNL: Ban Quản trị và Phát triển Nguồn nhân lực
- Ban PCRR: Ban Pháp chế - Quản trị rủi ro
- Ban TMDV: Ban Thương mại Dịch vụ
- Ban DQRE: Ban Quản lý dự án Nâng cấp mở rộng NMLD Dung Quất.
- Chi nhánh BSR tại Hà Nội: Chi nhánh Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn tại Hà Nội
- BSPPT: Công ty cổ phần Bao bì và Thương mại Dầu khí Bình Sơn (sở hữu 83,26% VĐL).



- **Đại hội đồng cổ đông**

ĐHĐCĐ là gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, hoạt động thông qua cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, Đại hội đồng cổ đông bất thường và thông qua việc lấy ý kiến bằng văn bản. Đại hội đồng cổ đông có quyền bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

- **Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm 05 (năm) đến 07 (bảy) thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

- **Ban Kiểm soát**

Ban Kiểm soát là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thay mặt các cổ đông để kiểm soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan và trung thực mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty, thực trạng tài chính của Công ty và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) thành viên, do Đại hội đồng cổ đông bầu. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế... Thành viên ban kiểm soát không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty. Thành viên ban kiểm soát không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước.

- **Ban Tổng Giám đốc**

Hệ thống quản lý của Công ty phải được đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty.

Bộ máy quản lý Công ty có một (01) Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, một (01) Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết Hội



đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức.

Tổng Giám đốc (TGD) là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người trong số các thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc và ký hợp đồng, Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng Giám đốc không được đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.

- **Số lượng đầu mối thuộc BSR**

BSR được tổ chức thành các đầu mối trực thuộc bao gồm:

- **Khối sản xuất:** bao gồm Nhà máy lọc dầu Dung Quất đặt tại Khu kinh tế Dung Quất, thuộc địa bàn các xã Bình Thuận và Bình Trị, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi và 9 Ban chuyên môn.
- **Khối chuyên môn nghiệp vụ:** bao gồm Văn phòng và 5 Ban chuyên môn.
- **Khối Kinh doanh thương mại:** bao gồm 02 Ban chuyên môn.
- **02 Chi nhánh:** bao gồm Chi nhánh DQRE phụ trách các công tác liên quan tới Dự án Nâng cấp mở rộng Nhà máy lọc Dầu Dung Quất và Chi nhánh BSR tại Hà Nội hoạt động theo sự ủy quyền của Công ty.
- **Khối công ty con:** gồm 1 Công ty con.

4. **Danh sách cổ đông sáng lập; Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty; Cơ cấu cổ đông**

4.1. **Danh sách cổ đông sáng lập**

Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn là Công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, qua quá trình cổ phần hóa – chào bán ra công chúng, do vậy, Công ty không có cổ đông sáng lập.



4.2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty

Bảng 1: Danh sách cổ đông nắm giữ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty tại 15/10/2024

TT	Cổ đông	Số ĐKDN	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ trọng
1	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN)	0100681592	Số 18 Láng Hạ - Ba Đình – Hà Nội	2.856.380.247	92,13%

Nguồn: BSR

4.3. Cơ cấu cổ đông (tại ngày 15/10/2024)

Bảng 2: Cơ cấu cổ đông

TT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông tổ chức	87	2.907.951.641	93,79%
	Trong nước	62	2.888.427.057	93,16%
	Nước ngoài	25	19.524.584	0,63%
II	Cổ đông cá nhân	28.898	192.547.975	6,21%
	Trong nước	28.783	189.462.316	6,11%
	Nước ngoài	115	3.085.659	0,10%
III	Tổng cộng	28.985	3.100.499.616	100,00%

Nguồn: BSR

(Trang này được cố ý để trống).



5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết

5.1. Công ty mẹ, công ty nắm quyền kiểm soát hay chi phối BSR

- Công ty mẹ : **Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN)**
- Năm thành lập : 09/9/1977
- Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp : 0100681592
- Địa chỉ trụ sở chính : Số 18 Láng Hạ, Hà Nội
- Vốn điều lệ : 281.500.000.000.000 đồng
- Người đại diện theo pháp luật : Ông Lê Ngọc Sơn Chức vụ: Thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc
- Website: : www.pvn.vn
- Vốn góp tại BSR : 28.563.802.470.000 đồng chiếm 92,13% vốn điều lệ
- Ngành nghề kinh doanh :
 - Nghiên cứu, tìm kiếm, thăm dò, khai thác, vận chuyển, chế biến, tàng trữ dầu khí, khí hòa tan, làm dịch vụ về dầu khí ở trong và ngoài nước;
 - Kinh doanh dịch vụ khai thác dầu thô, khí, các sản phẩm dầu, khí và các sản phẩm có nguồn gốc từ dầu khí trong và ngoài nước;
 - Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị dầu khí, sản phẩm dầu khí, hóa dầu;
 - Kinh doanh phân phối các sản phẩm dầu, khí, các nguyên liệu hóa phẩm dầu, khí;
 - Khảo sát, thiết kế, xây dựng, khai thác, sửa chữa các công trình, phương tiện phục vụ dầu khí, dân dụng;
 - Tư vấn đầu tư xây dựng, thiết kế các công trình, phương tiện phục vụ dầu khí, dân dụng; sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng;
 - Đầu tư, sản xuất, chế biến, kinh doanh nhiên liệu sinh học;



- Đầu tư, sản xuất kinh doanh điện và phân bón;
- Đầu tư khai thác than và các loại khoáng sản tại nước ngoài, ký kết hợp đầu nhập khẩu cung ứng than, hợp tác khai thác và kinh doanh than trong nước, vận chuyển và tàng trữ than;
- Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm lọc hóa dầu, tư vấn chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực sản xuất và chế biến các sản phẩm lọc hóa dầu;
- Đầu tư sản xuất và kinh doanh năng lượng tái tạo.

5.2. Những công ty con, công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

Nguyên tắc ghi nhận:

Theo quy định tại điểm 3, khoản 1, điều 40 - Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác, Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp:

*“3. Giá phí các khoản đầu tư được **phản ánh theo giá gốc**, bao gồm giá mua cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có), như: Chi phí giao dịch, môi giới, tư vấn, kiểm toán, lệ phí, thuế và phí ngân hàng... Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.”*

Công ty chưa trình bày giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các công ty nhận đầu tư của Công ty đều là các công ty chưa niêm yết và các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các công ty này.

5.2.1. Thông tin chi tiết về công ty con và các công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối như sau:

- Công ty cổ phần Bao bì và Thương mại Dầu khí Bình Sơn (BSPPT)
 - Tên công ty: Công ty cổ phần Bao bì và Thương mại Dầu khí Bình Sơn
 - Trụ sở chính: Thôn Phước Hòa, xã Bình Trị, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 4300429492 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp lần đầu ngày 02/04/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 23 ngày 09/08/2024
 - Ngành nghề kinh doanh chính: Thương mại dịch vụ bao bì hạt nhựa, cung cấp dịch vụ hậu cần,...
 - Vốn điều lệ thực góp: 175.222.845.365 đồng



- Vốn đăng ký/vốn thực góp của BSR : 145.892.845.365 đồng tương đương chiếm 83,26% vốn điều lệ của BSPPT.
- Hiện tại BSPPT đang kinh doanh có lãi.

5.2.2. Góp vốn vào các đơn vị khác

- **Công ty Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung (BSR-BF)**

- Tên công ty: Công ty cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung
- Trụ sở chính: KCN phía Đông – Khu Kinh tế Dung Quất, xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 3403000191 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp lần đầu ngày 29/08/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 11/01/2018
- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, bán buôn nhiên liệu sinh học và các sản phẩm liên quan
- Vốn điều lệ đăng ký theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 982.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp: 1.132.370.320.000 đồng
- Vốn đăng ký góp theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của BSR 599.020.000.000 đồng, tương đương chiếm 61% vốn điều lệ đăng ký của BSR-BF
- Vốn thực góp của BSR 742.165.320.000 đồng, tương đương chiếm 65,54% vốn điều lệ thực góp của BSR-BF
- Ngày 18/5/2016, ĐHĐCĐ BSR-BF đã có Nghị quyết số 94/NQ-BSR-BF về việc tăng vốn điều lệ từ 982 tỷ đồng lên 1.252 tỷ đồng. Trong số các cổ đông của BSR-BSF chỉ có BSR góp đủ vốn điều lệ tăng thêm theo Nghị quyết, các cổ đông khác góp một phần hoặc không góp. Đồng thời BSR-BF chưa thực hiện thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo vốn điều lệ thực góp. Do đó tỷ lệ vốn góp và tỷ lệ biểu quyết của BSR tại BSR-BF được ghi nhận khác nhau.
- Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung: phát sinh lỗ.
- Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 65201000077 ngày 11/9/2008 của Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất, Công ty cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung là Chủ đầu tư Dự án Nhà máy sản xuất Bio-ethanol nhiên liệu.
- Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam đã có Nghị quyết số 6863/NQ-DKVN ngày



25/11/2022 về việc thực hiện phương án xử lý đối với các dự án, doanh nghiệp VNPOLY và Nhiên liệu sinh học. Theo đó, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thông qua chủ trương thực hiện phương án phá sản đối với Dự án nhiên liệu sinh học Dung Quất và giao Người đại diện phần vốn của Tập đoàn tại BSR, PVOIL triển khai thực hiện phương án theo trình tự, quy định của pháp luật, báo cáo PVN kết quả thực hiện.

- Ngày 08/02/2023, Hội đồng quản trị BSR đã có Nghị quyết số 01/NQ-BSR ngày 08/02/2023 về việc thực hiện phương án xử lý đối với BSR-BF. Theo đó, BSR đã chấp thuận chủ trương để Người đại diện phần vốn của BSR tại BSR-BF biểu quyết thông qua việc thực hiện phương án phá sản đối với BSR-BF trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật và điều lệ BSR-BF.
- Ngày 28/6/2023, Hội đồng quản trị BSR-BF đã có Quyết định số 14/QĐ-BSR-BF về việc triển khai các thủ tục phá sản BSR-BF.
- Ngày 22/2/2024, BSR-BF đã nộp đơn đến Tòa án Nhân dân Tỉnh Quảng Ngãi yêu cầu mở thủ tục phá sản.
- Ngày 27/05/2024, Tòa án Nhân dân Tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành Quyết định số 01/2024/QĐ-MTTPS về việc Mở thủ tục phá sản đối với Công ty cổ phần Nhiên liệu Sinh học dầu khí Miền Trung.

Cơ sở thay đổi ghi nhận khoản đầu tư vào BSR-BF:

- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty đang ghi nhận trên báo cáo tài chính khoản đầu tư vào BSR-BF là khoản đầu tư vào công ty con với giá gốc là 205.772.028.927 VND.
- Theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 41, Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính: Tài khoản 211 - Đầu tư vào công ty con:
*“b) Chỉ hạch toán vào TK 221 “Đầu tư vào công ty con” khi nhà đầu tư nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết (ngoại trừ trường hợp tại điểm c dưới đây) và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị khác nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó. **Khi công ty mẹ không còn quyền kiểm soát công ty con thì ghi giảm khoản đầu tư vào công ty con.**”*
- Ngày 22 tháng 02 năm 2024, Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung (“BSR-BF”) đã nộp đơn lên Tòa án Nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (“Tòa án”) để mở thủ tục phá sản. Ngày 27 tháng 5 năm 2024, Tòa án đã ban hành Quyết định số 01/2024/QĐ-MTTPS mở thủ tục phá sản đối với BSR-BF.



- Theo quy định tại Điều 47, Điều 48, Điều 49 và Điều 59 của Luật Phá sản số 51/2014/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2014:

Điều 47. Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã sau khi có quyết định mở thủ tục phá sản

*“1. Sau khi có quyết định mở thủ tục phá sản, doanh nghiệp, hợp tác xã vẫn tiếp tục hoạt động kinh doanh, **nhưng phải chịu sự giám sát của Thẩm phán và Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản.***

2. Trường hợp xét thấy người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, hợp tác xã không có khả năng điều hành, doanh nghiệp, hợp tác xã có dấu hiệu vi phạm khoản 1 Điều 48 của Luật này thì Thẩm phán ra quyết định thay đổi người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, hợp tác xã đó theo đề nghị của Hội nghị chủ nợ hoặc Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản.”

Điều 48. Hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã bị cấm sau khi có quyết định mở thủ tục phá sản

“1. Sau khi có quyết định mở thủ tục phá sản, cấm doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện các hoạt động sau:

a) Cất giấu, tẩu tán, tặng cho tài sản;

b) Thanh toán khoản nợ không có bảo đảm, trừ khoản nợ không có bảo đảm phát sinh sau khi mở thủ tục phá sản và trả lương cho người lao động trong doanh nghiệp, hợp tác xã quy định tại điểm c khoản 1 Điều 49 của Luật này;

c) Từ bỏ quyền đòi nợ;

d) Chuyển khoản nợ không có bảo đảm thành nợ có bảo đảm hoặc có bảo đảm một phần bằng tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã.

2. Giao dịch quy định tại khoản 1 Điều này là vô hiệu và xử lý theo quy định tại Điều 60 của Luật này.”

- 49. Giám sát hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã sau khi có quyết định mở thủ tục phá sản

“1. Sau khi có quyết định mở thủ tục phá sản, doanh nghiệp, hợp tác xã phải báo cáo Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản trước khi thực hiện các hoạt động sau:

a) Hoạt động liên quan đến việc vay, cầm cố, thế chấp, bảo lãnh, mua bán, chuyển nhượng, cho thuê tài sản; bán, chuyển đổi cổ phần; chuyển quyền sở hữu tài sản;

b) Chấm dứt thực hiện hợp đồng có hiệu lực;



c) Thanh toán khoản nợ phát sinh sau khi mở thủ tục phá sản; trả lương cho người lao động trong doanh nghiệp, hợp tác xã.

.....

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của doanh nghiệp, hợp tác xã thì Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản có trách nhiệm trả lời cho doanh nghiệp, hợp tác xã việc được thực hiện hoặc không được thực hiện các hoạt động quy định tại khoản 1 Điều này và phải chịu trách nhiệm về việc trả lời của mình. Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản phải báo cáo Thẩm phán về nội dung trả lời của mình.

4. Các hoạt động quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện mà không có sự đồng ý của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản thì bị đình chỉ thực hiện, khôi phục lại tình trạng ban đầu và giải quyết hậu quả theo quy định của pháp luật.”

- Tham chiếu đến đoạn 37 Phụ lục B - Hướng dẫn áp dụng của Chuẩn mực Lập báo cáo tài chính quốc tế số 10 về Báo cáo tài chính hợp nhất:

*“Nhà đầu tư không có quyền kiểm soát một công ty nhận đầu tư, ngay cả khi nhà đầu tư nắm giữ phần lớn quyền biểu quyết trong công ty đó, nếu quyền biểu quyết đó không có ý nghĩa thực chất. **Ví dụ, một nhà đầu tư nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết trong một công ty được đầu tư không thể có quyền kiểm soát nếu các hoạt động liên quan chịu sự điều hướng của một chính phủ, tòa án, người quản lý, người thanh lý tài sản, người thanh toán hoặc cơ quan quản lý.**”*

- Theo đó, kể từ ngày 27 tháng 5 năm 2024, các hoạt động của BSR-BF sẽ chịu sự giám sát của Thẩm phán và Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản. Lúc này, Công ty, với tư cách là người tham gia thủ tục phá sản, chỉ còn quyền và nghĩa vụ theo Điều 18 của Luật Phá sản mà không còn quyền kiểm soát tại BSR-BF. Khoản đầu tư vào BSR-BF không đủ điều kiện ghi nhận là đầu tư vào công ty con kể từ ngày này.
- Theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 43, Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính: Tài khoản 228 – Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:
“a) Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động tăng, giảm các loại đầu tư khác (ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, vốn góp vào công ty liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết), như:



- Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư;”

- Do đó, BSR phân loại giá trị khoản đầu tư vào BSR-BF sang khoản mục “Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác” trên báo cáo tài chính.
- **Công ty cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí (PMS)**
 - Tên công ty: Công ty cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí
 - Trụ sở chính: Đường Võ Văn Kiệt, thôn Đô Lễ, xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi
 - Giấy phép chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4300468798 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 29/06/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 09/02/2018
 - Ngành nghề kinh doanh chính: Xây dựng, bảo dưỡng, sửa chữa công trình...
 - Vốn điều lệ thực góp: 82.200.000.000 đồng
 - Vốn đăng ký/vốn thực góp của BSR: 7.000.000.000 đồng tương đương chiếm 8,52% vốn điều lệ của PMS.
 - Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí: kinh doanh có lãi.
- **Công ty TNHH Kho ngầm Xăng dầu Dầu khí Việt Nam (PVOS)**
 - Tên công ty: Công ty TNHH Kho ngầm Xăng dầu Dầu khí Việt Nam
 - Trụ sở chính: KCN Dầu khí Long Sơn, xã Long Sơn, Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
 - Giấy phép chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500889978 ngày 22/07/2008, đăng ký thay đổi lần 8 ngày 13/08/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp.
 - Ngành nghề kinh doanh chính: Đầu tư xây dựng và vận hành kho ngầm chứa xăng dầu để tồn chứa dầu thô và các sản phẩm dầu chủ yếu phục vụ Nhà máy lọc dầu
 - Vốn điều lệ thực góp: 95.467.730.000 đồng
 - Vốn đăng ký/vốn thực góp của BSR: 4.244.000.000 đồng tương đương chiếm 5,03% vốn điều lệ của PVOS.
 - Công ty TNHH Kho ngầm Xăng dầu Dầu khí Việt Nam: phát sinh lỗ.
 - BSR đã trích lập dự phòng 1.492.777.634 đồng đối với khoản đầu tư vào PVOS.



6. Hoạt động kinh doanh

Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn được thành lập để quản lý, vận hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhà máy Lộc dầu Dung Quất, do vậy, hoạt động chính của Công ty là chế biến – kinh doanh các sản phẩm lọc, hóa dầu,... gắn liền với hoạt động sản xuất tại Nhà máy.

Nhà máy Lộc dầu Dung Quất có công suất chế biến 6,5 triệu tấn dầu thô/năm, đáp ứng khoảng 30% nhu cầu xăng dầu cả nước theo công suất thiết kế tại thời điểm nhà máy được đưa vào vận hành năm 2011.

Nhà máy chính gồm 15 phân xưởng công nghệ, 10 phân xưởng năng lượng phụ trợ, khu bể chứa dầu thô, bể chứa sản phẩm, hệ thống ống dẫn dầu thô và sản phẩm. Hệ thống phụ trợ cho hoạt động Nhà máy là các hạng mục cảng biển gồm hệ thống tiếp nhận dầu thô (SPM) cho tàu trọng tải đến 110 nghìn DWT. Tháng 7 năm 2014, hệ thống SPM được cải hoán để tiếp nhận tàu có trọng tải 150 nghìn DWT. Bên cạnh đó, Công ty cũng có hệ thống đê chắn sóng và cảng xuất sản phẩm cho tàu trọng tải đến 30 nghìn DWT nhập cảng.

Bảng 3: Thông tin về các phân xưởng sản xuất của Nhà máy

Tên phân xưởng	Viết tắt	Chức năng	Công suất thiết kế (Thùng/ngày)
Phân xưởng chưng cất dầu thô (Crude Distillation Unit)	CDU	Phân tách dầu thô thành các phân đoạn sản phẩm/sản phẩm trung gian khác nhau	148.000
Phân xưởng xử lý Naphtha bằng Hydro (Naphtha Hydrotreater Unit)	NHT	Tách loại tạp chất Lưu huỳnh, Nito, Oxy và kim loại khỏi dòng Naphtha (FRN) từ phân xưởng CDU	23.500
Phân xưởng Reforming xúc tác (Continuous Catalytic Reforming Unit)	CCR	Sản xuất cấu tử xăng có chỉ số octan cao	21.100
Phân xưởng xử lý Kerosene (Kerosene Treatment Unit)	KTU	Loại bỏ, giảm hàm lượng Mercaptan, axit Napthenic, nước khỏi dòng Kerosene đến từ phân xưởng CDU	10.000
Phân xưởng cracking xúc tác (Residue Fluidized Catalytic	RFCC	Chuyển hóa cặn từ phân xưởng chưng cất dầu thô	69.700



Tên phân xưởng	Viết tắt	Chức năng	Công suất thiết kế (Thùng/ngày)
Cracking Unit)		thành các sản phẩm như xăng, LPG...	
Phân xưởng xử lý khí hóa lỏng LPG (LPG Treater Unit)	LTU	Xử lý LPG tạo thành từ phân xưởng RFCC	21.000
Phân xưởng xử lý RFCC Naphtha (Naphtha Treater Unit)	NTU	Xử lý Naphtha từ phân xưởng RFCC	45.000
Phân xưởng thu hồi Propylen (Propylene Recovery Unit)	PRU	Thu hồi Propylene để sản xuất Polypropylene	77.240 (Kg/hr)
Phân xưởng đồng phân hóa (Isomerization Unit)	ISOM	Đồng phân hóa hydrocarbon để tạo cấu tử xăng có chỉ số octan cao	6.500
Phân xưởng xử lý LCO bằng hydro (LCO Hydrotreater Unit)	LCO-HDT	Loại bỏ N, S và kim loại bằng hydro nhằm làm sạch LCO	165.000 (Kg/hr)
Nhà máy sản xuất nhựa Polypropylene (Polypropylen Plant)	PP	Sản xuất nhựa Polypropylene từ Propylene	150.000 (tấn/năm)
Phân xưởng xử lý nước chua (Sour Water Stripping Unit)	SWS	Loại bỏ hóa khí chua khỏi dòng nước chua	82 (m ³ /h)
Phân xưởng tái sinh Amine (Amine Regeneration Unit)	ARU	Làm sạch, tái sinh amine	102 (m ³ /h)
Phân xưởng trung hòa kiềm (Spent Caustic Neutralisation Unit)	CNU	Trung hòa kiềm	1.5 (m ³ /h)
Phân xưởng thu hồi lưu huỳnh 1 (Sulfur Recovery 1 Unit)	SRU	Thu hồi lưu huỳnh trong dòng khí chua	5 (tấn/ngày)
Phân xưởng thu hồi lưu huỳnh 2 (Sulfur Recovery 2	SRU2	Thu hồi lưu huỳnh trong dòng khí chua	13 (tấn/ngày)



Tên phân xưởng	Viết tắt	Chức năng	Công suất thiết kế (Thùng/ngày)
Unit)			

Nguồn: BSR

Các sản phẩm chính và sản lượng thiết kế các sản phẩm của Công ty và các tiêu chuẩn, chứng nhận về chất lượng sản phẩm được tổng hợp trong bảng sau:

Bảng 4: Thông tin về các sản phẩm BSR

T	Sản phẩm	Mô tả sản phẩm	Các quy chuẩn	Các tiêu chuẩn về chất lượng sản phẩm	Các chứng nhận chất lượng đã được cấp
1	Nhiên liệu điêzen DO	Nhiên liệu điêzen DO, là hỗn hợp hydrocacbon lỏng có Nguồn gốc từ dầu mỏ với khoảng nhiệt độ sôi trung bình phù hợp để sử dụng làm nhiên liệu cho động cơ điêzen làm việc theo nguyên lý tự cháy khi nén dưới áp suất cao trong xy lanh.	QCVN 1:2022/BKHCN Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về xăng, nhiên liệu điêzen và nhiên liệu sinh học	TCVN 5689:2013 Nhiên liệu Điêzen (DO)- Yêu cầu kỹ thuật TCCS 02:2024/BSR- Nhiên liệu Điêzen (DO) - Yêu cầu kỹ thuật	Chứng nhận hợp quy số 21523011 có giá trị đến 22/05/2026 Chứng nhận hợp chuẩn số 22523002 có giá trị đến 22/05/2026
2	Xăng không chì RON92	Xăng không chì RON92 là hỗn hợp dễ bay hơi của hydrocacbon lỏng có Nguồn gốc từ dầu mỏ	QCVN 1:2022/BKHCN Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về xăng, nhiên liệu điêzen và nhiên liệu sinh học	TCVN 6776:2013 Xăng không chì-Yêu cầu kỹ thuật TCCS 01:2024/BSR-	Chứng nhận hợp quy số 21523010 có giá trị đến 22/05/2026 Chứng nhận hợp chuẩn số



T T	Sản phẩm	Mô tả sản phẩm	Các quy chuẩn	Các tiêu chuẩn về chất lượng sản phẩm	Các chứng nhận chất lượng đã được cấp
		<p>với khoảng nhiệt độ sôi thông thường từ 30°C đến 215°C, thường có chứa lượng nhỏ phụ gia phù hợp, nhưng không có phụ gia chứa chì, được sử dụng làm nhiên liệu cho động cơ đốt trong.</p>		<p>Xăng không chì Yêu cầu kỹ thuật</p>	<p>22523001 có giá trị đến 22/05/2026</p>
3	Xăng E5 RON 92	<p>Xăng E5 RON 92 là hỗn hợp của xăng không chì và etanol nhiên liệu, có hàm lượng etanol từ 4% đến 5% theo thể tích với trị số ắc tan ≥ 92</p>	<p>QCVN 1:2022/BKHCN Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về xăng, nhiên liệu điêzen và nhiên liệu sinh học</p>	<p>TCVN 8063:2015 Xăng không chì pha 5% ethanol-Yêu cầu kỹ thuật TCCS 11:2023/BSR-Xăng E5-Yêu cầu kỹ thuật</p>	<p>Chứng nhận hợp quy số 21521003 có giá trị đến 20/06/2027</p>
4	Xăng không chì RON95	<p>Xăng không chì RON95 là hỗn hợp dễ bay hơi của hydrocacbon lỏng có Nguồn gốc từ dầu mỏ với khoảng nhiệt độ sôi thông</p>	<p>QCVN 1:2022/BKHCN Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về xăng, nhiên liệu điêzen và nhiên liệu sinh học</p>	<p>TCVN 6776:2013 Xăng không chì-Yêu cầu kỹ thuật TCCS 01:2024/BSR-Xăng không chì-Yêu cầu kỹ thuật</p>	<p>Chứng nhận hợp quy số 21522024 có giá trị đến 27/12/2025 Chứng nhận hợp chuẩn số 22522001 có</p>



T T	Sản phẩm	Mô tả sản phẩm	Các quy chuẩn	Các tiêu chuẩn về chất lượng sản phẩm	Các chứng nhận chất lượng đã được cấp
		thường từ 30 °C đến 215 °C, thường có chứa lượng nhỏ phụ gia phù hợp, nhưng không có phụ gia chứa chì, được sử dụng làm nhiên liệu cho động cơ đốt trong.			giá trị đến 27/12/2025
5	Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) là sản phẩm hydrocacbon có Nguồn gốc dầu mỏ với thành phần chính là propan (C ₃ H ₈) hoặc butan (C ₄ H ₁₀) hoặc hỗn hợp của cả hai loại này. Tại nhiệt độ, áp suất bình thường các hydrocacbon này ở thể khí và khi được nén đến một áp suất nhất định hoặc làm lạnh đến nhiệt độ phù hợp	QCVN 08:2019/BKHCN Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	TCVN 6548:2019 - Khí đốt hóa lỏng- Yêu cầu kỹ thuật TCCS 06:2024/BSR- Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)-Yêu cầu kỹ thuật	Chúng nhận hợp quy số 1535 có giá trị đến 17/04/2025 Chúng nhận hợp chuẩn số 22524002 có giá trị đến 20/06/2027



T T	Sản phẩm	Mô tả sản phẩm	Các quy chuẩn	Các tiêu chuẩn về chất lượng sản phẩm	Các chứng nhận chất lượng đã được cấp
		thì chúng chuyển sang thể lỏng.			
6	Luu huỳnh (S)	Luu huỳnh là sản phẩm của phân xưởng thu hồi lưu huỳnh, được sản xuất ở dạng lỏng.	Chưa có quy chuẩn cụ thể	TCCS 08:2023/BSR- Luu huỳnh- Yêu cầu kỹ thuật	
7	Propylen	Sản phẩm propylen được sản xuất, tồn trữ và xuất bán ở dạng lỏng.	Chưa có quy chuẩn cụ thể	TCCS 07:2022/BSR- Propylen- Yêu cầu kỹ thuật	
8	Polypropylen (PP)	Polypropylen (PP) được sản xuất từ propylen, hydrogen và xúc tác. PP được sử dụng cho các ứng dụng khác nhau, đáp ứng một phần nhu cầu hạt nhựa của thị trường trong nước.	Chưa có quy chuẩn cụ thể	TCCS 09:2024/BSR Polypropylen - Yêu cầu kỹ thuật	



T T	Sản phẩm	Mô tả sản phẩm	Các quy chuẩn	Các tiêu chuẩn về chất lượng sản phẩm	Các chứng nhận chất lượng đã được cấp
9	Nhiên liệu đốt lò (FO)	Nhiên liệu đốt lò (FO) là loại nhiên liệu dùng cho các thiết bị lò đốt trong các điều kiện vận hành và khí hậu khác nhau, gọi tắt là nhiên liệu đốt lò (dầu mazut).	Chưa có quy chuẩn cụ thể	TCCS 05:2023/BSR- Nhiên liệu đốt lò (FO)- Yêu cầu kỹ thuật	
10	Nhiên liệu phản lực tuốc bin hàng không Jet A-1	Nhiên liệu phản lực tuốc bin hàng không Jet A-1 là loại nhiên liệu phản lực được sử dụng cho động cơ phản lực tuốc bin của tàu bay.	Chưa có quy chuẩn cụ thể	AFQRJOS issue 34 – 19/01/2024 DEF STAN 91-091 issue 16 – 14/12/2023 TCVN 6426:2024 Nhiên liệu phản lực tuốc bin hàng không Jet A-1-Yêu cầu kỹ thuật TCCS 03:2022/BSR- Nhiên liệu phản lực tuốc bin hàng không Jet A-1-Yêu cầu kỹ thuật	Chứng nhận hợp chuẩn số 22524003 có giá trị đến 20/06/2027. Giấy chứng nhận số 255/QA/FC/01 Chứng nhận Công ty BSR là nhà cung cấp nhiên liệu Jet A-1 cho Vietnam Airlines.

Nguồn: BSR



Bảng 5: Sản lượng thiết kế các sản phẩm của BSR

STT	Tên sản phẩm	Nghìn tấn/năm
1	Propylene	136 - 150
2	Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	400 - 420
3	Xăng không chì RON92: dùng để bán thành phẩm hoặc pha trộn thành Xăng E5 RON92	1.400 – 1.800
4	Xăng không chì RON95-III	600 - 700
5	Dầu hỏa (KO)/nhiên liệu phản lực tuốc bin hàng không Jet A-1	80 - 400
6	Nhiên liệu điêzen (DO)	2.900 – 3.200
7	Nhiên liệu đốt lò (FO)	60 - 100
8	Polypropylene (PP)	135 - 150
9	Lưu huỳnh (S)	18 tấn/ngày

Nguồn: BSR

Bên cạnh đó, nhằm gia tăng giá trị trong chuỗi sản xuất, kinh doanh, Công ty còn có hoạt động cảng biển cung cấp dịch vụ cho các tàu dầu nhập cảng của Công ty.

Ngoài ra, Công ty còn có các sản phẩm khác là sản phẩm sản xuất theo đơn đặt hàng của khách hàng tùy thuộc vào từng thời kỳ.

6.1. Sản lượng sản xuất

Căn cứ vào nhu cầu, dự báo tình hình hình thị trường, hàng năm Công ty sẽ đặt ra mức công suất vận hành trung bình phù hợp. Tuy nhiên, trong hoạt động sản xuất kinh doanh, công suất/chế độ vận hành của NMLD Dung Quất sẽ được điều chỉnh để tối ưu hóa lợi nhuận theo tình hình thị trường.

Bảng 6: Sản lượng sản xuất của NMLD Dung Quất qua các năm



ST T	Sản phẩm	2022		2023		9 tháng đầu năm 2024	
		Sản lượng (tấn)	Tỷ trọng sản phẩm	Sản lượng (tấn)	Tỷ trọng sản phẩm	Sản lượng (tấn)	Tỷ trọng sản phẩm
1	Propylen	-	0,00%	-	0,00%	-	0,00%
2	LPG	364.995	5,21%	335.151	4,55%	265.168	5,56%
3	Xăng A95	1.456.399	20,77%	1.361.651	18,48%	1.343.086	28,17%
4	Xăng A92	741.374	10,57%	664.263	9,02%	481.380	10,10%
5	Nhiên liệu phản lực (JetA1)/Kerosene	334.375	4,77%	387.432	5,26%	390.339	8,19%
6	Dầu Diesel (DO)	2.124.561	30,30%	2.095.719	28,45%	2.032.072	42,63%
7	Dầu đốt (FO)	145.448	2,07%	141.591	1,92%	126.614	2,66%
8	Lưu huỳnh	1.600	0,02%	2.484	0,03%	1.938	0,04%
9	Xăng A92-E5	27.169	0,39%	26.261	0,36%	18.105	0,38%
10	T-LCO	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%
11	Polypropylen	159.921	2,28%	177.355	2,41%	104.039	2,18%
12	RFCC Naphtha	-	0,00%	3.780	0,05%	0	0,00%
13	Mix C4 chứa tại Bể chứa sản phẩm TK-5212A	-	0,00%	1.579	0,02%	0	0,00%
14	Propylene sản xuất từ dầu nhập khẩu	-	0,00%	-	0,00%	0	0,00%
15	LPG sản xuất từ dầu nhập khẩu	110.071	1,57%	139.982	1,90%	0	0,00%
16	Mogas 95 sản xuất từ dầu nhập khẩu	442.664	6,31%	571.627	7,76%	0	0,00%



ST T	Sản phẩm	2022		2023		9 tháng đầu năm 2024	
		Sản lượng (tấn)	Tỷ trọng sản phẩm	Sản lượng (tấn)	Tỷ trọng sản phẩm	Sản lượng (tấn)	Tỷ trọng sản phẩm
17	Mogas 92 sản xuất từ dầu nhập khẩu	232.233	3,31%	287.002	3,90%	0	0,00%
18	JetA1 sản xuất từ dầu nhập khẩu	106.698	1,52%	160.524	2,18%	0	0,00%
19	DO 0.05S sản xuất từ dầu nhập khẩu	662.916	9,46%	885.186	12,02%	0	0,00%
20	FO sản xuất từ dầu nhập khẩu	44.243	0,63%	59.504	0,81%	0	0,00%
21	Lưu huỳnh sản xuất từ dầu nhập khẩu	513	0,01%	1.064	0,01%	0	0,00%
22	Jet A-1K	7.537	0,11%	11.113	0,15%	0	0,00%
23	Jet A-1K sản xuất từ dầu nhập khẩu	2.859	0,04%	7.266	0,10%	0	0,00%
24	DO L-62	24.415	0,35%	14.151	0,19%	0	0,00%
25	DO L-62 sản xuất từ dầu nhập khẩu	9.261	0,13%	5.836	0,08%	0	0,00%
26	Mogas 83	7.828	0,11%	10.292	0,14%	0	0,00%
27	Mogas 83 sản xuất từ dầu nhập khẩu	3.749	0,05%	6.062	0,08%	0	0,00%
28	RFCC Naphtha sản xuất từ dầu nhập khẩu	-	0,00%	9.757	0,13%	0	0,00%



ST T	Sản phẩm	2022		2023		9 tháng đầu năm 2024	
		Sản lượng (tấn)	Tỷ trọng sản phẩm	Sản lượng (tấn)	Tỷ trọng sản phẩm	Sản lượng (tấn)	Tỷ trọng sản phẩm
29	Mix C4 chứa tại Bể chứa sản phẩm TK-5212A	-	0,00%	672	0,01%	0	0,00%
30	Bột PP T3034	-	0,00%	-	0,01%	49	0,00%
31	Full Range Naphtha	-	0,00%	-	0,00%	4.280	0,09%
32	Full Range Naphtha từ dầu nhập khẩu	-	0,00%	-	0,00%	83	0,00%
Tổng sản lượng sản xuất		7.010.828	100%	7.367.305	100%	4.767.153	100%

Nguồn: BSR

Kết quả sản xuất 2 năm gần đây của BSR như sau:

Sản lượng sản xuất các sản phẩm của Công ty năm 2022 đạt 7.010.828 tấn, vượt kế hoạch đề ra của Công ty năm 2022. Sản lượng sản xuất năm 2023 ghi nhận vượt 8,9% kế hoạch điều chỉnh, tăng 5,1% so với năm 2022. Trong giai đoạn 2022-2023, sản phẩm chiếm tỷ trọng sản xuất cao nhất là dầu Diesel (DO) chiếm xấp xỉ 30% tổng sản lượng, theo sau đó là xăng RON92, RON95, dầu DO 0.05S sản xuất từ dầu nhập khẩu. Từ năm 2023, Công ty thực hiện sản xuất thêm một số sản phẩm mới, trong đó có các sản phẩm như RFCC Naphtha, mixed C4.

Trong 9 tháng đầu năm 2024, Công ty đã ghi nhận tổng sản lượng sản xuất đạt 4.767.153 tấn, đạt 83,23% tổng sản lượng kế hoạch của cả năm 2024.

6.2. Sản lượng tiêu thụ

Bảng 7: Sản lượng tiêu thụ qua các năm



ST T	Sản phẩm	2022		2023		9 tháng đầu năm 2024	
		Sản lượng (tấn)	Tỷ trọng sản phẩm	Sản lượng (tấn)	Tỷ trọng sản phẩm	Sản lượng (tấn)	Tỷ trọng sản phẩm
1	Propylen	-	0,00%	-	0,00%	-	0,00%
2	LPG	476.974	6,81%	473.169	6,45%	263.247	5,90%
3	Xăng RON95	1.898.493	27,11%	1.946.475	26,52%	1.277.657	28,62%
4	Xăng RON92	982.586	14,03%	953.378	12,99%	457.698	10,25%
5	Jet A-1/KO	436.230	6,23%	520.649	7,09%	381.329	8,54%
6	DO	2.837.987	40,52%	2.990.886	40,74%	1.881.532	42,15%
7	FO	141.375	2,02%	138.902	1,89%	80.458	1,80%
8	Lưu huỳnh	2.061	0,03%	3.582	0,05%	1.934	0,04%
9	E5 RON92	27.169	0,39%	26.261	0,36%	18.105	0,41%
10	Xăng RON83	11.578	0,17%	12.879	0,18%	0	0,00%
11	Jet A-1K	15.389	0,22%	40.069	0,55%	0	0,00%
12	DO L-62	12.904	0,18%	41.648	0,57%	0	0,00%
13	T-LCO	-	0,00%	-	0,00%	0	0,00%
14	Polypropylen	160.332	2,29%	177.291	2,42%	97.726	2,19%
15	RFCC Naphtha	-	0,00%	13.537	0,18%	0	0,00%
16	Mixed C4	-	0,00%	1.945	0,03%	0	0,00%
17	Bột PP T3034	-	0,00%	5	0,00%	49	0,00%
18	Full Range Naphtha	-	0,00%	-	0,00%	4.363	0,10%
Tổng sản lượng tiêu thụ		7.003.079	100%	7.340.677	100%	4.464.098	100%

Nguồn: BSR



Công ty xây dựng định mức tồn kho hợp lý theo mùa vụ, đồng thời, nhằm tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh cũng như giảm thiểu ảnh hưởng khi thị trường có chuyển biến xấu BSR đã linh hoạt trong chế độ vận hành, điều độ giao nhận sản phẩm hợp lý, tăng cường sản xuất các sản phẩm có hiệu quả cao.

Qua các năm, sản phẩm của Công ty sản xuất ra được tiêu thụ 100%. Do đó, tổng sản lượng tiêu thụ và cơ cấu các sản phẩm tương đồng với sản lượng sản xuất như đã phân tích ở phần trên.

Năm 2022, tình hình dịch Covid-19 đã được đẩy lùi, nhu cầu sử dụng năng lượng tăng lên giúp cho sản lượng tiêu thụ của cả năm 2022 đạt hơn 7 triệu tấn, hoàn thành 107,8% kế hoạch đã đề ra. Dầu Diesel (DO), xăng RON92, xăng RON95 vẫn là các sản phẩm chủ lực, chiếm trên 80% tổng sản lượng tiêu thụ của BSR.

Sang năm 2023, sản lượng tiêu thụ đạt 7.340.677 tấn, xấp xỉ sản lượng sản xuất, vượt 8,5% kế hoạch điều chỉnh, tăng 4,8% so với năm 2022. BSR có thêm một số sản phẩm mới như RFCC Naphtha, mixed C4, tuy nhiên các sản phẩm mới này chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng sản lượng tiêu thụ của Công ty.

Trong 9 tháng đầu năm 2024, sản lượng tiêu thụ đạt 4.464.098 tấn, đạt 78,86% kế hoạch đề ra. Các sản phẩm đóng góp chính trong sản lượng tiêu thụ là Dầu Diesel DO 0,05S chiếm 42,15%, Xăng RON95 với 28,62% và Xăng RON92 với 10,25%.

6.3. Doanh thu, Lợi nhuận gộp của các sản phẩm chính tại Công ty

Bảng 8: Cơ cấu doanh thu thuần qua các năm

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Sản Phẩm	Công ty mẹ					
	2022		2023		9 tháng đầu năm 2024	
	Doanh thu	Tỷ lệ/ DTT	Doanh thu	Tỷ lệ/ DTT	Doanh thu	Tỷ lệ/ DTT
DO 0,05S	66.717	39,94%	57.736	39,17%	35.020	40,23%
Xăng RON95-III	47.523	28,45%	42.239	28,66%	26.372	30,29%
Xăng RON92-II	24.088	14,42%	19.900	13,50%	9.281	10,66%
Jet A-1	10.855	6,50%	10.572	7,17%	7.424	8,53%
LPG	9.293	5,56%	7.451	5,06%	4.594	5,28%



Sản Phẩm	Công ty mẹ					
	2022		2023		9 tháng đầu năm 2024	
	Doanh thu	Tỷ lệ/ DTT	Doanh thu	Tỷ lệ/ DTT	Doanh thu	Tỷ lệ/ DTT
Polypropylene	4.333	2,59%	4.036	2,74%	2.363	2,72%
FO	2.419	1,45%	1.893	1,28%	1.079	1,24%
Xăng E5 RON92-II	670	0,40%	557	0,38%	374	0,43%
Jet A-1K	349	0,21%	905	0,61%	-	0,00%
DO L-62	269	0,16%	907	0,62%	-	0,00%
Xăng RON83	219	0,13%	265	0,18%	-	0,00%
Propylene	-	0,00%	-	0,00%		
Dịch Vụ Cảng Biển	135	0,08%	145	0,10%	102	0,12%
Dầu hỏa KO	169	0,10%	477	0,32%	350	0,40%
Lưu huỳnh	-	0,00%	-	0,00%	1	0,00%
RFCC Naphtha	-	0,00%	257	0,17%	-	0,00%
Full Range Naphtha	-	0,00%	-	0,00%	71	0,08%
Doanh Thu Khác	18	0,01%	42	0,03%	2	0,00%
Các khoản giảm trừ doanh thu	(3)	0,00%	-	0,00%	-	0,00%
Doanh thu thuần	167.055	100%	147.382	100%	87.034	100%

Sản Phẩm	Hợp nhất					
	2022		2023		9 tháng đầu năm 2024	
	Doanh thu	Tỷ lệ/ DTT	Doanh thu	Tỷ lệ/ DTT	Doanh thu	Tỷ lệ/ DTT
DO 0,05S	66.717	39,92%	57.736	39,16%	35.020	40,23%



Sản Phẩm	Hợp nhất					
	2022		2023		9 tháng đầu năm 2024	
	Doanh thu	Tỷ lệ/ DTT	Doanh thu	Tỷ lệ/ DTT	Doanh thu	Tỷ lệ/ DTT
Xăng RON95-III	47.523	28,44%	42.239	28,65%	26.372	30,29%
Xăng RON92-II	24.088	14,41%	19.900	13,50%	9.281	10,66%
Jet A-1	10.855	6,50%	10.572	7,17%	7.424	8,53%
LPG	9.293	5,56%	7.451	5,05%	4.594	5,28%
Polypropylene	4.360	2,61%	4.040	2,74%	2.361	2,71%
FO	2.419	1,45%	1.893	1,28%	1.079	1,24%
Xăng E5 RON92-II	670	0,40%	557	0,38%	374	0,43%
Jet A-1K	349	0,21%	905	0,61%	-	0,00%
DO L-62	269	0,16%	907	0,62%	-	0,00%
Xăng RON83	219	0,13%	265	0,18%	-	0,00%
Propylene	-	0,00%	-	0,00%	-	0,00%
Dịch Vụ Cảng Biển	135	0,08%	145	0,10%	102	0,12%
Dầu hỏa KO	169	0,10%	477	0,32%	350	0,40%
Lưu huỳnh	-	0,00%	-	0,00%	1	0,00%
RFCC Naphtha	-	0,00%	257	0,17%	-	0,00%
Full Range Naphtha	-	0,00%	-	0,00%	71	0,08%
Doanh Thu Khác	60	0,04%	80	0,05%	29	0,03%
Các khoản giảm trừ doanh thu	(3)	0,00%	-	0,00%	-	0,00%
Tổng Doanh thu thuần	167.124	100%	147.424	100%	87.059	100%

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng và hợp nhất năm 2022, 2023; BCTC riêng và hợp nhất quý 3 năm 2024 của BSR



Trong 2 năm gần đây, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có nhiều khởi sắc khi doanh thu luôn vượt kế hoạch đề ra.

Trên báo cáo tài chính riêng, trên 80% tổng doanh thu của Công ty mẹ đến từ các sản phẩm xăng dầu truyền thống là DO và xăng RON92, RON95 do đây là các sản phẩm chính của Công ty với sản lượng sản xuất lớn. Trong năm 2022, doanh thu từ sản phẩm xăng DO ghi nhận 66.717 tỷ đồng, chiếm 39,94% tổng doanh thu thuần, là sản phẩm có doanh thu cao nhất trong các sản phẩm của Công ty. Theo sau đó là hai sản phẩm xăng truyền thống bao gồm xăng RON95, RON92, đạt lần lượt 47.523, 24.088 tỷ đồng, chiếm lần lượt 28,45% và 14,42% tổng doanh thu thuần.

Sang năm 2023, doanh thu thuần của Công ty ghi nhận 147.382 tỷ đồng, giảm nhẹ 11,78% so với năm 2022 nhưng vẫn vượt kế hoạch đề ra.

Bên cạnh các sản phẩm xăng nhiên liệu truyền thống, sản phẩm Jet A1 – là nhiên liệu dành cho máy bay, việc khôi phục các đường bay sau dịch bệnh Covid-19 giúp cho 2 sản phẩm này của Công ty chiếm lần lượt 6,5% và 7,17% tổng doanh thu thuần của năm 2022 và 2023.

Các sản phẩm phụ khác của quá trình lọc hóa dầu như FO, LPG chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu tổng doanh thu của BSR. Việc tối ưu, giảm sản phẩm FO có ý nghĩa đặc biệt trong quá trình chuyển đổi nguồn nguyên liệu chiến lược và tiết kiệm năng lượng cho nhà máy. Bên cạnh các sản phẩm xăng dầu, Công ty còn có doanh thu đến từ các dịch vụ cảng biển chuyên dụng phục vụ các tàu chở dầu, chiếm khoảng 0,1% doanh thu của Công ty mẹ hàng năm.

Trong 9 tháng đầu 2024, doanh thu thuần của Công ty mẹ đạt 87.034 tỷ đồng, chiếm 91,56% kế hoạch cả năm Doanh thu chủ yếu đến từ các sản phẩm xăng dầu truyền thống.

Tại báo cáo hợp nhất của Công ty, các biến động về doanh thu và cơ cấu doanh thu từng sản phẩm tương ứng với biến động trên báo cáo riêng.

Bảng 9: Cơ cấu lợi nhuận gộp qua các năm

Đơn vị tính: Triệu đồng



Sản phẩm	Công ty mẹ					
	2022		2023		9 tháng đầu năm 2024	
	LN gộp	Tỷ lệ/ DTT	LN gộp	Tỷ lệ/ DTT	LN gộp	Tỷ lệ/ DTT
DO 0,05S	9.389	5,62%	6.871	4,66%	2.043	2,35%
Xăng RON95-III	3.244	1,94%	1.616	1,10%	(1.000)	-1,15%
Xăng RON92-II	1.605	0,96%	478	0,32%	(601)	-0,69%
Jet A-1	1.574	0,94%	1.975	1,34%	892	1,02%
LPG	651	0,39%	(529)	-0,36%	20	0,02%
Polypropylene	(1.045)	-0,63%	(1.381)	-0,94%	(710)	-0,82%
FO	664	0,40%	189	0,13%	42	0,05%
Xăng E5 RON92-II	42	0,03%	10	0,01%	(21)	-0,02%
Jet A-1K	40	0,02%	178	0,12%	-	0,00%
DO L-62	26	0,02%	152	0,10%	-	0,00%
Xăng RON83	(26)	-0,02%	17	0,01%	-	0,00%
Propylene	(1)	0,00%	-	0,00%	(1)	-0,00%
Dịch vụ cảng biển	87	0,05%	97	0,07%	85	0,10%
Dầu hỏa KO	26	0,02%	95	0,06%	47	0,05%
Lưu huỳnh	-	0,00%	-	0,00%	1	0,00%
RFCC Naphtha	-	0,00%	20	0,01%	-	0,00%
Full Range Naphtha					13	0,02%
Doanh thu khác	17	0,01%	8	0,01%	1	0,00%
Các khoản giảm trừ doanh thu	(3)	0,00%	-	0,00%	-	0,00%
Hoàn nhập/trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(126)	-0,08%	21	0,01%	(168)	-0,19%



Sản phẩm	Công ty mẹ					
	2022		2023		9 tháng đầu năm 2024	
	LN gộp	Tỷ lệ/ DTT	LN gộp	Tỷ lệ/ DTT	LN gộp	Tỷ lệ/ DTT
Chi phí phát sinh trong giai đoạn bảo dưỡng tổng thể	-	0,00%	-	0,00%	(349)	(0,40%)
Tổng	16.164	9,68%	9.816	6,66%	297	0,34%

Sản phẩm	Hợp nhất					
	2022		2023		9 tháng đầu năm 2024	
	LN gộp	Tỷ lệ/ DTT	LN gộp	Tỷ lệ/ DTT	LN gộp	Tỷ lệ/ DTT
DO 0,05S	9.389	5,62%	6.871	4,66%	2.043	2,35%
Xăng RON95-III	3.244	1,94%	1.616	1,10%	(1.000)	(1,15%)
Xăng RON92-II	1.605	0,96%	479	0,32%	(601)	(0,69%)
Jet A-1	1.574	0,94%	1.975	1,34%	892	1,02%
LPG	651	0,39%	(529)	-0,36%	20	0,02%
Polypropylene	(1.038)	-0,62%	(1.219)	-0,83%	(710)	(0,82%)
FO	664	0,40%	189	0,13%	42	0,05%
Xăng E5 RON92-II	42	0,03%	10	0,01%	(21)	(0,02%)
Jet A-1K	40	0,02%	178	0,12%	-	0,00%
DO L-62	26	0,02%	152	0,10%	-	0,00%
Xăng RON83	(26)	-0,02%	17	0,01%	-	0,00%
Propylene	-	0,00%	-	0,00%	(1)	0,00%
Dịch vụ cảng biển	87	0,05%	97	0,07%	85	0,10%
Dầu hỏa KO	26	0,02%	94	0,06%	47	0,05%



Sản phẩm	Hợp nhất					
	2022		2023		9 tháng đầu năm 2024	
	LN gộp	Tỷ lệ/ DTT	LN gộp	Tỷ lệ/ DTT	LN gộp	Tỷ lệ/ DTT
Lưu huỳnh	-	0,00%	-	0,00%	1	0,00%
RFCC Naphtha	-	0,00%	20	0,01%	-	0,00%
Full Range Naphtha	-	0,00%	-	0,00%	13	0,02%
Doanh thu khác	17	0,01%	(137)	-0,09%	-11	-0,01%
Các khoản giảm trừ doanh thu	(3)	0,00%	-	0,00%	-	0,00%
Hoàn nhập/trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(127)	-0,08%	21	0,01%	(168)	(0,19%)
Chi phí trong thời gian dừng sản xuất nhà máy nhiên liệu sinh học	(76)	-0,05%	(73)	-0,05%	-	0,00%
Chi phí phát sinh trong giai đoạn bảo dưỡng tổng thể	-	0,00%	-	0,00%	(349)	(0,40%)
Tổng	16.096	9,63%	9.760	6,62%	284	0,33%

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng và hợp nhất năm 2022, 2023; BCTC riêng và hợp nhất Quý 3 năm 2024 của BSR

Trên báo cáo tài chính riêng, năm 2022, DO 0,05 S, Xăng RON95, xăng RON92 là 3 loại sản phẩm đóng góp tạo gần 80% lợi nhuận gộp Công ty. Nguyên nhân chính do năm 2022, Kinh tế - Xã hội Việt Nam bước vào giai đoạn bình thường mới, nhu cầu vận tải, lưu thông và sản xuất công nghiệp ít bị ảnh hưởng bởi việc cách ly do dịch Covid-19. Sang Quý I/2023, nhu cầu tiêu thụ dầu DO tăng vọt do thiếu điện trầm trọng, các nhà máy điện chạy máy phát điện chạy dầu DO để bù đắp khiến nhu cầu tiêu thụ dầu DO 0,05 S tăng mạnh.

Biên lợi nhuận gộp của sản phẩm xăng RON92 có sự biến động qua các năm, lợi nhuận gộp sản phẩm này đã giảm mạnh từ 1.605 tỷ đồng, chiếm 9,93% tổng lợi nhuận gộp năm



2022 xuống còn 478 tỷ đồng, chiếm 4,87% tổng lợi nhuận gộp năm 2023. Sang đến Quý I/2024, xăng RON92 ghi nhận mức lợi nhuận gộp âm.

Jet A-1 là nhiên liệu dùng cho máy bay, là sản phẩm đóng góp tỷ trọng lớn thứ 4 trong tổng lợi nhuận gộp trong năm 2022, và tăng lên đứng thứ 2, đạt 1.975 tỷ đồng trên 9.816 tỷ đồng lợi nhuận gộp trong năm 2023.

LPG là sản phẩm chiếm tỷ trọng tương đối nhỏ trong tổng lợi nhuận gộp, ghi nhận mức lợi nhuận gộp chuyển từ dương trong năm 2022 sang âm trong năm 2023 và cũng chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ 0,02% trong tổng doanh thu thuần trong 9 tháng đầu năm 2024.

Polypropylene (PP) là sản phẩm kém hiệu quả nhất trong các sản phẩm chính khi crack margin ghi nhận mức âm trong cả năm 2022, năm 2023 và trong 9 tháng đầu năm 2024.

Bên cạnh đó, dịch vụ cảng biển – là dịch vụ gia tăng trong chuỗi sản xuất kinh doanh của Công ty ghi nhận mức tỷ suất lợi nhuận gộp khá thấp. Một số sản phẩm mới khác của BSR như RFCC Naphtha ghi nhận mức lợi dương trong năm 2023 nhưng vẫn chiếm tỷ trọng khá nhỏ.

Ngoài ra, Báo cáo hợp nhất công ty ghi nhận hơn 75,6 tỷ đồng (năm 2022) và 73,2 tỷ đồng (năm 2023) chi phí trong thời gian dừng sản xuất Nhà máy nhiên liệu sinh học làm giảm hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh chung của toàn công ty. Sang năm 2024, Công ty ghi nhận thêm chi phí phát sinh trong giai đoạn bảo dưỡng tổng thể lần 5, riêng 9 tháng đầu năm chi phí này ghi nhận mức hơn 349 tỷ đồng.

6.4. Nguyên vật liệu

Từ năm 2019 trở về trước, BSR sử dụng nguồn dầu nguyên liệu chủ yếu từ trong nước, trong đó chủ yếu là từ mỏ Bạch Hổ (trữ lượng khoảng 300 triệu tấn và được khai thác từ năm 1986, loại dầu ngọt nhẹ). Nguồn nguyên liệu nhập khẩu chỉ chiếm khoảng 15% tổng nhu cầu sản xuất hàng năm của BSR.

Từ năm 2020 đến nay, BSR đã thực hiện tự chủ trong hoạt động mua dầu thô, đứng tên trong hợp đồng ký trực tiếp với nhà cung cấp thay vì phải thông qua đơn vị nhận ủy thác cung cấp là PVOIL như từ năm 2019 trở về trước. PVOIL vẫn tham gia hoạt động cung cấp dầu thô cho NMLD Dung Quất với vai trò đại lý.

Dầu thô nguyên liệu được vận chuyển bằng tàu biển có tải trọng khoảng 110.000-150.000 DWT vận chuyển đến cảng nhập dầu qua hệ thống SPM (phao rót dầu không bến), bơm vào khu bể chứa dầu thô. Sau quá trình lắng xả nước, dầu thô được đưa vào phân xưởng chưng cất dầu thô CDU thực hiện quá trình phân tách (vật lý) thành các cấu tử phối trộn trực tiếp (như LGO/HGO) sản xuất diesel và các cấu tử trung gian (như khí, LPG, Naphtha,



cặn dầu thô residue) được chế biến ở các công đoạn tiếp theo để tạo ra cấu tử/sản phẩm cuối cùng. Trong đó, phân đoạn cặn dầu thô chiếm tỷ trọng lớn nhất (40-50% thể tích so với dầu thô nguyên liệu) sẽ được đưa vào chế biến ở phân xưởng RFCC nhằm chuyển hóa các phân đoạn nặng, ít giá trị thành các cấu tử/sản phẩm nhẹ, có giá trị cao hơn.

Bên cạnh đó, việc chế biến thành công dầu thô ngọt nhẹ WTI Midland giúp BSR mở rộng nguồn dầu thô trữ lượng lớn, sản lượng khai thác cao, chất lượng và giá cả phù hợp. Hiện tại, BSR đã chế biến thử nghiệm thành công 19 loại dầu thô khác nhau, trong đó có 7 loại dầu trong nước và 12 loại dầu nhập khẩu. Từ 2020, Công ty đã có kế hoạch gia tăng sử dụng nguyên liệu nhập khẩu tăng dần lên tỷ lệ 50% trong tổng nguyên liệu dầu thô sử dụng của công ty để đảm bảo nguồn nguyên liệu cho sản xuất khi thực hiện chủ trương mở rộng nguồn dầu thô để đảm bảo vận hành cho NMLD Dung Quất khi nguồn dầu nguyên liệu trong nước, đặc biệt là từ mỏ Bạch Hổ đang giảm dần qua các năm. Việc sử dụng dầu thô trong nước hay dầu thô nhập khẩu đã được BSR xem xét, đánh giá và lập kế hoạch cung cấp cụ thể tùy từng trường hợp, dầu thô nhập khẩu và dầu thô trong nước sẽ được đánh giá, so sánh và lựa chọn phương án hiệu quả nhất theo hiệu quả kinh tế. Chính sách giảm thuế dầu nhập khẩu từ 5% về 0% từ 1/11/2019 theo quyết định số 28/2019/QĐ-TTg là một thuận lợi cho Công ty. Đến thời điểm tháng 6/2024, BSR đã đánh giá và lựa chọn trên 12 loại dầu thô mới bổ sung các loại dầu thô tiềm năng có thể chế biến vào giỏ dầu của Nhà máy, nâng tổng số dầu thô có thể chế biến tại Nhà máy lên 61 loại (gồm 10 loại dầu Việt Nam và 51 loại dầu nhập khẩu), số dầu thô mới ngoài dầu thô Bạch Hổ đã chế biến thử nghiệm đến hiện tại là 30 loại (gồm 21 loại dầu thô nhập khẩu và 9 loại dầu thô nội địa khác Bạch Hổ), tiến hành chế biến thử nghiệm thành công 6 loại dầu thô mới là Qua Iboe (trên 30% vol), Cabinda (10% vol), Minas (trên 20% vol), Sông Đốc (trên 20% vol), Forcados (40% vol), và Attitifel (30% vol). Thời gian gần đây từ năm 2023 đến nay đã chế biến thử nghiệm được 03 loại dầu thô mới gồm: Palanca Blend (Angola – tỉ lệ chế biến 36%vol), Bertam (nhập khẩu Malaysia – tỉ lệ chế biến đạt 30%vol) năm 2023 và Bunga Orkid (nhập khẩu Malaysia – tỉ lệ chế biến đạt 20%) tháng 5/2024.

- Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của BSR
- Với tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm cùng xu hướng biến động tuyến tính giữa giá dầu thô và giá các sản phẩm lọc hóa dầu, biến động giá dầu thô có tác động lớn đến cả doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp.

Giá dầu thô trong các hợp đồng mua-bán của Công ty hiện tại được xây dựng trên cơ sở giá dầu thô Dated Brent của hãng tin Platts. Các hợp đồng cung cấp đều có thời hạn từ 6 tháng đến 12 tháng với thời hạn thanh toán khoảng 30 ngày. Giá hợp đồng được tính bằng



USD, Công ty có thể thanh toán bằng USD và/hoặc VND tùy theo điều kiện cụ thể của từng hợp đồng.

Nhìn chung, nguồn cung cấp nguyên vật liệu đầu vào của Công ty đều dễ dàng tìm kiếm các nhà cung cấp trên thị trường và được hưởng các chính sách ưu đãi trong thanh toán. Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu và lợi nhuận của Công ty là không đáng kể do giá chào hàng đã tính toán tới sự thay đổi về giá nguyên vật liệu.

6.5. Chi phí sản xuất kinh doanh qua các năm

Bảng 10: Chi phí kinh doanh theo yếu tố qua các năm (BCTC riêng)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2022	%/ DTT	Năm 2023	%/ DTT	9 tháng đầu 2024	%/ DTT
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	153.326.449	91,78%	139.676.425	94,77%	91.692.996,50	105,35%
Chi phí công cụ, dụng cụ	12.628	0,01%	20.268	0,01%	21.520,10	0,02%
Chi phí nhân công	1.162.489	0,70%	1.029.611	0,70%	609.818,15	0,70%
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.172.937	1,30%	2.185.716	1,48%	1.633.437,94	1,88%
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.748.205	1,05%	1.727.560	1,17%	1.279.199,45	1,47%
Chi phí khác bằng tiền	349.048	0,21%	575.547	0,39%	190.388,05	0,22%
TỔNG	158.771.757	95,04%	145.215.127	98,53%	95.427.360,19	109,64%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022, 2023, BCTC Quý 3 năm 2024 (Công ty mẹ) của BSR

Trên báo cáo tài chính riêng, do đặc thù là doanh nghiệp sản xuất xăng dầu, chi phí nguyên vật liệu là chi phí chiếm tỷ lệ lớn nhất trong cơ cấu chi phí của Công ty với tỷ lệ trên 90% tùy thuộc vào biến động của giá xăng dầu trên thị trường thế giới. Các chi phí còn lại như công cụ, chi phí nhân công, chi phí khấu hao... chiếm tỷ lệ nhỏ trên tổng doanh thu thuần, ở mức dưới 2% doanh thu thuần đối với mỗi loại chi phí.



Theo kết quả kinh doanh năm 2022, chi phí nguyên vật liệu ghi nhận 153,3 nghìn tỷ, bằng 91,78% so với doanh thu thuần. Tổng các chi phí còn lại trong hoạt động sản xuất kinh doanh chỉ chiếm 3,26% doanh thu thuần.

Trong năm 2023, chi phí nguyên vật liệu giảm so với năm 2022, ghi nhận hơn 139,6 nghìn tỷ đồng, tuy nhiên tỷ trọng tính trên doanh thu thuần cao hơn cùng kỳ ở mức 94,77%.

Sang 9 tháng đầu năm 2024, chi phí nguyên vật liệu tiếp tục chiếm tỷ trọng cao, vượt tổng doanh thu thuần (109,64% doanh thu thuần).

Bảng 11: Chi phí kinh doanh theo yếu tố qua các năm (BCTC hợp nhất)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2022	%/ DTT	Năm 2023	%/ DTT	9 tháng đầu năm 2024	%/ DTT
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	153.398.037	91,79%	139.744.006	94,79%	91.739.523	105,38%
Chi phí công cụ, dụng cụ	12.628	0,01%	20.268	0,01%	21.520	0,02%
Chi phí nhân công	1.206.348	0,72%	1.078.463	0,73%	650.792	0,75%
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.257.922	1,35%	2.269.535	1,54%	1.667.745	1,92%
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.722.241	1,03%	1.734.111	1,18%	1.271.688	1,46%
Chi phí khác bằng tiền	355.536	0,21%	585.148	0,40%	196.336	0,23%
Tổng	158.952.712	95,11%	145.431.531	98,65%	95.547.604	109,75%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022, 2023 BCTC Quý 3 năm 2024 (Hợp nhất) của BSR

Trên báo cáo tài chính hợp nhất, do chi phí phần lớn đến từ công ty mẹ nên cơ cấu và các biến động chi phí trên báo cáo tài chính hợp nhất tương tự so với trên báo cáo tài chính riêng.

Tổng chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố là toàn bộ chi phí sản xuất tương ứng với sản lượng sản xuất trong kỳ (9 tháng đầu năm 2024 là 4.767.153 tấn sản phẩm) và chi phí bán hàng, quản lý phát sinh trong kỳ. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố còn bao gồm các chi phí từ sản phẩm nhập kho được tiếp tục xuất kho đưa vào quá trình sản xuất



như sản phẩm Propylene được tiếp tục xuất dùng cho phân xưởng PP để sản xuất hạt nhựa Polypropylene, sản phẩm Xăng A92 được tiếp tục xuất dùng để phối trộn sản phẩm Xăng sinh học E5, v.v...

Tổng chi phí theo Báo cáo kết quả kinh doanh là tổng chi phí liên quan đến sản lượng tiêu thụ trong kỳ (9 tháng đầu năm 2024 là 4.464.098 tấn sản phẩm). Trong đó bao gồm: giá vốn hàng bán, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp,...

Doanh thu bán hàng trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được tính tương ứng với sản lượng tiêu thụ trong kỳ.

Vì vậy, có sự khác nhau giữa chi phí theo Báo cáo kết quả kinh doanh với chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố, chủ yếu là do hạng mục chi phí sản phẩm tiếp tục quá trình sản xuất và chênh lệch hàng tồn kho cuối kỳ so với đầu kỳ. Cụ thể 9 tháng đầu năm 2024 như sau:

(Trang này được cố ý để trống).



	<i>Đvt: VND</i>
Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	95.547.604.419.952
+ Chi phí nguyên liệu vật liệu	91.739.523.336.701
+ Chi phí công cụ, dụng cụ	21.520.101.986
+ Chi phí nhân công	650.791.721.475
+ Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.667.745.259.370
+ Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.271.688.242.676
+ Chi phí khác bằng tiền	196.335.757.744
Tổng chi phí	95.547.604.419.952

(Nguồn: BCTC Quý 3 năm 2024 (Hợp nhất) của BSR)

6.6. Trình độ công nghệ

Nhà máy Lộc dầu Dung Quất được đưa vào vận hành vào 2009, với công suất chế biến 6,5 triệu tấn dầu thô/năm và bao gồm các et a1 sản phẩm: LPG, KO/Jet A-1 (nhiên liệu phân lực), RON92/RON95, DO, FO, hạt nhựa PP, propylen, lưu huỳnh.

Các phân xưởng chính của Nhà máy sử dụng bản quyền công nghệ của các nhà cung cấp hàng đầu thế giới, cụ thể như phân xưởng NHT/CCR/IZOM (UOP, Mỹ), phân xưởng RFCC/LCO-HDT (AXENS, Pháp), phân xưởng KTU/LTU/NTU/CNU (Merichem, Mỹ). Nhà máy được thiết kế chi tiết và xây dựng, chạy thử bởi Tổ hợp Nhà thầu Technip Pháp, JGC-Nhật,...

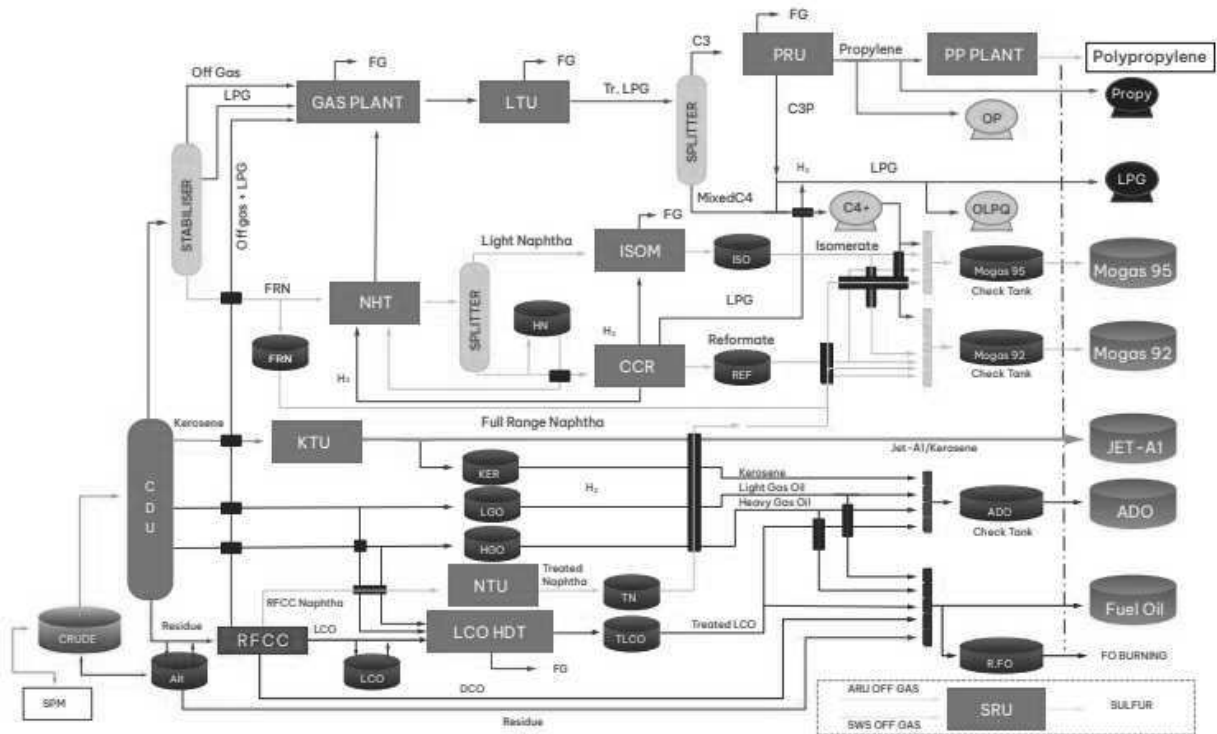
Nhà máy được trang bị hệ thống điều khiển vận hành bởi hệ thống Điều khiển phân tán (Distributed Control System – DCS), Hệ thống bảo vệ an toàn công nghệ (Emergency Shutdown System – ESD), Hệ thống phát hiện rò rỉ và báo cháy đồng bộ và hiện đại.

Nhà máy Lộc dầu Dung Quất được đánh giá là có công nghệ tương đối hiện đại so với các nhà máy lọc dầu trong khu vực và trên thế giới.

(Trang này được cố ý để trống).



Sơ đồ công nghệ và chu trình sản xuất của NMLD Dung Quất



Nguồn: BSR

6.7. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Ý thức được tầm quan trọng của hoạt động nghiên cứu phát triển đối với sự thành công của hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đã xây dựng hệ thống chính sách đãi ngộ xứng đáng nhằm khuyến khích sự cống hiến của các cán bộ công nhân viên.

Một mặt, Công ty đề ra các chính sách nhằm thu hút nguồn cán bộ làm công tác nghiên cứu khoa học để áp dụng vào thực tế sản xuất của đơn vị. Mặt khác, Công ty cũng chú trọng nguồn cán bộ khoa học kỹ thuật giỏi để tạo động lực cho đội ngũ chuyên gia nghiên cứu yên tâm thực hiện công tác xây dựng và phát triển đội ngũ khoa học – công nghệ (KHCV) nòng cốt.

Công ty cũng ban hành Quy chế Khoa học và Công nghệ, Quy chế chi tiêu, sử dụng Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ của Công ty. Đồng thời thành lập Hội đồng khoa học công nghệ của Công ty để tư vấn, định hướng, xây dựng Chiến lược KHCV, kế hoạch hoạt động nghiên cứu khoa học cũng như giám sát quá trình thực hiện.



Cùng với các chính sách thu hút nhân tài, việc tạo nguồn cho công tác nghiên cứu phát triển hoạt động là hết sức quan trọng. Do đó, Công ty đã thành lập Quỹ phát triển khoa học công nghệ trích từ thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp của công ty đảm bảo nguồn lực tài chính phục vụ công tác nghiên cứu, thực hiện nhiệm vụ KHCN. Số dư Quỹ phát triển Khoa học và công nghệ tại thời điểm 30/6/2024 là 888 tỷ đồng.

Về phát triển sản phẩm mới:

BSR đã nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm và thương mại hóa thành công các sản phẩm mới gồm: 05 sản phẩm nhựa PP gồm T-3045, T-3050, I3080, I-3150, BOPP; 03 loại nhiên liệu đặc chủng cung cấp cho quốc phòng gồm Jet A-1K, DO L-62, Xăng ô tô RON 83; và một số sản phẩm mới khác gồm Mixed C4, RFCC Naphtha, Full Range Naphtha, Treated LCO. Trong thời gian đến, BSR tiếp tục nghiên cứu sản xuất thử nghiệm các sản phẩm mới gồm:

- PP định hình nhiệt TF4035;
- PP sinh học;
- PP compound sợi thủy tinh;
- PP ứng dụng thực phẩm, y tế (MI 11-18);
- PP ứng dụng trong thực phẩm ý tế (MI 45-60);
- Lưu huỳnh hạt;
- Nhiên liệu hàng không bền vững SAF (nhập/phối trộn cấu tử SAF với JetA1 cho giai đoạn 2025-2030).

6.8. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

- Công ty có bộ phận kiểm tra chất lượng sản phẩm với nhiệm vụ:
 - Thực hiện lập Kế hoạch Kiểm soát chất lượng cho tất cả các sản phẩm;
 - Thực hiện công tác kiểm soát chất lượng nguyên vật liệu đầu vào (dầu thô, hóa phẩm) nhập vào Nhà máy, sản phẩm trung gian Nhà máy, các sản phẩm của Nhà máy xuất bán ra thị trường (như Xăng RON92/95, nhiên liệu điêzen, nhiên liệu Jet A-1, LPG, FO, Lưu huỳnh, Polypropylen,.....), các loại nước, khói thải, các dòng khí công nghệ và khí phụ trợ.
 - Tham gia thử nghiệm thành thạo, so sánh liên phòng với các phòng thí nghiệm trong và ngoài nước nhằm đảm bảo năng lực thử nghiệm và kiểm soát chất lượng sản phẩm khi đến tay khách hàng.



- Nghiên cứu, phát triển và ứng dụng các phương pháp thử nghiệm mới đáp ứng nhu cầu sản xuất, quy định Nhà nước, yêu cầu của khách hàng cũng như theo sự phát triển của khoa học công nghệ.
- Áp dụng, duy trì và cải tiến liên tục hệ thống quản lý năng lực Phòng thử nghiệm theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025.
- Xây dựng dữ liệu tính chất dầu thô (Crude Assay) để đánh giá đặc tính, chất lượng của từng loại dầu thô, làm cơ sở để lựa chọn, mua dầu thô mới và điều chỉnh tỷ lệ phối trộn dầu thô chế biến.
- Cung cấp các dịch vụ liên quan đến công tác thử nghiệm dầu thô, hóa phẩm, khí, nước và các sản phẩm lọc dầu, hóa dầu cho các đơn vị bên trong và ngoài ngành.
- Hỗ trợ và tư vấn về dịch vụ thử nghiệm/kiểm soát chất lượng liên quan. Cung cấp nguồn nhân lực hỗ trợ quá trình vận hành Phòng thí nghiệm và đào tạo nguồn nhân lực chuyên ngành phân tích dầu thô, hóa phẩm, khí, nước và các sản phẩm lọc dầu, hóa dầu.
- Hiện nay, BSR đang áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng sau:
 - ISO 9001:2015: Hệ thống quản lý chất lượng.
 - ISO 14001:2015: Hệ thống quản lý môi trường.
 - ISO 45001:2018: Hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp (đã thực hiện chuyển đổi từ OHSAS 18001:2007).
 - ISO 50001:2011: Hệ thống quản lý năng lượng.
 - Hệ thống quản lý năng lực Phòng thử nghiệm theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025.

Ngoài ra, Công ty đã công bố Tiêu chuẩn cơ sở tương ứng cho tất cả các sản phẩm; Sổ tay Đảm bảo chất lượng các sản phẩm; Triển khai, thực hiện công tác Hợp quy, Hợp chuẩn cho các sản phẩm thương mại.

6.9. Hoạt động Marketing

BSR xây dựng Chính sách bán hàng linh hoạt như chính sách chiết khấu thanh toán, chiết khấu thương mại và giãn thời hạn thanh toán cho các nhóm đối tượng khách hàng theo các quy định của BSR và phù hợp với thị trường.

Việc áp dụng giãn thời hạn thanh toán được áp dụng trong cả hai trường hợp nhằm tiêu thụ được hàng khi tình hình thị trường không thuận lợi hoặc áp dụng giãn thanh toán theo nhu cầu của khách hàng nhằm tăng sức cạnh tranh và phù hợp với tình hình thực tế trên thị trường.



Bên cạnh đó, BSR còn có chính sách thưởng phạt khách hàng khi thực hiện tốt hợp đồng hoặc khi khách hàng không thực hiện tốt việc thanh toán, nhận hàng.

Ngoài ra, BSR còn triển khai các chương trình xúc tiến thương mại như tham gia hội chợ, trưng bày, triển lãm thương mại, quảng bá thương hiệu và giới thiệu các sản phẩm bằng nhiều hình thức. Xây dựng thương hiệu các sản phẩm của BSR trong nước và quốc tế. Tổ chức Hội nghị, hội thảo với khách hàng trong nước và quốc tế.

BSR còn triển khai thường xuyên công tác chăm sóc khách hàng như: Tổ chức các chương trình hội thảo, học hỏi kinh nghiệm, khảo sát thực tế thị trường trong nước và quốc tế nhằm gắn kết, tìm hiểu, cập nhật tình hình thị trường, mong muốn từ các khách hàng để có chính sách bán hàng phù hợp; Hợp tác với khách hàng để quảng bá thương hiệu, phát triển thị trường; Chăm sóc khách hàng vào các ngày thành lập công ty, ngày sinh nhật của các khách hàng và các sự kiện quan trọng khác của khách hàng.

Nhằm tăng cường tính chặt chẽ trong quá trình thực hiện các chính sách bán sản phẩm, BSR đã tổ chức rà soát, chỉnh sửa đồng nhất các Quy định hiện hành gồm Quy chế kinh doanh sản phẩm và Chính sách bán hàng trong Quý I/2024.

6.10. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Biểu tượng logo của Công ty:



Website của Công ty: www.bsr.com.vn

Nhãn hiệu PVN được BSR sử dụng theo quy định pháp luật thông qua Hợp đồng chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu PVN ký kết giữa Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và BSR.

6.11. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết



Bảng 12: Một số hợp đồng với các đối tác chính

TT	Tên khách hàng/ Đại lý bán dầu thô	Số hợp đồng	Giá trị hợp đồng (triệu đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm/ dịch vụ đầu vào, đầu ra	Khách hàng/ Nhà cung cấp	Mối quan hệ với Người nội bộ, cổ đông lớn
I	Hợp đồng đầu ra							
1	Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần	1614/HĐKT/BSR-PVOIL/2024	Các hợp đồng này là hợp đồng nguyên tắc, không quy định giá trị cụ thể, được tính theo sản lượng thực tế hàng tháng và đơn giá theo quy định.	28/12/2023	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024	Hợp đồng tiêu thụ sản phẩm xăng dầu NMLD Dung Quất	Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần	Công ty cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
2	Tập đoàn xăng dầu Việt Nam	1624/HĐKT/BSR-PETROLIMEX/2024	Các hợp đồng này là hợp đồng nguyên tắc, không quy định giá trị cụ thể, được tính theo sản lượng thực tế hàng	28/12/2023	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024	Hợp đồng tiêu thụ sản phẩm xăng dầu NMLD Dung Quất	Tập đoàn xăng dầu Việt Nam	



TT	Tên khách hàng/ Đại lý bán dầu thô	Số hợp đồng	Giá trị hợp đồng (triệu đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm/ dịch vụ đầu vào, đầu ra	Khách hàng/ Nhà cung cấp	Mối quan hệ với Người nội bộ, cổ đông lớn
			tháng và đơn giá theo quy định.					
3	Công ty TNHH một thành viên Tổng công ty Xăng dầu Quân Đội	1626/HĐKT/BSR-MP/2024	Các hợp đồng này là hợp đồng nguyên tắc, không quy định giá trị cụ thể, được tính theo sản lượng thực tế hàng tháng và đơn giá theo quy định.	28/12/2023	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024	Hợp đồng tiêu thụ sản phẩm xăng dầu NMLD Dung Quất	Công ty TNHH một thành viên Tổng công ty Xăng dầu Quân Đội	
4	Công ty cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp	1625/HĐKT/BSR-PETIMEX/2024	Các hợp đồng này là hợp đồng nguyên tắc, không quy định giá trị cụ thể, được tính theo sản lượng thực tế hàng tháng và đơn giá theo quy định.	28/12/2023	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024	Hợp đồng tiêu thụ sản phẩm xăng dầu NMLD Dung Quất	Công ty cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp	



TT	Tên khách hàng/ Đại lý bán dầu thô	Số hợp đồng	Giá trị hợp đồng (triệu đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm/ dịch vụ đầu vào, đầu ra	Khách hàng/ Nhà cung cấp	Mối quan hệ với Người nội bộ, cổ đông lớn
5	Tổng công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP	1621/HĐKT/BSR-THALEXIM/2024	Các hợp đồng này là hợp đồng nguyên tắc, không quy định giá trị cụ thể, được tính theo sản lượng thực tế hàng tháng và đơn giá theo quy định.	28/12/2023	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024	Hợp đồng tiêu thụ sản phẩm xăng dầu NMLD Dung Quất	Tổng công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP	
6	Công ty CP Nhiên liệu bay Petrolimex (Petrolimex Aviation)	1619/HĐKT/BSR-PA/2024	Các hợp đồng này là hợp đồng nguyên tắc, không quy định giá trị cụ thể, được tính theo sản lượng thực tế hàng tháng và đơn giá theo quy định.	28/12/2023	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024	Hợp đồng tiêu thụ sản phẩm Jet A-1 NMLD Dung Quất	Công ty CP Nhiên liệu bay Petrolimex (Petrolimex Aviation)	



TT	Tên khách hàng/ Đại lý bán dầu thô	Số hợp đồng	Giá trị hợp đồng (triệu đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm/ dịch vụ đầu vào, đầu ra	Khách hàng/ Nhà cung cấp	Mối quan hệ với Người nội bộ, cổ đông lớn
7	Công ty TNHH MTV Nhiên liệu Hàng không Việt Nam (SKYPEC)	1622/HĐKT/BSR-SKYPEC/2024	Các hợp đồng này là hợp đồng nguyên tắc, không quy định giá trị cụ thể, được tính theo sản lượng thực tế hàng tháng và đơn giá theo quy định.	28/12/2023	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024	Hợp đồng tiêu thụ sản phẩm Jet A-1 NMLD Dung Quất	Công ty TNHH MTV Nhiên liệu Hàng không Việt Nam (SKYPEC)	
II	Hợp đồng đầu vào							
1	Công ty Cổ phần vận tải Nhật Việt - NVTrans	HĐ 09-2023/HD-BSR-NVTRANS	Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh theo biến động nhiên liệu, khối lượng thanh toán theo thực tế	01/04/2023	Từ ngày 01/01/2023 đến 31/12/2024	Thuê tàu vận chuyển LPG Dung Quất	Công ty Cổ phần vận tải Nhật Việt - NVTrans	



TT	Tên khách hàng/ Đại lý bán dầu thô	Số hợp đồng	Giá trị hợp đồng (triệu đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm/ dịch vụ đầu vào, đầu ra	Khách hàng/ Nhà cung cấp	Mối quan hệ với Người nội bộ, cổ đông lớn
2	Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PV Trans)	Hợp đồng số 59-2020/BSR-PV TRANS ngày 19/01/2023 Thuê dịch vụ vận chuyển dầu thô phục vụ vận hành NMLD Dung Quất cho năm 2023-2024	Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh theo biến động nhiên liệu	19/01/2023	Từ ngày 01/01/2023 đến 31/12/2024	Thuê dịch vụ vận chuyển dầu thô phục vụ vận hành Nhà máy lọc dầu (NMLD) Dung Quất năm 2023-2024	Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PV Trans)	Công ty cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
3	Tổng Công ty Dầu Việt Nam	01T-SD/BSR-PVOIL/2024	Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh theo chuẩn giá dầu thô Dated Brent, khối lượng thanh toán theo khối lượng bốc dầu thực tế	30/11/2023	Từ ngày 01/01/2024 đến 30/6/2024	Hợp đồng dài hạn mua dầu thô Sư Tử Đen 6 tháng đầu năm 2024	PETROVIETNAM, PVEP, SK, KNOC, PERENCO, , GEOPETROL	Công ty cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam



TT	Tên khách hàng/ Đại lý bán dầu thô	Số hợp đồng	Giá trị hợp đồng (triệu đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm/ dịch vụ đầu vào, đầu ra	Khách hàng/ Nhà cung cấp	Mối quan hệ với Người nội bộ, cổ đông lớn
4	Tổng Công ty Dầu Việt Nam	02T-SD/BSR-PVOIL/2024	Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh theo chuẩn giá dầu thô Dated Brent, khối lượng thanh toán theo khối lượng bốc dầu thực tế	15/05/2024	Từ ngày 01/07/2024 đến 31/12/2024	Hợp đồng dài hạn mua dầu thô Sư Tử Đen 6 tháng cuối năm 2024	PETROVIETNAM, PVEP, SK, KNOC, PERENCO, GEOPETROL	Công ty cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
5	Tổng Công ty Dầu Việt Nam	022T/PVOIL-BSR/2024	Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh theo chuẩn giá dầu thô Dated Brent, khối lượng thanh toán theo khối lượng bốc dầu thực tế	15/6/2024	Từ ngày 01/07/2024 đến 31/12/2024	Hợp đồng dài hạn mua dầu thô Bạch Hồ (nhẹ) 6 tháng cuối năm 2024	PETROVIETNAM, PVEP, VIETSOPETRO, SOCO VN LTD, HOAN VU	Công ty cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
6	Tổng Công ty Dầu Việt Nam	023T/PVOIL-BSR/2024	Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh theo chuẩn giá dầu thô Dated Brent, khối lượng	15/6/2024	Từ ngày 01/07/2024 đến 31/12/2024	Hợp đồng dài hạn mua dầu thô Bạch Hồ (mở Ròng) 6	PETROVIETNAM, PVEP, VIETSOPETRO, SOCO VN LTD, HOAN VU	Công ty cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam



TT	Tên khách hàng/ Đại lý bán dầu thô	Số hợp đồng	Giá trị hợp đồng (triệu đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm/ dịch vụ đầu vào, đầu ra	Khách hàng/ Nhà cung cấp	Mối quan hệ với Người nội bộ, cổ đông lớn
			thanh toán theo khối lượng bốc dầu thực tế			tháng cuối năm 2024		
7	Tổng Công ty Dầu Việt Nam	1657/PVOIL.DT-BSR/12-23/K	Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh theo chuẩn giá dầu thô Dated Brent, khối lượng thanh toán theo khối lượng bốc dầu thực tế	22/12/2023	Từ ngày 01/01/2024 đến 30/6/2024	Hợp đồng dài hạn mua dầu thô Đại Hùng 6 tháng đầu năm 2024	PETROVIETNAM, PVEP	Công ty cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
8	Tổng Công ty Dầu Việt Nam	TGT-020T/PVOIL-BSR/2023	Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh theo chuẩn giá dầu thô Dated Brent, khối lượng thanh toán theo khối lượng bốc dầu thực tế	05/12/2023	Từ ngày 01/01/2024 đến 30/6/2024	Hợp đồng dài hạn mua dầu thô Tê Giác Trắng 6 tháng đầu năm 2024	PETROVIETNAM, PVEP	Công ty cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam



TT	Tên khách hàng/ Đại lý bán dầu thô	Số hợp đồng	Giá trị hợp đồng (triệu đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm/ dịch vụ đầu vào, đầu ra	Khách hàng/ Nhà cung cấp	Mối quan hệ với Người nội bộ, cổ đông lớn
9	Tổng Công ty Dầu Việt Nam	TGT-021T/PVOIL-BSR/2023	Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh theo chuẩn giá dầu thô Dated Brent, khối lượng thanh toán theo khối lượng bốc dầu thực tế	Đang trình ký	Từ ngày 01/07/2024 đến 31/12/2024	Hợp đồng dài hạn mua dầu thô Tê Giác Trắng 6 tháng cuối năm 2024	PETROVIETNAM, PVEP	Công ty cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
10	Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu Khí Quảng Ngãi PTSC	489-2021/HĐ/BSR-PTSC-QN	625.531.076.800	18/08/2021	18/08/2024	Ký hợp đồng đơn giá 3 năm thuê tàu lai dắt để phục vụ sản xuất và trực ứng phó sự cố khẩn cấp tại SPM và Jetty theo Đơn hàng số 253/20-		



TT	Tên khách hàng/ Đại lý bán dầu thô	Số hợp đồng	Giá trị hợp đồng (triệu đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm/ dịch vụ đầu vào, đầu ra	Khách hàng/ Nhà cung cấp	Mối quan hệ với Người nội bộ, cổ đông lớn
						3731/ĐH-QLCB-D		
11	Công ty Cổ phần Dịch vụ bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Miền Trung	206-2021-HĐ-BSR-ANDK	208.893.230.150	19/04/2021	18/02/2025	Thuê dịch vụ bảo vệ Nhà máy lọc dầu Dung Quất (năm 2021 đến năm 2024)		
12	Công ty Cổ phần Bao bì và Thương mại Dầu khí Bình Sơn	140-2022/HĐĐG/BSR-PVBLD	233.376.000.000	05/03/2022	04/03/2025	Mua bao đóng gói hạt nhựa Polypropylen để sử dụng tại phân xưởng PP theo Hợp đồng đơn giá 03 năm		Công ty con của BSR



TT	Tên khách hàng/ Đại lý bán dầu thô	Số hợp đồng	Giá trị hợp đồng (triệu đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm/ dịch vụ đầu vào, đầu ra	Khách hàng/ Nhà cung cấp	Mối quan hệ với Người nội bộ, cổ đông lớn
13	Công ty cổ phần Hàng hải và năng lượng Hải Mã	ADDENDUM 2 to CONTRACT No. 529-2021/HĐ/BSR-SME&PTSC QN	133.814.738.601	09/10/2023	10/10/2024	Thuê dịch vụ tư vấn vận hành và bảo dưỡng (O&M) NMLD Dung Quất năm 2023-2024		
14	Công ty Cổ phần Bao bì và Thương mại Dầu khí Bình Sơn	174-2023-HDDG-BSR-PVBLD	89.588.400.000	02/03/2023	02/03/2025	Mua Pallet để sử dụng tại phân xưởng PP theo Hợp đồng đơn giá		Công ty con của BSR
15	Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu Khí Quảng Ngãi PTSC	639-2022/HĐĐG/BSR-PTSCQN	67.281.701.280	17/08/2022	17/08/2025	Ký hợp đồng đơn giá cung cấp dịch vụ sơn chống ăn mòn tại khu vực môi trường biển		



TT	Tên khách hàng/ Đại lý bán dầu thô	Số hợp đồng	Giá trị hợp đồng (triệu đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm/ dịch vụ đầu vào, đầu ra	Khách hàng/ Nhà cung cấp	Mối quan hệ với Người nội bộ, cổ đông lớn
						(P3, Jetty và U34) trong thời gian 03 năm		
16	Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí	PLBS04-HĐ 45-2022/HĐ-BSR-PMS	53.938.343.800	09/05/2024	19/01/2025	Cung cấp dịch vụ lắp đặt giàn giáo để thực hiện công việc kiểm tra và bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên tại khu vực A1, A2, A3, PP năm 2024, 2025 và 2026.		



TT	Tên khách hàng/ Đại lý bán dầu thô	Số hợp đồng	Giá trị hợp đồng (triệu đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm/ dịch vụ đầu vào, đầu ra	Khách hàng/ Nhà cung cấp	Mối quan hệ với Người nội bộ, cổ đông lớn
17	Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp dầu khí Vũng Tàu	1670-2023/HD/BSR-PSV	48.224.698.038	31/12/2023	31/12/2026	Thuê dịch vụ tạp vụ, vệ sinh các khu văn phòng làm việc bên trong và bên ngoài hàng rào Nhà máy từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2026 (36 tháng)		
18	Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí	PLBS số 05 HĐ số 61-2022-HĐ-BSR-PMS	26.664.151.721	04/03/2024	25/03/2025	Cung cấp dịch vụ bảo ôn để thực hiện công việc kiểm tra và bảo dưỡng, sửa		



TT	Tên khách hàng/ Đại lý bán dầu thô	Số hợp đồng	Giá trị hợp đồng (triệu đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm/ dịch vụ đầu vào, đầu ra	Khách hàng/ Nhà cung cấp	Mối quan hệ với Người nội bộ, cổ đông lớn
						chữa thường xuyên tại khu vực A1, A2, A3 và PP trong năm 2024 và 2025.		

Nguồn: BSR



7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu chủ yếu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong hai (02) năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

a. Kết quả hoạt động kinh doanh

Xét trên số liệu Công ty mẹ, Tổng tài sản của Công ty năm 2023 đạt 85.421 tỷ đồng, tăng 10,6% so với năm 2022, Vốn chủ sở hữu tăng từ 51.438 tỷ đồng năm 2022 lên 57.689 tỷ đồng năm 2023, tương ứng mức tăng 12,15%.

Về kết quả hoạt động kinh doanh, doanh thu và lợi nhuận của BSR trong năm 2023 có giảm so với năm 2022, tuy nhiên vẫn vượt kế hoạch đề ra. Năm 2022, Doanh thu thuần đạt 167.055 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 14.836 tỷ đồng, đây là kết quả đạt được cao nhất của BSR kể từ khi Nhà máy lọc dầu Dung Quất đi vào vận hành thương mại. Năm 2023, doanh thu đạt 147.382 tỷ đồng, và Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh đạt 9.762 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ, năm 2023 đạt 8.755 tỷ đồng, vượt 412% kế hoạch được ĐHĐCĐ thông qua và vượt 75% kế hoạch điều chỉnh. Tính đến 30/09/2024, tổng tài sản của Công ty mẹ ghi nhận đạt hơn 89 nghìn tỷ, lợi nhuận sau thuế đạt 404 tỷ đồng, đạt hơn 31,62% so với kế hoạch đề ra của cả năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty.

Trên Báo cáo tài chính Hợp nhất, tổng tài sản hợp nhất của Công ty năm 2023 đạt 86.595 tỷ đồng, tăng 10,33% so với năm 2022. Doanh thu thuần cả năm 2023 đạt 147.423 tỷ đồng, Lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 8.593 tỷ đồng, đạt 527,7% kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thông qua và 176,5% so với KH điều chỉnh. Mức lợi nhuận cao đạt được nhờ diễn biến thị trường dầu thuận lợi cũng như những nỗ lực trong việc cải tiến công nghệ, đa dạng hóa sản phẩm và tối ưu vận hành. BSR thực hiện tối ưu thời gian thực hiện công tác bảo dưỡng tổng thể lần 5 từ tháng 06/2023 sang tháng 03/2024 nên kết quả kinh doanh trong năm 2023 đạt được cao hơn so với kế hoạch đề ra từ đầu năm.

Bảng 13: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2022 - 2023 và lũy kế đến quý gần nhất

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Công ty Mẹ			
	Năm 2022	Năm 2023	% tăng giảm	9 tháng đầu năm 2024
Tổng tài sản	77.226.460	85.421.319	10,61%	89.057.904
Vốn chủ sở hữu	51.437.557	57.688.760	12,15%	55.579.113



Chỉ tiêu	Công ty Mẹ			
	Năm 2022	Năm 2023	% tăng giảm	9 tháng đầu năm 2024
Doanh thu thuần	167.054.762	147.381.684	-11,78%	87.034.442
Doanh thu tài chính	1.755.581	2.651.919	51,06%	1.435.616
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	15.666.767	9.762.024	-37,69%	490.082
Lợi nhuận khác	83.732	38.475	-54,05%	20.271
Lợi nhuận trước thuế	15.750.500	9.800.499	-37,78%	510.353
Lợi nhuận sau thuế	14.836.241	8.755.114	-40,99%	404.382
Tỷ lệ trả cổ tức trên vốn điều lệ	3%	7%	133,33%	-
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/ Vốn Chủ sở hữu bình quân (ROE) (%)	33%	16%	-51,83%	0,71%

Chỉ tiêu	Báo cáo hợp nhất			
	Năm 2022	Năm 2023	% tăng giảm	9 tháng đầu năm 2024
Tổng tài sản	78.487.929	86.594.661	10,33%	89.100.733
Vốn chủ sở hữu	51.190.347	57.268.696	11,87%	55.623.382
Doanh thu thuần	167.123.713	147.423.366	-11,79%	87.058.788
Doanh thu tài chính	1.750.275	2.652.369	51,54%	1.819.858
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	15.499.742	9.601.523	-38,05%	762.245
Lợi nhuận khác	86.066	37.812	-56,07%	19.984
Lợi nhuận trước thuế	15.585.808	9.639.335	-38,15%	782.229
Lợi nhuận sau thuế	14.669.337	8.592.579	-41,42%	674.465
Tỷ lệ trả cổ tức trên vốn điều lệ (%)	3%	7%	133,33%	-



Chỉ tiêu	Báo cáo hợp nhất			
	Năm 2022	Năm 2023	% tăng giảm	9 tháng đầu năm 2024
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/ Vốn Chủ sở hữu bình quân (ROE) (%)	33%	16%	-52,07%	0,19%

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng và hợp nhất năm 2022, 2023; BCTC riêng và hợp nhất Quý 3 năm 2024 của BSR

Doanh thu thuần, lợi nhuận năm 2023 của BSR giảm so với năm 2022 do năm 2023, giá dầu thô (Dated Brent) giảm mạnh so với năm 2022 (trung bình năm 2023 là 82,62 USD/thùng; năm 2022 là 101,19 USD/thùng) và khoảng cách giá dầu thô và giá sản phẩm thấp hơn nhiều so với năm trước.

Doanh thu và lợi nhuận 9 tháng đầu năm 2024 của BSR giảm so với cùng kỳ năm trước do trong tháng 3-4 năm 2024, Nhà máy tạm dừng sản xuất để tiến hành bảo dưỡng tổng thể lần 5 nên sản lượng sản xuất và sản lượng tiêu thụ đều giảm so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó khoảng cách giữa giá dầu thô và giá sản phẩm giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước.

- Các chỉ tiêu khác: Không có.

b. Ý kiến kiểm toán, hướng xử lý, khắc phục đến thời điểm đăng ký niêm yết:

• Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022, 2023:

Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam (Deloitte) là đơn vị thực hiện kiểm toán BCTC riêng và hợp nhất cho BSR trong năm 2022, 2023. Đơn vị kiểm toán đưa ra ý kiến báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng/hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2022, 31/12/2023, cũng như kết quả kinh doanh riêng/hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng/hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập, trình bày báo cáo tài chính riêng/hợp nhất.

Ngoài ra có 2 vấn đề cần nhấn mạnh được nêu tại các Báo cáo kiểm toán riêng và hợp nhất năm 2022, 2023 như sau:

- Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2022, 2023, các cơ quan có thẩm quyền chưa thực hiện kiểm tra và phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.



- Ngày 26 tháng 9 năm 2023, Tòa án Nhân dân Thành phố Quảng Ngãi đã ban hành Bản án sơ thẩm chấp thuận một phần yêu cầu khởi kiện của các ngân hàng và buộc Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung (“BSR-BF”- Công ty con của Công ty) tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán cho các ngân hàng. Ngày 22 tháng 02 năm 2024, BSR-BF cũng đã nộp đơn đến Tòa án Nhân dân tỉnh Quảng Ngãi yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với BSR-BF. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, BSR-BF đang chờ quyết định thụ lý của tòa án về việc mở thủ tục phá sản.

- **Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất 6 tháng đầu năm 2024 đã soát xét:**

Căn cứ trên kết quả soát xét của Deloitte, Deloitte i không thấy có vấn đề gì khiến Deloitte cho rằng báo cáo tài chính riêng/hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng/hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng/hợp nhất cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng/hợp nhất giữa niên độ.

Deloitte Việt Nam đưa ra một số lưu ý cần nhấn mạnh như sau:

- ***Báo cáo tài chính riêng 6 tháng đầu năm 2024 đã soát xét:***

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các cơ quan có thẩm quyền chưa phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Ngày 22 tháng 2 năm 2024, Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung (“BSR-BF”) đã nộp đơn lên Tòa án Nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (“Tòa án”) để mở thủ tục phá sản. Ngày 27 tháng 5 năm 2024, Tòa án đã ban hành Quyết định số 01/2024/QĐ-MTTPS mở thủ tục phá sản đối với BSR-BF nên đã chấm dứt quyền kiểm soát của Công ty tại BSR-BF và theo đó, BSR-BF không còn là công ty con của Công ty từ ngày này.

- ***Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2024 đã soát xét nhấn mạnh:***

Ngày 22 tháng 02 năm 2024, Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung (“BSR-BF”) đã nộp đơn lên Tòa án Nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (“Tòa án”) để mở thủ tục phá sản. Ngày 27 tháng 5 năm 2024, Tòa án đã ban hành Quyết định số 01/2024/QĐ-MTTPS mở thủ tục phá sản đối với BSR-BF nên đã chấm dứt quyền kiểm soát của Công ty tại BSR-BF và theo đó, báo cáo tài chính của BSR-BF được chấm dứt hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty từ ngày này.



• **Hướng xử lý đối với vấn đề liên quan tới quyết toán cổ phần hóa:**

- Ngày 01/07/2018: BSR chính thức trở thành công ty cổ phần;
- Ngày 23/08/2018: Kiểm toán độc lập Deloitte Việt Nam phát hành báo cáo tài chính soát xét cho kỳ 01/01/2018-30/6/2018;
- Ngày 08/01/2019: BSR nhận được Kết luận thanh tra thuế số 19/KL-CT của Cục thuế Quảng Ngãi về việc quyết toán thuế năm 2016, 2017 và 6 tháng đầu năm 2018;
- Ngày 17/1/2019, BSR đã nộp vào NSNN số tiền 3.460.581.314 đồng theo Biên bản thanh tra thuế Quảng Ngãi.
- Ngày 26/03/2019 và ngày 09/05/2019: Sau khi có ý kiến của Tổng Cục Thuế, Cục thuế tỉnh Quảng Ngãi đã có công văn số 684/T-TTr ngày 26/3/2019 và số 1036/CT-TKT3 09/5/2019 thông báo về việc điều chỉnh lại kết luận thanh tra thuế số 19/KL-CT ngày 08/01/2019;
- Ngày 07/06/2019: UBQLVNN ban hành công văn số 739/UBQLV-NL v/v xử lý tài chính tại thời điểm BSR chuyển thành công ty cổ phần và quyết toán cổ phần hóa BSR;
- Kiểm toán Nhà nước đã kiểm toán kết quả xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2015 và Báo cáo tài chính niên độ 2017;
- Thanh tra Chính Phủ kiểm tra từ năm 2016 đến 30/6/2018.
- Ngày 16/8/2023, BSR đã chuyển về Tập đoàn Dầu khí Việt Nam số tiền 362.300.000.000 đồng theo yêu cầu của Thanh tra Chính phủ tại kết luận số 1538/KL-TTCTP ngày 07/7/2023.

Như vậy, đến thời điểm đăng ký niêm yết, BSR đã hoàn thành nghĩa vụ theo quy định về quyết toán cổ phần hóa. Các hồ sơ nêu trên đã được BSR gửi PVN; PVN đã có văn bản kiến nghị UBQLV thực hiện các thủ tục liên quan để quyết toán CPH theo quy định.

Từ năm 2019 đến nay, BSR đã thực hiện cập nhật Báo cáo quyết toán cổ phần hóa theo chỉ đạo của PVN và ý kiến của UBQLVNN.

- Ngày 25/4/2024, UBQLVNN đã có công văn số 797/UBQLV-NL gửi PVN về việc hoàn thiện hồ sơ quyết toán cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Lộc hóa dầu Bình Sơn.
- BSR đã gửi PVN Báo cáo quyết toán cổ phần hóa cập nhật lần gần nhất vào ngày 18/7/2024.

• **Hướng xử lý đối với vấn đề liên quan tới Công ty cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung**

- Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam đã có Nghị quyết số 6863/NQ-DKVN ngày 25/11/2022 về việc



thực hiện phương án xử lý đối với các dự án, doanh nghiệp VNPOLY và Nhiên liệu sinh học. Theo đó, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thông qua chủ trương thực hiện phương án phá sản đối với Dự án nhiên liệu sinh học Dung Quất và giao Người đại diện phần vốn của Tập đoàn tại BSR, PVOIL triển khai thực hiện phương án theo trình tự, quy định của pháp luật, báo cáo PVN kết quả thực hiện.

- Ngày 08/02/2023, Hội đồng quản trị BSR đã có Nghị quyết số 01/NQ-BSR ngày 08/02/2023 về việc thực hiện phương án xử lý đối với BSR-BF. Theo đó, BSR đã chấp thuận chủ trương để Người đại diện phần vốn của BSR tại BSR-BF biểu quyết thông qua việc thực hiện phương án phá sản đối với BSR-BF trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật và điều lệ BSR-BF.
- Ngày 28/6/2023, Hội đồng quản trị BSR-BF đã có Quyết định số 14/QĐ-BSR-BF về việc triển khai các thủ tục phá sản BSR-BF.
- Ngày 22/2/2024, BSR-BF đã nộp đơn đến Tòa án Nhân dân Tỉnh Quảng Ngãi yêu cầu mở thủ tục phá sản.
- Ngày 26/04/2024, Tòa án Nhân dân Tỉnh Quảng Ngãi đã có thông báo Thụ ký số 01/2024/PS-TL sau khi Công ty cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung (BSR-BF) nộp yêu cầu mở thủ tục phá sản.
- Ngày 27/05/2024, Tòa án Nhân dân Tỉnh Quảng Ngãi đã có Quyết định mở thủ tục phá sản số 01/2024/QĐ-MTTTPS đối với Công ty cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung (BSR-BF).
- Ngày 03/06/2024, Chi cục thi hành án Dân sự Thành phố Quảng Ngãi đã ban hành Quyết định số 02/QĐ-CCTHADS và 03/QĐ-CCTHADS. Theo đó tạm đình chỉ thi hành án đối với Công ty cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung (BSR-BF) đối với Bản án số 08/2023/KDTM-ST kể từ ngày 03/6/2024 cho đến khi có quyết định của Tòa án có thẩm quyền về việc giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản.
- Tại Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất soát xét 6 tháng đầu năm 2024: Ngày 27 tháng 5 năm 2024, Tòa án đã ban hành Quyết định số 01/2024/QĐ-MTTTPS mở thủ tục phá sản đối với BSR-BF nên đã chấm dứt quyền kiểm soát của Công ty tại BSR-BF và theo đó, BSR-BF không còn là công ty con của Công ty và báo cáo tài chính của BSR-BF được chấm dứt hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty từ ngày này.
- Đến thời điểm hiện tại, Tòa án vẫn đang trong quá trình thực hiện các thủ tục phá sản theo quy định. Công ty/BSR-BF chưa nhận được các công văn/ thông báo cập nhật nào khác từ Tòa án.
- Căn cứ lỗi của BSR-BF phát sinh từng năm phát sinh sau thời điểm BSR chính thức chuyển thành công ty cổ phần (ngày 01 tháng 7 năm 2018) làm ảnh hưởng đến giá trị



tài sản thuần của BSR-BF tại thời điểm kết thúc năm tài chính mà BSR đã thực hiện trích lập dự phòng theo quy định, cụ thể như sau:

Đơn vị: đồng

Giai đoạn	Tài sản thuần của BSR-BF tại ngày cuối kỳ	Giá trị dự phòng đầu tư dài hạn trích lập trong kỳ
Từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018	238.544.363.635	49.427.985.961
Năm 2019	112.742.212.785	82.451.819.767
Năm 2020	(10.426.961.458)	73.892.223.199
Số dư dự phòng đầu tư tài chính dài hạn lũy kế		205.772.028.927

- Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, số dư dự phòng giảm giá đầu tư tại BSR-BF là được lũy kế mang sang từ ngày 31 tháng 12 năm 2020 với số tiền là 205.772.028.927 VND.
- Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty không có số dư công nợ phải thu BSR-BF, cũng như không có nghĩa vụ bảo lãnh với khoản vay của BSR-BF. Do đó, Công ty đánh giá thiệt hại tối đa của Công ty khi BSR-BF phá sản bằng với giá trị dự phòng đầu tư tài chính dài hạn đã trích lập.

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2023

Nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng bắt đầu trải qua những khó khăn thực sự trong năm 2023, là hậu quả tiếp diễn từ đại dịch Covid-19. Là ngành quan trọng và có nhiều đóng góp vào nền kinh tế, ngành lọc dầu chịu ảnh hưởng trực tiếp từ những bất ổn này.

• Thuận lợi

- Nhận được sự quan tâm, ủng hộ/hỗ trợ tháo gỡ khó khăn của các cấp thẩm quyền, sự chỉ đạo sát sao của các cấp Lãnh đạo.
- Kinh tế vĩ mô của Việt Nam ổn định, các chính sách của Đảng/Nhà nước đã và đang hỗ trợ tích cực cho các doanh nghiệp phục hồi sau đại dịch và tốc độ phục hồi của nền kinh tế Việt Nam ở mức cao.
- Hệ thống quản trị ngày càng được hoàn thiện và tối ưu, ứng dụng số hoá trong công tác quản trị; Hội đồng quản trị và Ban điều hành BSR luôn đoàn kết, thống nhất cao trong mọi hành động; công tác điều hành/ứng phó với các biến động thị trường linh hoạt, kịp thời và ngày càng hiệu quả; Đội ngũ lao động lành nghề, tích lũy nhiều kinh nghiệm,

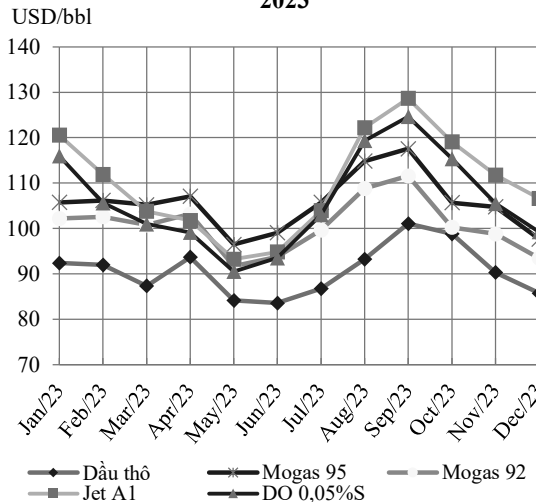


tập thể lãnh đạo và người lao động luôn đoàn kết và sáng tạo.

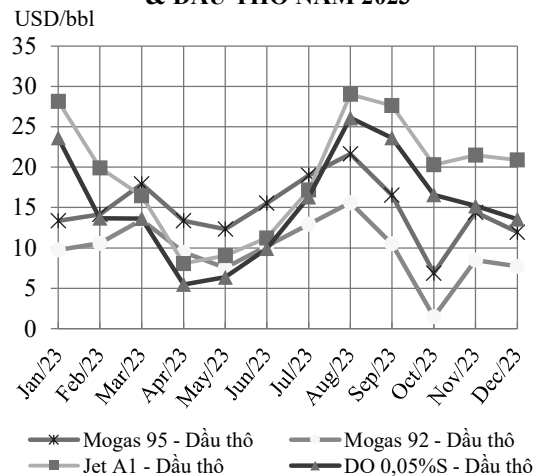
- Nhu cầu tiêu thụ xăng dầu trong nước được duy trì ở mức cao.
- Giá dầu thô tăng cao và khoảng cách giá giữa giá sản phẩm xăng và dầu thô (crack margin) mở rộng hơn nhiều so với kế hoạch.

Diễn biến giá dầu thô, sản phẩm năm 2023 được thể hiện ở các biểu đồ sau:

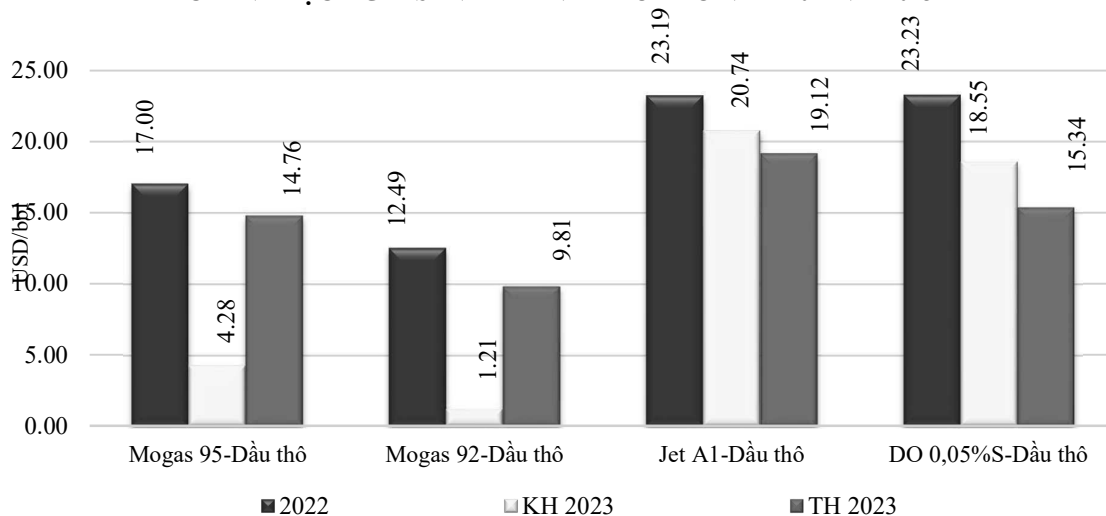
DIỄN BIẾN GIÁ DẦU THÔ & SẢN PHẨM NĂM 2023



DIỄN BIẾN CHÊNH LỆCH GIÁ SẢN PHẨM & DẦU THÔ NĂM 2023



CHÊNH LỆCH GIÁ SẢN PHẨM VÀ DẦU THÔ NĂM 2022 VÀ 2023



Tuy mở rộng so với kế hoạch đề ra, song chênh lệch giữa giá sản phẩm và giá dầu thô đặc biệt là Quý II và IV/2023 giảm mạnh so với Quý I và III/2023 cũng như cùng kỳ năm 2022 dẫn đến kết quả hoạt động SXKD năm 2023 thấp hơn so với cùng kỳ năm 2022.

• **Khó khăn**



- Các khó khăn, vướng mắc liên quan đến Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021, Nghị định số 69/2018/NĐ-CP, Nghị định số 83/2014/NĐ-CP, Thông tư số 38/2014/TT-BTC về kinh doanh xăng dầu chưa tạo điều kiện thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Một số khách hàng nhỏ lẻ không còn đủ điều kiện tiêu thụ sản phẩm của NMLD Dung Quất.
- Nhà máy đã có thời gian vận hành hơn 15 năm nên thiết bị, máy móc tiềm ẩn nguy cơ không đảm bảo nếu không được kiểm tra, giám sát và chăm sóc, duy tu bảo dưỡng sửa chữa một cách thường xuyên, liên tục và chú trọng. Điều này dẫn tới chi phí bảo dưỡng sẽ gia tăng.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1. Vị thế của Công ty trong ngành

BSR là đơn vị thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam được giao trách nhiệm tiếp nhận, quản lý, vận hành Nhà máy lọc dầu Dung Quất, giữ vai trò tiên phong và đặt nền móng cho sự phát triển ngành công nghiệp lọc hóa dầu Việt Nam, đồng thời là nơi đào tạo Nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực này.

NMLD Dung Quất là công trình trọng điểm quốc gia có tổng vốn đầu tư trên 3 tỷ USD, công suất chế biến 6,5 triệu tấn dầu thô/năm. Hàng năm, NMLD Dung Quất sản xuất ra khoảng trên 6,2 triệu tấn sản phẩm các loại và đáp ứng khoảng 30% nhu cầu năng lượng của Việt Nam. Cơ cấu sản phẩm của NMLD Dung Quất gồm: Khí hóa lỏng (LPG), Xăng RON92/RON95, Xăng E5 RON92, Jet A-1, DO, FO, Hạt nhựa Polypropylene và Lưu huỳnh.

Sản lượng xăng dầu sản xuất và bán hàng năm của Công ty đạt hơn 6 triệu tấn, chiếm hơn 90% tổng sản lượng các sản phẩm tại công ty, cung cấp hơn 30% nhu cầu tiêu thụ sản phẩm xăng dầu cho thị trường trong nước. Hoạt động lọc hóa dầu của Công ty tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong nguồn cung xăng dầu cho thị trường nội địa.

Từ khi Nhà máy lọc hóa dầu số II đi vào hoạt động thì với sự phân bổ cửa hàng bán lẻ tương đối đồng đều ở cả 3 miền, Petrolimex và PVOIL và các đầu mối khác sẽ phải chia sẻ thị phần để tiêu thụ hàng Dung Quất và hàng NSRP tại khu vực miền Bắc và Bắc Trung Bộ. Hiện tại Petrolimex chiếm khoảng 50% thị phần trên cả nước và khách hàng lớn nhất của BSR, năm 2023 chiếm 35,65% tỷ trọng doanh thu bán hàng của BSR. Trong khi đó, PVOIL chiếm khoảng 20% thị phần xăng dầu cả nước, năm 2023, PVOIL chiếm 18,81% doanh thu bán hàng của BSR. Với vị trí địa lý thuận lợi đối với miền Trung và miền Nam, BSR có lợi thế trong việc xuất bán hàng từ Trung Trung Bộ trở vào miền Nam.



Mặt khác, so sánh với các sản phẩm xăng dầu nhập khẩu, BSR đủ khả năng cạnh tranh nhờ vào các lợi thế:

- + Chi phí vận chuyển, bảo hiểm và các chi phí liên quan khác thấp hơn so với các sản phẩm nhập khẩu.
- + Khai nộp thuế GTGT tại thời điểm thanh toán tiền hàng (30 ngày sau ngày nhận hàng) trong khi đó hàng nhập khẩu phải kê khai nộp thuế GTGT ngay thời điểm thông quan hàng hóa.
- + Khách hàng trong nước mua sản phẩm của BSR thanh toán bằng VND, không phải chịu rủi ro tỷ giá.

Hiện nay, tại thị trường Việt Nam có các công ty: Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn, Công ty TNHH Hóa dầu Long Sơn, Công ty TNHH Hóa chất Hyosung Vina hoạt động cùng lĩnh vực Lọc hóa dầu với BSR. Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn bắt đầu đi vào vận hành thương mại cuối năm 2018, tuy nhiên các thông tin tài chính của Nghi Sơn không được công bố trên thị trường, các nhà máy còn lại đang trong quá trình hoàn thiện do đó chúng tôi không có cơ sở để đánh giá vị thế của các Công ty trong cùng ngành.

8.2. Triển vọng phát triển của ngành

Theo đánh giá, Việt Nam là quốc gia đang phát triển và phụ thuộc vào nguồn năng lượng hóa thạch là chủ yếu trong thời gian tới. Vì vậy, ngành Dầu khí vẫn đóng vai trò quan trọng trong cơ cấu năng lượng.

Ngành Dầu khí Việt Nam tiếp tục là một trong những trụ cột chính đảm bảo nguồn cung năng lượng cho phát triển kinh tế ở Việt Nam. Theo báo cáo triển vọng năng lượng 2019, cùng với sự phát triển nền kinh tế thế giới nhu cầu về năng lượng toàn cầu sẽ tăng mạnh khoảng 30% vào năm 2040, trong đó Việt Nam có tốc độ tăng trưởng nhu cầu các sản phẩm lọc dầu hàng năm bình quân 3,8%/năm từ 2018-2040, dự báo nhu cầu các sản phẩm lọc dầu sẽ tăng từ 451 nghìn thùng/ngày vào năm 2018 lên 1.165 triệu thùng/ngày vào năm 2035.

Theo Quyết định số 215/QĐ-TTg ngày 01/3/2024 của Thủ tướng Chính Phủ phê duyệt Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045; định hướng phát triển lĩnh vực chế biến dầu khí như sau:

- *Phát triển lĩnh vực chế biến dầu khí để đáp ứng nhu cầu trong nước, hướng tới mục tiêu xuất khẩu. Thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài, nguồn vốn đầu tư từ xã hội để phát triển lĩnh vực chế biến dầu khí theo nguyên tắc bảo đảm hài hòa lợi ích quốc gia và nhà đầu tư.*
- *Tập trung tích hợp lọc dầu - hóa dầu, sử dụng các công nghệ lọc dầu hiện đại để chuyển dịch linh hoạt cơ cấu sản phẩm trong tương lai theo hướng giảm sản phẩm lọc dầu, tăng*



sản phẩm hóa dầu, hóa chất nhằm phù hợp với xu hướng chuyển dịch năng lượng, nâng cao giá trị gia tăng cho nguyên liệu dầu khí, tạo ra các nguyên, nhiên, vật liệu để phục vụ phát triển sản xuất công nghiệp trong nước, hướng tới xuất khẩu, giảm tỷ trọng nhập siêu.

- Duy trì vận hành an toàn, ổn định, hiệu quả các nhà máy lọc hóa dầu hiện hữu, các nhà máy chế biến condensate; đa dạng hóa sản phẩm của các nhà máy.

- Tập trung duy trì sự ổn định trong sản xuất, cung ứng xăng dầu, phân bón và các nguyên, nhiên liệu khác nhằm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao tính cạnh tranh, đổi mới và phát triển.

- Chủ động nghiên cứu các giải pháp thay thế/bổ sung nguồn nguyên liệu thiếu hụt bằng các nguồn nguyên liệu/năng lượng ổn định khác cho các nhà máy chế biến dầu khí.

- Thường xuyên nghiên cứu thực hiện việc đầu tư cải tiến/nâng cấp để phù hợp với xu hướng thay đổi thị trường sản phẩm cũng như các yêu cầu về tiêu chuẩn môi trường ngày càng khắt khe (như các nhà máy lọc dầu,...). Nghiên cứu đầu tư phát triển các sản phẩm mới hóa dầu/hóa chất chuyên dụng có giá trị gia tăng cao.

- Tận dụng vị trí địa lý và cơ sở hạ tầng đã được đầu tư để phát triển các nhà máy theo chuỗi chế biến sâu, các nhà máy và cơ sở cung cấp dịch vụ. Nghiên cứu, đầu tư xây dựng các chuỗi vận chuyển - tồn chứa - sản xuất và kinh doanh dầu thô, xăng dầu. Triển khai hoàn thành Dự án nâng cấp, mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất, hình thành Trung tâm lọc hóa dầu và năng lượng quốc gia tại Khu kinh tế Dung Quất.

- Nghiên cứu, đề xuất và triển khai công tác đầu tư xây dựng các dự án lọc hóa dầu/hóa chất mới gắn với các trung tâm chế biến dầu khí tại các khu vực tiềm năng.

Như vậy lĩnh vực chế biến dầu khí tiếp tục được giao nhiệm vụ tiếp tục phát triển để không những đảm bảo nhu cầu trong nước mà còn hướng đến xuất khẩu.

Tổng nguồn cung xăng dầu cung cấp cho thị trường trong 4 tháng đầu năm 2024 được Bộ Công thương công bố, đạt 9,93 triệu m³/tấn xăng dầu các loại, vượt 7,3% so với tổng nguồn phân giao, trong đó nhập khẩu xăng dầu là 8,87 triệu m³/tấn, tăng 27% so với năm trước (chiếm 34% tổng nguồn cung); sản xuất xăng dầu trong nước đạt 15,69 triệu m³/tấn, tăng 13,7% (chiếm 61,3% tổng nguồn cung). Theo dự báo của BMI, tiêu thụ xăng dầu tại Việt Nam tiếp tục tăng lên và đạt mức 675 nghìn thùng/ngày vào năm 2025, với tốc độ tăng trưởng trung bình khoảng 4,2% mỗi năm. Do vậy, với công suất hiện tại của hai nhà máy tại Việt Nam hiện chỉ khoảng 350 nghìn thùng/ngày, dự kiến mỗi năm Việt Nam vẫn phải nhập khẩu khoảng 200 nghìn thùng/ngày để đáp ứng nhu cầu nội địa – đây là dự địa rất lớn và là cơ hội để mở rộng các NMLD tại Việt Nam.



8.3. So sánh về tình hình tài chính của công ty với các công ty cùng ngành tại Việt Nam

Hiện nay, tại thị trường Việt Nam chỉ có duy nhất một Công ty hoạt động cùng lĩnh vực Lọc hóa dầu với Công ty đó là Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn. Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn bắt đầu đi vào vận hành thương mại cuối năm 2018, tuy nhiên các thông tin tài chính của Nghi Sơn không được công bố trên thị trường, do đó chúng tôi không có cơ sở để thực hiện so sánh.

8.4. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

Trong 2 năm 2020, 2021, nhu cầu tiêu thụ xăng dầu trong nước và thế giới giảm mạnh trước bối cảnh thực hiện giãn cách xã hội trong nước, nhu cầu di chuyển bằng các phương tiện cá nhân, phương tiện công cộng giảm xuống; việc các nước đóng cửa biên giới dẫn đến tạm dừng các chuyến bay quốc tế, nền kinh tế bị ảnh hưởng dẫn đến hoạt động sản xuất của một số nhà máy không đạt tối đa công suất. Thêm vào đó, xu hướng mới hiện nay trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng là sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo thay thế nguồn nguyên liệu hóa thạch làm giảm các tác động đến môi trường.

Tuy nhiên sau khi các Quốc gia thực hiện mở cửa lại nền kinh tế, nhu cầu tiêu thụ xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu trên thực tế không có dấu hiệu giảm, mà còn tiếp tục phục hồi khi các hoạt động kinh tế quay trở lại. Nhu cầu thị trường khu vực tăng lên cùng với khả năng thâm nhập vào thị trường trong khu vực ngày càng thuận lợi do lợi ích từ việc Việt Nam gia nhập vào các tổ chức AFTA, WTO.

Sản lượng sản phẩm của nhà máy lọc dầu Dung Quất hiện nay đáp ứng được khoảng 30% nhu cầu tiêu thụ xăng dầu trong nước và khoảng 15% nhu cầu sản phẩm hóa dầu. Trong năm 2022, hai nhà máy lọc dầu Dung Quất và Nghi Sơn chỉ đáp ứng được tối đa 80% tổng nhu cầu tiêu thụ trong nước, con số này là 52,36% trong năm 2023. Dự kiến sau khi thực hiện xong dự án nâng cấp mở rộng nhà máy lọc dầu Dung Quất, công suất hai nhà máy sẽ đáp ứng được 81% tổng nhu cầu xăng dầu đến năm 2025 và 57% đến năm 2035; 45% nhu cầu sản phẩm hóa dầu năm 2025 và 31% năm 2035.

Đồng thời, bên cạnh việc mở rộng để nâng công suất Nhà máy, BSR cũng thực hiện nâng cấp công nghệ sản xuất của Nhà máy hiện tại để đa dạng hóa khả năng chế biến các loại dầu nguyên liệu khác nhau, đồng thời, nâng tiêu chuẩn sản phẩm đầu ra đạt EURO V. Nhà máy mới cũng sẽ nâng tỷ trọng các sản phẩm lọc dầu có giá trị cao (LPG, JetA1) và các sản phẩm hóa dầu. Việc chuyển đổi dần dần sang lĩnh vực hóa dầu là định hướng kinh doanh trong dài hạn của công ty.



Thêm vào đó, với nguồn dầu ngọt nguyên liệu trong nước đang giảm dần và các quy định về tiêu chuẩn xăng dầu đưa vào tiêu thụ, việc BSR thực hiện nghiên cứu để đa dạng hóa khả năng chế biến của nhà máy và thực hiện, nâng cấp mở rộng nhà máy, nâng công suất nhà máy lên 8 triệu tấn và các sản phẩm đạt tiêu chuẩn EURO V là hoàn toàn phù hợp với các chính sách của Nhà nước và xu hướng chung của thị trường.

Mặt khác, nền kinh tế trong nước phát triển năng động, ổn định, nhiều cơ hội hợp tác, đầu tư. Khả năng thu hút vốn từ nước ngoài cho các nước đang phát triển (các quỹ tài chính quốc tế, các công ty khai thác dầu khí lớn trên thế giới đang tìm kiếm thị trường thay thế cho thị trường Mỹ) cũng như khả năng thu hút vốn trong nước và từ vốn đầu tư nhỏ lẻ nước ngoài nhờ sự phát triển của thị trường chứng khoán trong nước, việc BSR là công ty đại chúng quy mô lớn và niêm yết cổ phiếu trên Sàn giao dịch chứng khoán, tận dụng các lợi thế và cơ hội để thu hút các nhà đầu tư và vốn để phát triển mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là hoàn toàn đúng đắn.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Số lượng lao động và cơ cấu lao động

Tổng số lao động của Công ty mẹ cụ thể như sau:

Bảng 14: Cơ cấu trình độ lao động

Chỉ tiêu lao động bình quân trong năm	Năm 2022	Năm 2023
<i>Phân loại theo cấp quản lý</i>		
<i>Cán bộ quản lý</i>	145	141
<i>Nhân viên</i>	1.371	1.391
<i>Phân loại theo trình độ học vấn</i>		
<i>Trình độ đại học, trên đại học</i>	970	987
<i>Trình độ dưới đại học</i>	546	545
<i>Phân loại theo giới tính</i>		
<i>Lao động nam</i>	1.303	1.315
<i>Lao động nữ</i>	213	217
Tổng cộng	1.516	1.532

Nguồn: BSR



9.2. Các chính sách đối với lao động (đào tạo, lương thưởng, trợ cấp)

- **Về Chế độ làm việc:**

Do đặc thù công nghệ sản xuất vận hành liên tục, Công ty bố trí người lao động làm việc theo chế độ giờ hành chính và theo chế độ ca kíp, cụ thể như sau:

- **Đối với người lao động làm việc theo giờ hành chính:**

Thời giờ làm việc tiêu chuẩn là 40 giờ/tuần bao gồm những ngày nghỉ hưởng nguyên lương theo quy định. Mỗi tuần, người lao động làm việc từ thứ Hai đến thứ Sáu.

Người lao động làm việc theo giờ hành chính tại trụ sở Công ty, 208 Hùng Vương, thành phố Quảng Ngãi được quy định như sau:

+ Buổi sáng: từ 07h30 đến 11h30.

+ Buổi chiều: từ 13h00 đến 17h00.

Người lao động làm việc theo giờ hành chính tại Nhà máy được quy định cụ thể như sau:

+ Buổi sáng: từ 07h30 đến 12h00.

+ Buổi chiều: từ 13h00 đến 16h30.

- **Đối với người lao động làm việc theo ca:**

+ Người lao động làm việc theo chế độ ca/kíp thực hiện thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi trên cơ sở chu kỳ ca làm việc theo quy định của Công ty.

+ Công ty tổ chức chế độ làm việc theo ca, kíp cho người lao động phù hợp với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh tại từng thời điểm cụ thể. Hiện tại, BSR bố trí cho người lao động việc theo chế độ 2 ca, 4 kíp: ca ngày từ 07h00 đến 19h00; ca đêm từ 19h00 đến 07h00 sáng hôm sau.

- **Đối với một số công việc đặc biệt khác**, do đặc thù sản xuất kinh doanh không thể bố trí làm việc theo thời gian quy định chung, Công ty sẽ quy định riêng thời giờ làm việc trên nguyên tắc hạch toán thời gian tổng cộng, sao cho tổng số thời giờ làm việc của NLD trong kỳ không vượt quá số giờ quy định và phải đảm bảo cho NLD được nghỉ tính bình quân 01 tháng ít nhất 04 ngày.

- **Về chính sách, chế độ đối với người lao động:**

BSR xây dựng Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- BSR xây dựng và quyết toán tiền lương, thù lao cho CBCNV theo đúng quy định của Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 và Thông tư số 28/2016/TT-



BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ LĐTB&XH đối với Công ty cổ phần có vốn góp chi phối của Nhà nước.

- Công ty có chế độ thưởng an toàn, phụ cấp độc hại, bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật... cho người lao động.
- Có quy định về phúc lợi cho người lao động như thăm hỏi tặng quà các ngày lễ, Tết; trợ cấp khi bản thân/gia đình gặp khó khăn, đau ốm, tai nạn...
- Xây dựng trạm y tế với đầy đủ thiết bị, đáp ứng tốt việc sơ cấp cứu, cấp phát thuốc điều trị bệnh theo quy định của Bộ Y tế.
- Thực hiện đầy đủ chế độ BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN; mua Bảo hiểm sức khỏe, hưu trí tự nguyện, thực hiện khám sức khỏe định kỳ hàng năm, hỗ trợ người lao động mua Bảo hiểm con người cho người thân... nhằm chăm lo tốt hơn cho sức khỏe người lao động, nâng cao năng suất lao động và có khoản tích lũy khi nghỉ hưu, khuyến khích sự gắn bó với Công ty. Thanh toán đầy đủ và hỗ trợ các chế độ thai sản và hưu trí theo luật định.
- **Về hoạt động đào tạo người lao động:**
 - Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên
 - + Số giờ đào tạo trung bình trong năm: 40 giờ/người/năm.
 - + Số giờ đào tạo trung bình cho cấp quản lý: 12 giờ/người/năm.
 - + Số giờ đào tạo trung bình cho người lao động trực tiếp: 60 giờ/người/năm.
 - Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

10. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty, chính sách phân phối cổ tức do Hội đồng quản trị đề nghị và Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

- Công ty chỉ được chi trả cho cổ đông khi công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
- Cổ đông được chia cổ tức tương đương với phần vốn góp và tùy theo đặc điểm tình hình kinh doanh theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.



Kể từ khi trở thành Công ty cổ phần vào ngày 01/7/2018 đến nay, công ty đã thực hiện chi trả cổ tức như sau:

Năm	Tỷ lệ cổ tức
2021	3%
2022	7%
2023	7%

11. Tình hình hoạt động tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. BCTC của Công ty trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam.

11.1 Các chỉ tiêu cơ bản

- Trích khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá và phương pháp khấu hao đường thẳng. Việc ghi nhận và phương pháp khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và quyết định số 952/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 26/7/2012 về một số cơ chế tài chính của Công ty TNHH Lộc hóa dầu Bình Sơn. Cụ thể:

Loại tài sản	Số năm khấu hao
Nhóm tài sản cố định hữu hình	
Nhà xưởng, vật kiến trúc	05 – 50 năm
Máy móc, thiết bị	03 – 20 năm
<i>Trong đó: Máy móc và thiết bị ngành lọc hóa dầu</i>	<i>10 – 20 năm</i>
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 – 25 năm
Thiết bị văn phòng	03 – 08 năm
Tài sản cố định khác	04 – 05 năm
Nhóm tài sản cố định vô hình	
Phần mềm máy tính	03 năm
Bản quyền, bằng sáng chế	15 năm
Tài sản cố định vô hình khác	06 năm



Theo Quyết định số 952/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 26 tháng 7 năm 2012 về một số cơ chế tài chính của Công ty TNHH MTV Lộc hóa dầu Bình Sơn (nay là Công ty Cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn) (sau đây gọi tắt là "Quyết định 952"), Công ty được trích khấu hao tài sản cố định đối với thiết bị chính của Nhà máy Lộc dầu Dung Quất trong thời gian tối đa là 20 năm.

Theo Công văn số 18327/BTC-CĐKT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc hạch toán hàng tồn kho, cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính, Công ty được tính giá trị hàng tồn kho cố định theo giá trị ghi sổ kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015 vào nguyên giá tài sản cố định. Đồng thời, số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập đến năm 2016 sẽ được hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định. Về mức khấu hao và thời điểm trích khấu hao, Công ty trích khấu hao của dây chuyền nhà máy trên cơ sở giá trị đã bao gồm giá trị hàng tồn kho cố định trong đường ống được xác định như trên từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 theo thời gian sử dụng ước tính còn lại của tài sản cố định (nhóm máy móc và thiết bị ngành lọc hóa dầu).

Căn cứ vào khối lượng hàng tồn kho cố định là dầu thô, sản phẩm trung gian, thành phẩm tồn cố định trong đường ống, thiết bị và bể chứa của Công ty theo Chứng thư giám định khối lượng hàng tồn kho cố định số 17631001 ngày 12 tháng 01 năm 2017 của Công ty Cổ phần Giám định Năng lượng Việt Nam, cụ thể:

Hàng tồn kho	Khối lượng (tấn)	Giá trị (đồng)
Dầu thô	56.934,88	418.034.692.911
Sản phẩm trung gian	22.143,68	195.710.683.715
Thành phẩm	28.149,37	262.821.327.226
Propylene trong bể chứa tại phân xưởng PolyPropylene (PP)	194,23	1.963.929.878
Dầu thô, sản phẩm trung gian, sản phẩm trong thiết bị, đường ống	15.911,97	128.538.428.076
Tổng cộng	123.334,13	1.007.069.061.807

Công ty đã xác định giá trị hàng tồn kho cố định được hạch toán tăng nguyên giá tài sản cố định theo giá trị ghi sổ kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 với số tiền khoảng 1.007 tỷ VND và đã ghi giảm giá trị hàng tồn kho với số tiền tương ứng. Việc điều chỉnh giá trị và hạch toán hàng tồn kho như trên đã được Hội đồng Thành viên của Công ty TNHH MTV Lộc hóa dầu Bình Sơn phê duyệt tại Quyết định số 905/QĐ-BSR ngày 17 tháng 3 năm 2017. Công ty kế thừa và tiếp tục theo dõi giá trị hàng tồn kho cố định nêu trên.

- Nguyên tắc xác định giá trị hàng tồn kho:



Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho khi được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Mức lương bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023
Mức lương bình quân (triệu VND/người/tháng)	18,5	19,51

Nguồn: BSR

Trong cùng địa bàn của BSR không có doanh nghiệp cùng ngành nên không có thông tin để so sánh mức lương bình quân.

- Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Căn cứ vào báo cáo tài chính riêng đã kiểm toán năm 2023, Công ty mẹ đã thanh toán đầy đủ các khoản nợ và không có khoản nợ quá hạn, không còn nợ dài hạn.

- Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty nghiêm chỉnh thực hiện các chính sách thuế của Nhà nước cũng như các chính sách có liên quan đến người lao động. Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản thuế GTGT, thuế TNDN và các khoản thuế khác theo các quy định của Nhà nước.

Bảng 15: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chi tiết	Công ty mẹ		
	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
Thuế GTGT	615.584	622.636	1.679.770
Thuế tiêu thụ đặc biệt	586.085	650.197	476.526
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	137.108	301.163	-
Thuế Thu nhập cá nhân	12.718	9.468	-
Thuế bảo vệ môi trường	39.446	25.653	19.291
Thuế nhà thầu	43		
Tiền thuê đất, thuế nhà đất	-	540	41



Chi tiết	Công ty mẹ		
	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
Tổng cộng	1.390.983	1.609.656	2.175.628

Chi tiết	Báo cáo hợp nhất		
	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
Thuế GTGT	619.060	625.603	1.683.069
Thuế tiêu thụ đặc biệt	586.085	650.197	476.526
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	138.998	302.207	1.113
Thuế Thu nhập cá nhân	12.718	9.552	6
Thuế nhà thầu	43	-	-
Tiền thuê đất/ thuế nhà đất	-	540	41
Thuế bảo vệ môi trường	39.446	25.653	19.291
Tổng cộng	1.396.349	1.613.752	2.180.047

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng và hợp nhất năm 2022, 2023; BCTC riêng và hợp nhất Quý 3 năm 2024 của BSR

- Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo Điều lệ và quy định của Pháp luật hiện hành. Theo Điều lệ của Công ty, hàng năm, lợi nhuận của Công ty sau khi nộp thuế cho Nhà nước theo quy định sẽ được dùng để trích lập các quỹ và chi trả cổ tức cho các cổ đông theo nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Bảng 16: Tình hình trích lập quỹ của Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Công ty mẹ		
	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
Quỹ đầu tư phát triển	5.596.320	10.047.193	12.673.727
Quỹ khen thưởng phúc lợi	101.667	111.936	237.648



Chỉ tiêu	Báo cáo hợp nhất		
	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
Quỹ đầu tư phát triển	5.598.761	10.047.968	12.674.167
Quỹ khen thưởng phúc lợi	104.066	113.826	238.114

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng và hợp nhất năm 2022, 2023; BCTC riêng và hợp nhất Quý 3 năm 2024 của BSR

- Tổng dư nợ vay

Kể từ khi thành lập đến nay, Công ty mẹ luôn có lịch sử tín dụng tốt đối với các tổ chức tín dụng. Công ty không có bất cứ khoản vay nợ quá hạn nào tại thời điểm hiện tại.

Bảng 17: Tổng dư nợ vay của Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Công ty mẹ		
	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	7.834.699	9.843.165	14.119.780
Vay ngắn hạn	6.860.000	9.843.165	14.119.780
Nợ dài hạn đến hạn trả	974.699	-	-
Vay và nợ dài hạn	-	-	-
Tổng dư nợ vay	7.834.699	9.843.165	14.119.780

Chỉ tiêu	Báo cáo hợp nhất		
	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	8.954.406	10.970.334	14.119.780
Vay ngắn hạn	6.882.000	9.843.165	14.119.780
Nợ dài hạn đến hạn trả	2.072.406	1.127.170	-
Vay và nợ dài hạn	-	-	-
Tổng dư nợ vay	8.954.406	10.970.334	14.119.780

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng và hợp nhất năm 2022, 2023; BCTC riêng và hợp nhất Quý 3 năm 2024 của BSR



Đối với các khoản vay ngoại tệ:

Khoản vay USD của BSR tại công ty mẹ là khoản vay dài hạn VDB (Ngân hàng Phát triển Việt Nam) để đầu tư xây dựng NMLD ban đầu, khoản vay này đã tất toán xong vào ngày 19/06/2023.

Ngoài ra, trên Báo cáo hợp nhất của BSR năm 2022, 2023 còn có khoản vay bằng USD của Công ty CP Nhiên liệu sinh học Dầu khí Miền Trung. Theo điều khoản hợp đồng, khoản vay này sẽ được tất toán vào ngày 28/5/2022, tuy nhiên vì tình hình kinh doanh thua lỗ nên BSR-BF không có dòng tiền để thanh toán khoản vay và nợ kéo dài tới thời điểm hiện tại. Kể từ ngày 27/05/2024, BSR-BF không là công ty con nên không còn ghi nhận khoản nợ tại BSR-BF.

- Tình hình công nợ hiện nay

Số dư phải thu như sau:

Bảng 18: Các khoản phải thu của Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Công ty mẹ		
	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
Khoản phải thu ngắn hạn	16.496.181	14.916.419	9.951.459
Phải thu ngắn hạn	16.091.371	13.995.246	9.358.934
Trả trước cho người bán	302.288	492.266	376.553
Phải thu ngắn hạn khác	102.521	428.906	215.973
Tài sản thiếu chờ xử lý	1,24	1,24	-
Khoản phải thu dài hạn	534.036	548.633	548.658
Trả trước người bán dài hạn	533.510	548.107	548.107
Phải thu dài hạn khác	526	526	551
Tổng cộng	17.030.217	15.465.052	10.500.117

Chỉ tiêu	Báo cáo hợp nhất		
	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
Khoản phải thu ngắn hạn	16.553.037	14.954.715	9.703.334
Phải thu ngắn hạn	16.097.812	13.986.169	9.326.769



Chỉ tiêu	Báo cáo hợp nhất		
	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
Trả trước cho người bán	350.150	539.957	376.565
Phải thu ngắn hạn khác	105.438	431.902	-
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(364)	(3.314)	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	1	1	-
Khoản phải thu dài hạn	534.036	548.633	548.658
Trả trước người bán dài hạn	533.510	548.107	548.107
Phải thu dài hạn khác	526	526	551
Tổng cộng	17.087.073	15.503.348	10.251.992

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng và hợp nhất năm 2022, 2023; BCTC riêng và hợp nhất Quý 3 năm 2024 của BSR

- Để triển khai Dự án nâng cấp mở rộng nhà máy lọc dầu Dung Quất, BSR đã ký Hợp đồng tư vấn lập thiết kế kỹ thuật tổng thể điều chỉnh (FEED) và đã lựa chọn ngân hàng điều phối các khoản vay tín dụng xuất khẩu cho Dự án. Đồng thời, BSR đang hoàn thiện công tác lựa chọn các nhà cung cấp bản quyền công nghệ cho các phân xưởng ALK, RFCC, NHT, CCR, ISOM, SRU 2; GHDT, DHDT, SRU 3, 4. Đến 30/09/2024, BSR đã ghi nhận 548.106.960.657 đồng vào khoản mục Trả trước cho người bán đối với khoản trả trước dài hạn cho Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất để thực hiện đền bù giải phóng mặt bằng cho Dự án nâng cấp mở rộng Nhà máy Lọc dầu Dung Quất với số tiền tại ngày 30 tháng 9 năm 2024 và 1.170.418.291.099 đồng.

Bảng 19: Các khoản phải trả của Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Công ty mẹ		
	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
Nợ ngắn hạn	24.517.176	26.859.010	32.611.952
Vay ngắn hạn	7.834.699	9.843.165	14.119.780
Phải trả người bán	14.848.804	14.622.421	13.010.573
Người mua trả tiền trước	37.828	246.651	149.578



Chỉ tiêu	Công ty mẹ		
	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.390.983	1.609.656	2.175.628
Phải trả người lao động	220.236	226.325	248.232
Chi phí phải trả	53.839	146.710	452.601
Phải trả ngắn hạn khác	29.121	52.146	2.217.912
Quỹ khen thưởng phúc lợi	101.667	111.936	237.648
Nợ dài hạn	1.271.727	873.549	866.839
Quỹ khoa học và công nghệ	1.271.727	873.549	866.839
Tổng nợ phải trả	25.788.903	27.732.559	33.478.791

Chỉ tiêu	Báo cáo hợp nhất		
	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
Nợ ngắn hạn	26.015.467	28.442.061	32.610.446
Vay ngắn hạn	8.954.406	10.970.334	14.119.780
Phải trả người bán	14.835.754	14.616.089	12.984.980
Người mua trả tiền trước	37.920	246.762	156.465
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.396.349	1.613.752	2.180.047
Phải trả người lao động	225.005	231.738	255.931
Chi phí phải trả	429.138	592.093	453.617
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	144	964	616
Phải trả khác	32.685	56.504	2.220.895
Quỹ khen thưởng phúc lợi	104.066	113.826	238.114
Nợ dài hạn	1.282.115	883.904	866.905
Phải trả dài hạn khác	100	66	66
Vay dài hạn	-	-	-



Chỉ tiêu	Báo cáo hợp nhất		
	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	10.289	10.289	-
Quỹ khoa học và công nghệ	1.271.727	873.549	866.839
Tổng nợ phải trả	27.297.582	29.325.965	33.477.351

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng và hợp nhất năm 2022, 2023; BCTC riêng và hợp nhất Quý 3s năm 2024 của BSR

Trong năm 2023:

- Công ty thực hiện trích trước chi phí chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu bằng 1% lợi nhuận trước thuế của năm tài chính 2023, tương ứng 97.424.413.726 VND vào Khoản mục Chi phí phải trả ngắn hạn theo Hợp đồng chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam số 6392/HĐ-DKVN ngày 25/12/2020 và Phụ lục 01 ngày 18 tháng 01 năm 2023 của Hợp đồng này giữa Công ty và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (“PVN”).
- Theo Kết luận số 1538/KL-TTCTP ngày 07 tháng 7 năm 2023 về việc tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ Công thương, Thanh tra Chính phủ xác định Công ty sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ từ năm 2015 đến năm 2017 thấp, do đó, trong năm 2016, Công ty chỉ được trích quỹ theo mức 3% thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp (trong khung từ 3% đến 10% theo quy định tại điểm a, khoản 1, điều 4 Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKHCN-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2016). Công ty có trách nhiệm quyết toán nộp về Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) để PVN quyết toán nộp Ngân sách Nhà nước với số tiền là 362.300.000.000 đồng. BSR đã điều chỉnh Quỹ phát triển khoa học và công nghệ đã được trích trong giai đoạn trước cổ phần hóa với số tiền này và đã nộp số tiền này về Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

- **Các chỉ tiêu khác:**

- ❖ **Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương – Chi nhánh Quảng Ngãi**

Tính tới 30/09/2024, BSR có các khoản tiền gửi các khoản tiền gửi có kỳ hạn là tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng và 12 tháng tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương – Chi nhánh Quảng Ngãi (‘Oceanbank), cụ thể :

(Trang này được cố ý để trống).



Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng	2.734.629.695.509	2.734.629.695.509	2.734.732.376.959
Đầu tư tài chính ngắn hạn là tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Tổng	2.736.629.695.509	2.736.629.695.509	2.736.732.376.959

Thực hiện chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”), Oceanbank đang tạm dừng chi trả tiền cho khách hàng là tổ chức đang gửi tiền tại Oceanbank.

- Cách thức đối chiếu số dư định kỳ: Oceanbank có văn bản xác nhận đối chiếu với Công ty 6 tháng/lần.
- Cách thức trả lãi định kỳ: BSR đã và đang được trả lãi cuối kỳ hạn đầy đủ (3 tháng/12 tháng). Số tiền lãi này BSR được quyền sử dụng.

Ngày 26/3/2024, NHNN Chi nhánh Tỉnh Quảng Ngãi có công văn số 248/QNG1 về việc phúc đáp giải quyết kiến nghị của Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn về giải phòng 2.736 tỷ đồng đang bị khoanh giữ tại Ngân hàng Oceanbank. Theo đó việc chi trả tiền gửi tại Oceanbank đối với các tổ chức trong đó có Công ty đã được xây dựng trong Đề án tái cơ cấu Oceanbank và đang trình lên NHNN Việt Nam và Chính phủ chờ phê duyệt. Oceanbank sẽ thực hiện chi trả cho khách hàng theo nội dung được phê duyệt tại thông báo từ các cấp có thẩm quyền, Chính phủ và NHNN Việt Nam.

❖ Thông tin bổ sung đối với Thuyết minh số 30 BCTC Hợp nhất đã được kiểm toán năm 2022:

Trên Thuyết minh số 30 Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2022, Công ty ghi nhận các khoản thu nhập khác, bao gồm:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Năm 2022
Chênh lệch thừa do kiểm kê kho thành phẩm	63.644.905.674
Thu nhập từ được thưởng, bồi thường, phạt hợp đồng	12.863.967.141
Thu nhập khác	10.509.106.590
Tổng cộng	87.017.979.405

- Khoản chênh lệch thừa do kiểm kê kho thành phẩm phát sinh khi Công ty thực hiện kiểm kê hàng tồn kho tại cuối mỗi tháng. Giá trị phản ánh khoản chênh lệch giữa giá trị hàng tồn kho theo kết quả giám định và giá trị hàng tồn kho trên sổ sách.



- Khoản thu nhập từ được thưởng, bồi thường, phạt hợp đồng trong năm 2022 chủ yếu bao gồm khoản bồi thường từ Tổng Công ty Bảo hiểm PVI cho tổn thất tại Nhà máy Lộc dầu Dung Quất, khoản phạt phí lưu tàu được hoàn theo thỏa thuận với nhà cung cấp và các khoản phạt vi phạm khác được hưởng theo quy định của hợp đồng.
- Khoản thu nhập khác trong năm 2022 chủ yếu bao gồm thu nhập từ chuyển Hệ thống biển tần hình thành từ Quỹ phát triển khoa học công nghệ sang phục vụ sản xuất kinh doanh với số tiền 6.051.342.150 VND, xử lý công nợ phải trả theo Biên bản kiểm tra của Thanh tra Bộ Tài chính với số tiền 678.627.513 VND, các khoản nhận hỗ trợ và các khoản thu từ bán hồ sơ thầu.

❖ Thông tin bổ sung đối với Thuyết minh số 10 BCTC riêng đã được kiểm toán năm 2022:

- Ngày 31/12/2021, Công ty có số dư 168.078.633.232 đồng chi phí bảo hiểm nhân thọ thuộc Chi phí trả trước dài hạn.
- Ngày 14/11/2022 Hội đồng quản trị có công văn số 4164/BSR-HĐQT chấp thuận việc chuyển giao Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ trả sau số 637-2015/HĐ-BSR-PVI Sun life ký ngày 29/9/2015 cho cán bộ công nhân viên của BSR (CBCNV)
- Ngày 18/11/2022 BSR có công văn số 6475/BSR-QTNL gửi Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Sun Life Việt Nam đề nghị chuyển giao giá trị tài khoản Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ trả sau cho CBCNV trên cơ sở quy định tại Mục 13.1.4 Chuyển giao giá trị tài khoản của Hợp đồng số 637-2015.
- Ngày 20/12/2022, Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ SunLife Việt Nam đã có thư xác nhận về việc hoàn tất thủ tục chuyển quyền sở hữu hợp đồng bảo hiểm nhân thọ.
- Tại ngày 31/12/2022, toàn bộ số dư chi phí trả trước này đã được hạch toán vào chi phí Công ty.

❖ Chi phí bảo dưỡng tổng thể lần 5:

- Công ty đã trình bày trên Thuyết minh số 10 – Chi phí trả trước (Báo cáo tài chính soát xét 6 tháng đầu năm 2024) khoản chi phí bảo dưỡng tổng thể lần 5 Nhà máy Lộc dầu Dung Quất với số tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 1.662.195.893.219 VND.
- Trong năm 2024, Công ty thực hiện công tác bảo dưỡng tổng thể lần 5 Nhà máy Lộc dầu Dung Quất theo kế hoạch đã được phê duyệt (thời điểm dừng máy là ngày 15 tháng 3 năm 2024, thời điểm hoàn thành là ngày 08 tháng 5 năm 2024).
- Công ty đã tổng hợp, ghi nhận các chi phí thực hiện TA5 (bao gồm các chi phí mua sắm thiết bị, dịch vụ sửa chữa bảo dưỡng, nhân công v.v..) với tổng giá trị khoảng 1.752 tỷ VND và đã phân bổ vào kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2024 với số tiền khoảng 90 tỷ VND.



❖ **Thông tin về số dư khoản đầu tư tài chính ngắn hạn tại Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023:** số dư khoản đầu tư tài chính ngắn hạn tăng 18.949 tỷ đồng, chủ yếu đến từ:

- Dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trong năm tăng lên 11.673 tỷ đồng (thể hiện chi tiết tại Báo cáo lưu chuyển tiền tệ).
- Chuyển từ các khoản tiền gửi từ tiền gửi dưới 3 tháng (trương đương tiền) sang tiền gửi ngắn hạn (kỳ hạn từ 3 đến 12 tháng) với số tiền là 6.272 tỷ đồng.

❖ **Một số chỉ tiêu lưu chuyển tiền tệ:**

- Thông tin về khoản tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác trên Báo cáo tài chính riêng kiểm toán năm 2023 (mã số 23):
 - + Công ty trình bày trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm 2023 khoản tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác với số tiền là 29.789.400.000.000 VND.
 - + Số tiền này phản ánh tổng số tiền Công ty đã gửi vào các ngân hàng thương mại trong nước có kỳ hạn trên 3 tháng trong năm 2023.
- Thông tin về khoản tiền thu hồi cho vay trên Báo cáo tài chính riêng 6 tháng đầu năm 2024 đã soát xét (mã số 24):
 - + Công ty trình bày trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu năm 2024 khoản tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác với số tiền là 17.857.000.000.000 VND.
 - + Số tiền này phản ánh tổng số tiền Công ty đã thu từ việc chuyển các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng (đầu tư tài chính ngắn hạn) sang các khoản tiền gửi không kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại.

11.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 20: Chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty mẹ

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2023
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,38	2,55
<i>(TSNH/Nợ ngắn hạn)</i>			
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,69	1,97
<i>(TSNH-Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn)</i>			
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			



Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2023
Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	Lần	0,33	0,32
Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	Lần	0,50	0,48
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Lần	11,13	8,52
<i>(Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)</i>			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	2,34	1,81
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	8,88	5,94
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH bình quân (ROE)	%	33,31	16,05
Hệ số LNST/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	20,79	10,77
Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	9,38	6,62

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Công ty mẹ năm 2023 cao hơn năm 2022. Hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2023 đạt 2,55 lần, cao hơn so với con số 2,38 lần trong năm 2022. Hệ số thanh toán nhanh trong năm 2023 đạt 1,97 lần, tăng nhẹ so với mức 1,69 lần trong năm 2022.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn: Hệ số nợ/Tổng tài sản của Công ty mẹ giảm nhẹ từ 0,33 trong năm 2022 xuống còn 0,32 trong năm 2023. Bên cạnh đó, Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu giảm từ mức 0,50 lần trong năm 2022 xuống 0,48 lần trong năm 2023. Hệ số nợ giảm cho thấy cơ cấu vốn của công ty giảm sự phụ thuộc vào nợ.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động: Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân) năm 2023 ghi nhận 8,52 lần, cho thấy Công ty vẫn duy trì năng lực vận hành tốt. Hệ số doanh thu thuần trên tổng tài sản bình quân của Công ty tuy giảm nhưng vẫn đạt mức 1,81 lần trong năm 2023 cho thấy hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ vẫn hiệu quả.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời: Trong năm 2022, thị trường thuận lợi giúp cho lợi nhuận của Công ty đạt đỉnh, các hệ số về khả năng sinh lời cũng ở mức cao. Sang năm 2023, tình hình kinh tế khó khăn hơn khiến các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty giảm so với mức đỉnh của năm 2022. Chỉ số ROA năm 2023 đạt 10,77%, chỉ số ROE đạt 16,05%, dù



giảm nhưng các chỉ số này vẫn ở mức cao và cho thấy kết quả kinh doanh tích cực của Công ty.

Bảng 21: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty (hợp nhất)

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2023
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,25	2,41
<i>(Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)</i>			
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,60	1,87
<i>(Tài sản ngắn hạn-Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn)</i>			
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	Lần	0,35	0,34
Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	Lần	0,53	0,51
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Lần	11,12	8,44
<i>(Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)</i>			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	2,30	1,79
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	8,78	5,83
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	33,06	15,84
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	20,19	10,41
Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	9,27	6,51

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán: Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn) năm 2023 là 2,41 cao hơn năm 2022 (2,25) cho thấy khả năng thanh toán của Công ty tốt hơn năm trước. Bên cạnh đó, hệ số thanh toán nhanh năm 2023 là 1,87 cũng cao hơn so với năm 2022 (1,60) cho thấy Công ty tăng khả năng đáp ứng nhu cầu thanh toán nhanh hơn so với năm ngoái. Với hệ số khả năng thanh toán như trên cho thấy năng lực tài chính



của Công ty tốt, khả năng thanh toán các khoản nợ tốt và không gặp khó khăn về tài chính khi các khoản nợ đến hạn.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn: Cơ cấu vốn ngày càng lành mạnh là điểm nhấn trong bức tranh tài chính của BSR, trong đó các tỉ lệ nợ trên tài sản và nợ trên vốn chủ sở hữu giảm, là tiền đề quan trọng trong các bước phát triển tiếp theo của Công ty:

- Hệ số nợ trên tài sản (Nợ phải trả/Tổng tài sản) năm nay là 0,34, giảm 0,01 so với hệ số năm 2022 (0,35).
- Hệ số nợ trên vốn chủ (Nợ phải trả/Vốn CSH) năm nay là 0,51 giảm nhẹ so với năm trước (0,53) cho thấy Công ty ít phụ thuộc vào hình thức huy động vốn bằng vay nợ so với năm trước. Đây là hệ quả từ quá trình tích lũy tài chính cùng kết quả kinh doanh tích cực giúp BSR dần trả hết toàn bộ phần nợ dài hạn phát sinh từ thời kỳ đầu xây dựng Nhà máy. Đến hết năm 2023, BSR không còn dư nợ vay và thuê tài chính dài hạn.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động: Doanh thu thuần/Tổng tài sản là 1,79 cho thấy Công ty vẫn duy trì năng lực vận hành tốt.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời: Năm 2023, ROA, ROE giảm so với năm trước do năm 2023, tình hình kinh tế khó khăn hơn và các yếu tố về thị trường giúp công ty đạt đỉnh lợi nhuận năm 2022 đã giảm mạnh trong năm 2023. Tỷ suất sinh lời trên Tổng tài sản (ROA) năm 2023 là 10,41%. Chỉ tiêu ROA thể hiện tính hiệu quả của quá trình tổ chức, quản lý nguồn lực trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Cùng với ROA, tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE) năm 2023 cũng giảm về mức 15,84%. Mặc dù vậy, các chỉ số tài chính vẫn cho thấy kết quả tích cực của Công ty.

((Trang này được cố ý để trống)).



12. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

12.1 Sơ yếu lý lịch Hội đồng quản trị

Bảng 22: Danh sách Hội đồng Quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Số CCCD
1	Nguyễn Văn Hội	Chủ tịch HĐQT	1968	048068008634
2	Bùi Ngọc Dương	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1975	036075000147
3	Hà Đồng	Thành viên HĐQT	1965	049065009345
4	Khương Lê Thành	Thành viên HĐQT	1977	036077010785
5	Hạng Anh Minh	Thành viên độc lập HĐQT	1975	001175000215

a. Ông Nguyễn Văn Hội – Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Họ và tên: Nguyễn Văn Hội
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1968
- Nơi sinh: Đà Nẵng
- Số CCCD: 048068008634 cấp ngày 10/08/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thiết kế đường ống, bể chứa
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức niêm yết: Chủ tịch HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:



Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
02/2020 - đến nay	Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	Chủ tịch HĐQT
07/2018 - 2/2020	Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	Phó Tổng Giám đốc
02/2016 - 06/2018	Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Nhà máy Lọc dầu Dung Quất
04/2013 - 02/2016	Công ty TNHH MTV Lọc - Hóa dầu Bình Sơn	Phó Tổng Giám đốc
7/2010 - 04/2013	Công ty Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	Chủ tịch Công ty
10/2008 - 07/2010	Ban Quản lý dự án NMLD Dung Quất	Phó Trưởng Ban
01/2007 - 10/2008	Ban Quản lý dự án NMLD Dung Quất	Trưởng phòng Giám sát kỹ thuật
30/2003 - 01/2007	Ban Quản lý dự án NMLD Dung Quất	Trưởng phòng Đào tạo và Chuẩn bị sản xuất
02/2002 - 03/2003	Công ty Liên doanh NMLD Vietross	Phó Trưởng phòng TCHC
05/1999 - 01/2002	Công ty Liên doanh NMLD Vietross	Kỹ sư trưởng Phòng Dự án
6/1993 - 04/1999	Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro	Kỹ sư thiết kế - Viện Nghiên cứu khoa học và Thiết kế Dầu khí biển

- Sổ chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu tại BSR:



- + Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 1.147.184.858 cổ phần chiếm 37% vốn điều lệ
- + Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 6.400 cổ phần chiếm 0,00021% vốn điều lệ
- Số cổ phần của những Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu BSR: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Tuân theo quy định tại Điều 163 Luật Doanh nghiệp 2020, được trả thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và được ghi nhận thành mục riêng tại Báo cáo tài chính.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

b. Ông Bùi Ngọc Dương – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

- Họ và tên: Bùi Ngọc Dương
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1975
- Nơi sinh: Nam Định
- Số CCCD: 036075000147 cấp ngày 11/03/2023, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kỹ thuật hóa dầu, Kỹ sư lọc hóa dầu
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức niêm yết: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không



Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
12/2021 – đến nay	Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
11/2021 – 12/2021	Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	Tổng Giám đốc
02/2020 - 11/2021	Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	Phó Tổng Giám đốc
01/2020 - 02/2020	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Trưởng Ban - Công nghiệp Khí và Lọc hóa dầu
04/2019 - 01/2020	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Trưởng Ban Ban Khí và Chế biến Dầu khí
06/2018 - 04/2019	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Phó Trưởng ban phụ trách Ban Khí và Chế biến Dầu khí
09/2014 - 05/2018	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Phó Trưởng ban Ban Chế biến Dầu khí
01/2010 - 08/2014	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Phó phòng Dự án Ban Chế biến Dầu khí
06/2008 - 01/2010	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Chuyên viên Ban Chế biến Dầu khí
08/2000 - 06/2008	Ban QLDA NMLD Dung Quất, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Chuyên viên
01/1999 - 08/2000	Công ty Tinh dầu & các sản phẩm tự nhiên - Trung tâm khoa học Tự nhiên & Công nghệ Quốc gia (nay là Viện hàn lâm khoa học Việt Nam)	Nghiên cứu viên

- Sổ chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu tại BSR:



- + Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 930.149.885 cổ phần chiếm 30% vốn điều lệ
- + Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ
- Số cổ phần của những Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu BSR: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Tuân theo quy định tại Điều 163 Luật Doanh nghiệp 2020, được trả thù lao, lương, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và được ghi nhận thành mục riêng tại Báo cáo tài chính.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

c. Ông Hà Đồng – Thành viên HĐQT

- Họ và tên: Hà Đồng
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1965
- Nơi sinh: Quảng Nam
- Số CCCD: 049065009345 cấp ngày 01/04/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Máy và Thiết bị công nghiệp Dầu khí
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức niêm yết: Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:



Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
07/2018 - nay	Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn	Thành viên HĐQT
08/2017 - 06/2018	Công ty cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí	Chủ tịch HĐQT
04/2013 - 07/2017	Công ty cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí	Giám đốc
03/2010 - 03/2013	Công ty cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí	Phó Giám đốc Công ty kiêm Giám đốc Chi nhánh miền Trung
06/2001 - 02/2010	Ban QLDA NMLD Dung Quất	Phó phòng Công nghệ - Ban QLDA NMLD Dung Quất, Trưởng phòng Bảo dưỡng sửa chữa
08/1999 - 05/2001	Công ty Liên doanh NMLD Việt Nga	Kỹ sư trưởng, phó phòng Cơ khí năng lượng
01/1990 - 07/1999	Xí nghiệp liên doanh Dầu khí Vietsovetro	Kỹ sư, Quản lý kỹ thuật

- Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu tại BSR:
 - + Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 465.074.942 cổ phần chiếm 15% vốn điều lệ
 - + Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ
- Số cổ phần của những Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu BSR: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có



- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Tuân theo quy định tại Điều 163 Luật Doanh nghiệp 2020, được trả thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và được ghi nhận thành mục riêng tại Báo cáo tài chính.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

d. Ông Khương Lê Thành – Thành viên HĐQT

- Họ và tên: Khương Lê Thành
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1977
- Nơi sinh: Nam Định
- Số CCCD: 036077010785 cấp ngày 29/03/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản lý kinh tế, Kỹ sư lọc hóa dầu
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức niêm yết: Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
02/2020 - đến nay	Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	Thành viên HĐQT
02/2019 – 06/2023	Công ty cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung	Chủ tịch HĐQT



Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
01/2019 - 02/2020	Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	Phó Tổng Giám đốc, kiêm Phó ban QLDA NMLD Dung Quất
07/2018 - 12/2018	Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	Phó Tổng Giám đốc, kiêm trưởng ban An toàn môi trường
01/2017 - 06/2018	Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng ban An toàn Môi trường
09/2016 - 01/2017	Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng An toàn Sức khỏe môi trường PCCC
07/2009 - 09/2016	Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	Trưởng phòng An toàn Sức khỏe môi trường PCCC
12/2008 - 07/2009	Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	Phó Trưởng Phòng phụ trách An toàn Sức khỏe môi trường PCCC
03/2003 - 12/2008	Ban Quản lý Dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất	Kỹ sư giám sát An toàn - Phòng Giám sát xây lắp
09/2002 - 02/2003	Công ty Liên doanh NMLD Việt Nga	Kỹ sư đào tạo
04/2001 - 05/2002	Cục Xăng dầu, Tổng cục Hậu cần thuộc Bộ Quốc phòng	Viên chức quốc phòng, Phòng hóa nghiệm xăng dầu, Kho 182

- Sổ chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu tại BSR:



- + Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 313.770.561 cổ phần chiếm 10,12% vốn điều lệ
- + Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 3.400 cổ phần chiếm 0,00011% vốn điều lệ
- Số cổ phần của những Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu BSR:

Họ và tên	Mối quan hệ	Số CCCD	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
Võ Nguyên Thủy	Vợ	051184015671	28/06/2021	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội	7.600	0,00025%

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
 - Thù lao và các khoản lợi ích khác: Tuân theo quy định tại Điều 163 Luật Doanh nghiệp 2020, được trả thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và được ghi nhận thành mục riêng tại Báo cáo tài chính.
 - Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- e. Ông Hạng Anh Minh – Thành viên độc lập HĐQT**
- Họ và tên: **Hạng Anh Minh**
 - Giới tính: Nam
 - Năm sinh: 1975
 - Nơi sinh: Hà Nội



- Số CCCD: 001175000215 cấp ngày 18/12/2021, nơi cấp:
Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản lý dự án
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức niêm yết: Thành viên độc lập HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
31/7/2023 - nay	Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn	TV độc lập HĐQT Người được Ủy quyền CBTT
13/4/2023 - nay	Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn	TV độc lập HĐQT
08/2018 – 04/2023	Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP	TV độc lập HĐQT
06/2018 – 7/2018	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Cán bộ Ban Kinh tế Đầu tư
03/2013 – 05/2018	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Phó ban Đầu tư Phát triển
08/2011 - 02/2013	Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư PETEC	Phó Tổng Giám đốc
08/2008 - 07/2011	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Phó Ban Đầu tư phát triển
03/1997 - 07/2008	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (trước kia là Tổng công ty Dầu khí Việt Nam)	Chuyên viên Ban Kế hoạch



- Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu tại BSR:
 - + Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ
- Số cổ phần của những Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu BSR: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Tuân theo quy định tại Điều 163 Luật Doanh nghiệp 2020, được trả thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và được ghi nhận thành mục riêng tại Báo cáo tài chính.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

12.2 Sơ yếu lý lịch Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Hiện tại Ban Tổng Giám đốc Công ty gồm các thành viên sau:

Bảng 23: Danh sách Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Số CCCD
1	Bùi Ngọc Dương	Tổng Giám đốc	1975	036075000147
2	Nghiêm Đức Dương	Phó Tổng Giám đốc	1976	031076004096
3	Nguyễn Việt Thắng	Phó Tổng Giám đốc	1975	001075012555
4	Mai Tuấn Đạt	Phó Tổng Giám đốc	1976	030076013045
5	Trần Thái Bảo	Phó Tổng Giám đốc	1978	001078015156
6	Phạm Minh Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc	1980	051080002200
7	Bạch Đức Long	Kế toán trưởng	1976	020076000066

c. Ông Bùi Ngọc Dương – Tổng Giám đốc

Đã trình bày tại mục HĐQT.



d. Ông Nghiêm Đức Dương – Phó Tổng Giám đốc Công ty

- Họ và tên: **Nghiêm Đức Dương**
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1976
- Nơi sinh: Hải Phòng
- Số CCCD: 031076004096, Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư, ngày cấp: 26/12/2016
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản lý dự án, Kỹ sư Công trình thủy
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức niêm yết: Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
07/2018 - đến nay	Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn	Phó Tổng Giám đốc - Trưởng ban QLDA NCMR NMLD Dung Quất
05/2018 – 6/2018	Công ty TNHH MTV Lộc hóa dầu Bình Sơn	Phó Tổng Giám đốc - Trưởng ban QLDA NCMR NMLD Dung Quất
12/2014 - 04/2018	Ban QLDA Điện lực Dầu khí Sông Hậu 1;	Phó Trưởng Ban
02/2012 - 12/2014	Ban QLDA Điện lực Dầu khí Long Phú-Sông Hậu;	Phó Trưởng Ban
02/2010 - 02/2012	Ban QLDA Khí Điện Đạm Cà Mau	Phó Trưởng Ban



Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
03/2009 - 02/2010	Ban QLDA NMLD Dung Quất – Dự án Poly Propylene Dung Quất	Trưởng phòng Giám sát Xây lắp
12/2006 - 03/2009	Ban QLDA NMLD Dung Quất	Phó Trưởng phòng Giám sát Xây lắp
03/2003 - 12/2006	Ban QLDA NMLD Dung Quất	Kỹ sư Giám sát
11/2002 - 03/2003	Công ty LD NMLD Việt Nga	Kỹ sư Giám sát
01/2000 - 11/2002	Công ty LD Dầu khí MêKong	Kỹ sư giám sát thi công công trình Tổng kho xăng dầu Cần Thơ

- Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu tại BSR:
 - + Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ
- Số cổ phần của những Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu BSR: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Tuân theo quy định tại Điều 163 Luật Doanh nghiệp 2020, được trả thù lao, lương, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và được ghi nhận thành mục riêng tại Báo cáo tài chính.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

e. Ông Nguyễn Việt Thắng – Phó Tổng Giám đốc Công ty

- Họ và tên: **Nguyễn Việt Thắng**
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1975



- Nơi sinh: Hà Nội
- Số CCCD: 001075012555, Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Ngày cấp: 02/12/2022
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản lý Kinh tế, Kỹ sư Lọc hóa dầu
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức niêm yết: Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
05/2020 - nay	Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	Phó Tổng Giám đốc
8/2018 – 05/2020	Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP	Thành viên HĐQT
04/2018 - 07/2018	Tổng công ty Dầu Việt Nam – Công ty TNHH MTV	Thành viên HĐQT
10/2015 - 4/2018	Công ty TNHH MTV Lọc Hóa dầu Bình Sơn	Phó Tổng Giám đốc, kiêm Trưởng ban QLDA NCMR NMLD Dung Quất
11/2008 - 10/2015	Công ty TNHH MTV Lọc Hóa dầu Bình Sơn	Phó Tổng Giám đốc
12/2006 - 11/2008	Ban Quản lý dự án NMLD Dung Quất	Trưởng phòng Kỹ thuật tổng hợp
04/2006 - 11/2006	Ban Quản lý dự án NMLD Dung Quất	Phó phòng Kỹ thuật tổng hợp
12/2003 - 03/2006	Ban Quản lý dự án NMLD Dung Quất	Trợ lý Trưởng ban



Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
03/2003 - 12/2003	Ban Quản lý dự án NMLD Dung Quất	Phòng Thương mại
03/1999 - 03/2003	Công ty liên doanh Nhà máy lọc dầu Việt Nga	Cán bộ phòng Thương mại
10/1997 - 02/1999	Ban Quản lý dự án NMLD Dung Quất	Cán bộ phòng Kỹ thuật

- Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu tại BSR:
 - + Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 1.500 cổ phần chiếm 0,000048% vốn điều lệ
- Số cổ phần của những Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu BSR: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Tuân theo quy định tại Điều 163 Luật Doanh nghiệp 2020, được trả thù lao, lương, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và được ghi nhận thành mục riêng tại Báo cáo tài chính.
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không có

f. Ông Mai Tuấn Đạt – Phó Tổng Giám đốc Công ty

- Họ và tên: **Mai Tuấn Đạt**
- Năm sinh: 1976
- Nơi sinh: Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam



- Số CCCD: 030076013045, Ngày cấp: 15/05/2022 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kỹ thuật hóa học, Thạc sĩ QTKD Quốc tế, Kỹ sư Tự động hóa các XN công nghiệp
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức niêm yết: Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
10/2024 – đến nay	Công ty cổ phần Bao bì và Thương mại Dầu khí Bình Sơn	Chủ tịch Hội đồng quản trị
11/2023 - đến nay	Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	Phó Tổng Giám đốc
07/2022 – 11/2023	Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Nhà máy
6/2020 - 06/2022	Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	Giám đốc Nhà máy
03/2020 - 05/2020	Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	Giám đốc Nhà máy kiêm Phụ trách Ban Bảo dưỡng sửa chữa
10/2019 - 02/2020	Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	Giám đốc Nhà máy kiêm Trưởng Ban Kiểm tra thiết bị
07/2018 - 10/2019	Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	Phó Giám đốc Nhà máy kiêm Trưởng Ban Kiểm tra thiết bị
12/2017 - 06/2018	Công ty TNHH MTV Lọc Hóa dầu Bình Sơn	Phó Giám đốc NMLD Dung Quất kiêm nhiệm



		Trưởng ban Kiểm tra thiết bị
01/2017 - 12/2017	Công ty TNHH MTV Lộc Hóa dầu Bình Sơn	Trưởng Ban Vận hành sản xuất
03/2016 - 12/2016	Công ty TNHH MTV Lộc Hóa dầu Bình Sơn	Trưởng phòng Sản xuất
03/2011 - 02/2016	Công ty TNHH MTV Lộc Hóa dầu Bình Sơn	Trưởng phòng Bảo dưỡng sửa chữa, kiêm nhiệm Phó phòng Kỹ thuật tổng hợp Ban QLDA NMLD Dung Quất
12/2010 - 02/2011	Công ty TNHH MTV Lộc Hóa dầu Bình Sơn	Trưởng phòng Bảo dưỡng sửa chữa
03/2010 - 12/2010	Công ty TNHH MTV Lộc Hóa dầu Bình Sơn	Phó Trưởng phòng phụ trách Phòng Bảo dưỡng sửa chữa
05/2009 - 03/2010	Công ty TNHH MTV Lộc Hóa dầu Bình Sơn	Phó Trưởng phòng Bảo dưỡng sửa chữa
03/2003 - 04/2009	Ban QLDA NMLD Dung Quất	Kỹ sư Tự động hóa, Phòng Bảo dưỡng sửa chữa
01/2000 - 02/2003	Công ty Liên doanh NMLD Việt Nga	Kỹ sư Tự động hóa, Phòng Tự động hóa sản xuất

Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu tại BSR :

- + Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ
- + Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 1.400 cổ phần chiếm 0,000045% vốn điều lệ
- Số cổ phần của những Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu BSR: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có



- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Tuân theo quy định tại Điều 163 Luật Doanh nghiệp 2020, được trả thù lao, lương, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và được ghi nhận thành mục riêng tại Báo cáo tài chính.
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết Không có.

g. Ông Trần Thái Bảo – Phó Tổng Giám đốc Công ty

- Họ và tên: **Trần Thái Bảo**
- Năm sinh: 1978
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CCCD: 001078015156 cấp ngày: 14/04/2023, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Kỹ sư Lộc hóa dầu
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức niêm yết: Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Người đại diện phần vốn của BSR tại BSR-BF kiêm nhiệm Chủ tịch HĐQT BSR-BF
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
11/2023 - đến nay	Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn	Phó Tổng Giám đốc kiêm Người phụ trách quản trị Công ty, Người đại diện phần vốn của BSR tại BSR-BF kiêm nhiệm Chủ tịch HĐQT BSR-BF



Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
08/2023 - 11/2023	Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn	Phó Tổng Giám đốc kiêm Người phụ trách quản trị Công ty, Chánh Văn phòng HĐQT, Người đại diện phần vốn của BSR tại BSR-BF kiêm nhiệm Chủ tịch HĐQT BSR-BF
06/2023 - 07/2023	Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn	Người phụ trách quản trị Công ty, Chánh Văn phòng HĐQT, Người đại diện phần vốn của BSR tại BSR-BF kiêm nhiệm Chủ tịch HĐQT BSR-BF
02/2019 - 06/2023	Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn	Người phụ trách quản trị Công ty, Chánh Văn phòng HĐQT, Trợ lý Chủ tịch HĐQT
07/2018 – 02/2019	Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn	Phó Trưởng ban, Chi nhánh Ban QLDA NCMR NMLD Dung Quất
02/2015 – 06/2018	Công ty TNHH MTV Lộc hóa dầu Bình Sơn	Phó Trưởng ban, Chi nhánh Ban QLDA NCMR NMLD Dung Quất
07/2009 - 02/2015	Công ty TNHH MTV Lộc hóa dầu Bình Sơn	Trưởng phòng Kinh tế kế hoạch
12/2008 - 07/2009	Ban QLDA NMLD Dung Quất	Trưởng phòng Kỹ thuật tổng hợp
08/2008 - 12/2008	Ban QLDA NMLD Dung Quất	Phó Trưởng phòng Kỹ thuật tổng hợp
03/2003 - 08/2008	Ban QLDA NMLD Dung Quất	Chuyên viên, Phòng Giám sát Công nghệ



Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
08/2000 - 02/2003	Công ty Liên doanh Nhà máy lọc dầu Việt Nga (Vietross)	Kỹ sư, Phòng Kỹ thuật công nghệ

- Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu tại BSR:
 - + Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ
- Số cổ phần của những Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu BSR: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác:

Tuân theo quy định tại Điều 163 Luật Doanh nghiệp 2020, được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và được ghi nhận thành mục riêng tại Báo cáo tài chính.
- Lợi ích liên quan đến tổ chức niêm yết: Không có

h. Ông Phạm Minh Nghĩa - Phó Tổng Giám đốc Công ty

- Họ và tên: **Phạm Minh Nghĩa**
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1980
- Nơi sinh: Quảng Ngãi
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CCCD: 051080002200, ngày cấp 13/4/2021, tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản lý Kinh tế, Kỹ sư Lọc hóa dầu, Cử nhân quản trị kinh doanh



- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức niêm yết: Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
08/2023 - nay	Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	Phó Tổng Giám đốc
07/2022 - 08/2023	Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng Ban Quản trị và phát triển nguồn nhân lực
03/2019 - 06/2022	Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	Trưởng Ban Quản trị và phát triển nguồn nhân lực
07/2018 – 03/2019	Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	Trưởng Ban Pháp chế - Quản trị rủi ro
01/2017 - 06/2018	Công ty TNHH MTV Lọc Hóa dầu Bình Sơn	Trưởng Ban Pháp chế - Quản trị rủi ro
01/2014 - 01/2017	Công ty TNHH MTV Lọc Hóa dầu Bình Sơn	Trưởng phòng Pháp chế
06/2013 - 01/2014	Công ty TNHH MTV Lọc Hóa dầu Bình Sơn	Phó Trưởng phòng phụ trách Phòng Pháp chế
09/2009 - 06/2013	Công ty TNHH MTV Lọc Hóa dầu Bình Sơn	Phó Chánh văn phòng, Thư ký HĐQT
08/2008 - 08/2009	Công ty TNHH một thành viên Lọc Hóa dầu Bình Sơn	Thư ký Chủ tịch HĐQT
05/2006 - 07/2008	Ban QLDA NMLD Dung Quất	Thư ký Phó Trưởng ban, Chuyên viên Phòng Giám sát xây lắp



Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
06/2005 - 04/2006	Ban QLDA NMLD Dung Quất	Thư ký Phó Trưởng ban, Chuyên viên Phòng Kỹ thuật công nghệ
10/2004 - 05/2005	Ban QLDA NMLD Dung Quất	Chuyên viên Phòng Chuẩn bị nhân lực
04/2003 - 09/2004	Ban QLDA NMLD Dung Quất	Chuyên viên Phòng Giám sát công trình chung

- Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu tại BSR:
 - + Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 1.000 cổ phần chiếm 0,000032% vốn điều lệ
- Số cổ phần của những Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu BSR:

Họ và tên	Mối quan hệ	Số CCCD	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
Trần Thị Nga	Vợ	040180002087	14/04/2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	5.000	0,00016%

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Tuân theo quy định tại Điều 163 Luật Doanh nghiệp 2020, được trả thù lao, lương, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông



Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
08/2010 - 05/2016	Công ty Bảo hiểm PVI phía Nam	Kế toán trưởng
05/2009 - 08/2010	Công ty Bảo hiểm Dầu khí Sài Gòn	Kế toán trưởng
11/2008 - 04/2009	Tổng Công ty tài chính cổ phần Dầu Khí Việt Nam (PVFC) Sài Gòn	Chuyên viên đầu tư
01/2008 - 08/2008	TT Nghiên cứu và Phát triển An toàn Môi trường Dầu Khí	Phụ trách tài chính kế toán
10/2006 - 01/2008	Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển An toàn Môi trường Dầu Khí	Phó trưởng phòng Tài chính kế toán
02/2000 - 10/2006	Trung tâm nghiên cứu và phát triển An toàn & Môi trường Dầu Khí	Chuyên viên phòng Tài chính kế toán
01/1999 - 01/2000	Công ty TNHH Tự động chuyên về thang máy và điện kỹ nghệ, Công ty Xuất nhập khẩu và Đầu tư Imexin	Kế toán

- Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu tại BSR:
 - + Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ
- Số cổ phần của những Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu BSR: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo quy định Công ty và được ghi nhận thành mục riêng tại Báo cáo tài chính
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không có.



12.3 Sơ yếu lý lịch Ban Kiểm soát

Bảng 24: Danh sách thành viên Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Số CMND
1	Hoàng Đình Nhật	Trưởng ban kiểm soát	1980	040080011783
2	Hoàng Ngọc Xuân	Thành viên BKS	1982	001082048241
3	Vũ Lan Phương	Thành viên BKS	1980	001180015652

a. Ông Hoàng Đình Nhật – Trưởng BKS

- Họ và tên: **Hoàng Đình Nhật**
- Năm sinh: 1980
- Nơi sinh: Nghệ An
- Quốc tịch: Việt Nam
- CCCD số: 040080011783, Ngày cấp: 28/06/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản lý kinh tế, Kỹ sư Công nghệ Hữu cơ hóa dầu
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức niêm yết: Trưởng Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
04/2022 - đến nay	Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn	Trưởng Ban kiểm soát
08/2020 - 04/2022	Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn	Trưởng ban, Ban Kiểm soát nội bộ



Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
03/2019 - 08/2020	Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	Phó Trưởng ban Phụ trách
08/2018 - 03/2019	Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	Phó Trưởng Ban
08/2017 - 08/2018	Chi nhánh Ban QLDA NCMR NMLD Dung Quất - Công ty Lọc hóa dầu Bình Sơn	Phó Trưởng phòng
01/2017 - 08/2017	Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	Phó Trưởng Ban
03/2016 - 01/2017	Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	Phó Trưởng phòng
12/2012 - 03/2016	Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	Phó Trưởng phòng
07/2009 - 12/2012	Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	Trưởng bộ phận
11/2007 - 07/2009	Ban QLDA NMLD Dung Quất (DQR)	Kỹ sư

- Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu tại BSR:
 - + Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ
- Số cổ phần của những Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu BSR: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Tuân theo quy định tại Điều 172 Luật Doanh nghiệp 2020, được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ



đồng và được ghi nhận thành mục riêng tại Báo cáo tài chính.

- Lợi ích liên quan đến tổ chức niêm yết: Không có

b. Ông Hoàng Ngọc Xuân – Thành viên BKS

- Họ và tên: **Hoàng Ngọc Xuân**
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1982
- Nơi sinh: Hà Nội
- Số CCCD: 001082048241 cấp ngày 04/07/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính – Ngân hàng, Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức niêm yết: Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
07/2018 - đến nay	Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn	Thành viên Ban Kiểm soát
Tháng 06/2018	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Chuyên viên Ban Tài chính - Kế toán
06/2016 - 05/2018	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Chuyên viên Phòng Quản lý phân tích tài chính, Ban Tài Chính
05/2013 - 05/2016	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Thư ký Phó TGD, Chuyên viên Phòng Tài chính dự án,



Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
		Quản lý nợ và Quản lý rủi ro, Ban Tài chính và kiểm toán,
04/2012 - 04/2013	Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí	Trưởng phòng Giao dịch 02
10/2011 - 03/2012	Chi nhánh Thanh Hóa - Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí	Giám đốc
12/2010 - 10/2011	Chi nhánh Thanh Hóa - Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí	Phó Giám đốc Phụ trách
12/2009 - 12/2010	Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí - CN Đà Nẵng	Trưởng phòng, Giám đốc Chi nhánh
10/2009 - 12/2009	Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí	Chuyên viên Ban Kinh doanh và dịch vụ chứng khoán

- Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu tại BSR:
 - + Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ
- Số cổ phần của những Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu BSR: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Tuân theo quy định tại Điều 172 Luật Doanh nghiệp 2020, được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và được ghi nhận thành mục riêng tại Báo cáo tài chính.
- Lợi ích liên quan đến tổ chức niêm yết: Không có



c. Bà Vũ Lan Phương – Thành viên BKS

- Họ và tên: **Vũ Lan Phương**
- Năm sinh: 1980
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- CCCD số: 001180015652, Ngày cấp 21/10/2020, Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính quốc tế, Cử nhân Tài chính tín dụng
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức niêm yết: Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chuyên viên chính, Phòng Tổ chức - Nhân sự, Ban Tổ chức và Quản trị Nguồn Nhân lực PVN
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
04/2022 - đến nay	Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam, Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn	Chuyên viên chính, Phòng Tổ chức - Nhân sự, Ban Tổ chức và Quản trị Nguồn Nhân lực PVN kiêm nhiệm Thành viên Ban kiểm soát BSR
10/2021 - 04/2022	Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam	Chuyên viên chính, Phòng Tổ chức - Nhân sự, Ban Tổ chức và Quản trị Nguồn Nhân lực
12/2018 - 10/2021	Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam	Chuyên viên chính, Phòng Tài chính dự án và Thu xếp vốn, Ban Tài chính Kế toán
06/2018 - 12/2018	Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam	Trưởng phòng Ban Tài chính Kế toán



Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
06/2016 - 05/2018	Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam	Trưởng phòng Phòng Quản lý vốn, Ban Tài chính
06/2006 - 05/2016	Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam	Trưởng phòng, Phòng Tài chính dự án, Quản lý nợ và Quản lý rủi ro, Ban Kế toán và Kiểm toán
01/2004 - 31/5/2006	Công ty Tài chính Dầu khí	Chuyên viên, Phòng Quản lý dòng tiền
09/2001 - 5/2006	Công ty Tài chính công Dầu khí	Chuyên viên, Phòng dịch vụ ủy thác

- Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu tại BSR:
 - + Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ
- Số cổ phần của những Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu BSR: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Tuân theo quy định tại Điều 172 Luật Doanh nghiệp 2020, được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và được ghi nhận thành mục riêng tại Báo cáo tài chính.
- Lợi ích liên quan đến tổ chức niêm yết: Không có



13. Tài sản thuộc sở hữu Công ty

Bảng 25 : Tình hình tài sản cố định hữu hình của Công ty mẹ

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Tên tài sản	31/12/2022		31/12/2023		30/09/2024	
	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
Nhà cửa, vật kiến trúc	6.415	3.090	6.418	2.897	6.420	2.753
Máy móc và thiết bị	38.415	13.469	38.516	11.700	38.663	10.442
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	167	42	174	46	179	46
Thiết bị văn phòng	568	81	584	63	599	60
Khác	1	-	1	0	1	0
Tổng cộng	45.567	16.683	45.693	14.706	45.863	13.301

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2022, 2023, BCTC Quý 3 năm 2024 của BSR

Bảng 26 : Tình hình tài sản cố định hữu hình hợp nhất của Công ty

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Tên tài sản	31/12/2022		31/12/2023		30/09/2024	
	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
Nhà cửa, vật kiến trúc	6.950	3.414	6.952	3.199	6.506	2.783
Máy móc và thiết bị	39.425	14.076	39.523	12.265	38.737	10.446
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	201	52	211	55	209	53
Thiết bị văn phòng	569	82	585	63	600	61
Khác	407	261	407	245	1	0
Tổng cộng	47.551	17.885	47.678	15.827	46.053	13.343

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023, BCTC hợp nhất quý 3 năm 2024 của BSR



Bảng 27: Danh mục hạng mục xây dựng cơ bản hợp nhất của Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chi tiết	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
Dự án nâng cấp mở rộng Nhà máy Lộc dầu Dung Quất	1.125.719	1.150.516	1.173.729
Dự án nâng cấp hệ thống ICS	-	-	164.894
Triển khai hệ thống ERP giai đoạn 1	101.418	-	-
Các công trình khác	47.414	44.691	98.195
Tổng cộng	1.274.551	1.195.207	1.436.819

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023, BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2024 của BSR

Đối với Dự án ICS: Công ty đã trình bày trên Thuyết minh số 14 - Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khoản chi phí dự án dự án nâng cấp hệ thống ICS với số tiền tại ngày 30 tháng 9 năm 2024 là 164.894.228.358 VND.

- Trong năm 2024, Công ty thực hiện đầu tư dự án nâng cấp hệ thống điều khiển ICS (Instrument and Control System - hệ thống thông tin nhằm kiểm soát và hỗ trợ tất cả các loại quy trình công nghiệp trong nhà máy như: điều khiển các hệ thống sản xuất và tự động hóa các quy trình).
- Tại ngày 30 tháng 9 năm 2024, dự án đã hoàn thành 2/4 mốc công việc chính, tương đương 75% khối lượng công việc. Số dư tại ngày 30/9/2024 phản ánh giá trị các gói thầu dịch vụ nâng cấp, mua sắm thiết bị thay thế cho hệ thống đã hoàn thành.
- Đến thời điểm hiện nay, dự án này đã hoàn thành khoảng 95% khối lượng và đang thực hiện thủ tục nghiệm thu, thanh toán.

(Trang này được cố ý để trống).



14. Kế hoạch kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo

14.1 Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2024 - 2025

Bảng 28: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2024 và 2025

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Công ty mẹ					
	Năm 2024		Thực hiện 9 tháng đầu năm 2024		Năm 2025	
	Kế hoạch	% Tăng/giảm so với năm 2023	Thực hiện 9 tháng đầu năm 2024	% thực hiện so với kế hoạch	Kế hoạch	% Tăng/giảm so với năm 2024
Doanh thu thuần	94.072,21	-36,17%	87.034,44	92,52%	106.797,44	13,53%
LNST	1.278,80	-85,39%	404,38	31,62%	736,45	-42,41%
Vốn chủ sở hữu	56.302,60	-2,40%	55.579,11	98,71%	57.316,33	1,80%
Tỷ lệ LNST/Doanh thu thuần	1,36%	-77,12%	0,46%	34,16%	0,69%	-49,27%
Tỷ lệ LNST/VCSH	2,30%	-84,84%	0,73%	31,63%	1,28%	-44,14%
Cổ tức/vốn điều lệ	3%	-57,14%	NA	NA	NA	NA

Chỉ tiêu	Hợp nhất					
	Năm 2024		Thực hiện 9 tháng đầu năm 2024		Năm 2025	
	Kế hoạch	% Tăng/giảm so với năm 2023	Thực hiện 9 tháng đầu năm 2024	% thực hiện so với kế hoạch	Kế hoạch	% Tăng/giảm so với năm 2024
Doanh thu thuần	94.266,75	-36,06%	89.100,73	94,52%	107.003,74	13,51%
LNST	1.148,20	-86,64%	674,47	58,74%	751,55	-34,55%
Vốn chủ sở hữu	57.188,59	-0,14%	55.623,38	97,26%	58.562,48	2,40%
Tỷ lệ LNST/Doanh thu thuần	1,22%	-79,10%	0,76%	62,05%	0,70%	-42,34%
Tỷ lệ LNST/VCSH	2,01%	-86,62%	1,21%	60,33%	1,28%	-36,08%

Nguồn: BSR



Ghi chú:

- Kế hoạch năm 2024 đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 thông qua ngày 23/05/2024.
- Kế hoạch năm 2025: Số liệu kế hoạch kinh doanh năm 2025 được Ban Tổng Giám đốc xây dựng với giả định kịch bản giá dầu thô ở mức 65 USD/thùng.

14.2 Căn cứ để đạt được kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức nêu trên

14.2.1 Cơ sở xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh

Với đặc thù là doanh nghiệp có nhiệm vụ góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia, Nhà máy lọc dầu Dung Quất luôn phải hoạt động để cung cấp xăng dầu cho thị trường trong nước kể cả trong trường hợp chênh lệch giữa giá sản phẩm và giá dầu thô giảm gây ảnh hưởng tới lợi nhuận của Công ty.

- **Kế hoạch kinh doanh năm 2024** được xây dựng dựa theo kịch bản giá dầu thô ở mức 70 USD/thùng và nhà máy dừng vận hành 50 ngày để thực hiện BDTT lần 5. Do đó, các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2024 đã được điều chỉnh giảm tương ứng để phù hợp với kế hoạch bảo dưỡng tổng thể Nhà máy. Theo Báo cáo tài chính công ty mẹ 9 tháng đầu năm 2024, BSR đã đạt 91,54% kế hoạch doanh thu và 31,62% kế hoạch lợi nhuận sau thuế do ĐHĐCĐ thường niên 2024 thông qua. Trong năm 2024, BSR dự kiến sẽ hoàn thành các chỉ tiêu về sản lượng, doanh thu, nộp NSNN theo kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Tuy nhiên do bị tác động kép của giá dầu và crack cùng giảm sâu trong nửa cuối năm 2024 nên dự kiến lợi nhuận không đạt kế hoạch. Các yếu tố chính ảnh hưởng đến hiệu quả SXKD của Công ty cụ thể như sau:

+ **Sản lượng**

- Sản lượng tiêu thụ ước thực hiện năm 2024 là 6,46 triệu tấn, đạt 114% kế hoạch năm, góp phần tăng doanh thu và tăng lợi nhuận.
- Trong năm 2024, Nhà máy dự kiến vận hành ở công suất tương đương khoảng 110%, sản lượng sản xuất cả năm khoảng 6,58 triệu tấn, lần lượt đạt 115% Kế hoạch SXKD và 110% Kế hoạch quản trị.

+ **Giá dầu thô, sản phẩm**

- Trong 6 tháng đầu năm 2024, đặc biệt là trong Quý I/2024, nhận định thị trường dầu mỏ đang thuận lợi cho hoạt động lọc dầu nên BSR đã vận hành Nhà máy ở công suất cao, cơ cấu sản phẩm tối ưu, phù hợp với nhu cầu thị trường. Công suất quy đổi trung bình trong Quý I/2024 gần 115%, và tuy chỉ hoạt động đến ngày 15/3 rồi tạm ngừng hoạt động để thực hiện TA5 nhưng lợi nhuận sau thuế là 1.195 tỷ đồng, đạt 93% kế



hoạch SXKD năm 2024. Trong 6 tháng đầu năm, mặc dù Nhà máy thực hiện TA5 nhưng khối lượng sản xuất/ tiêu thụ đạt 50%/ 48% kế hoạch năm, và đặc biệt lợi nhuận sau thuế là 1.608 tỷ đồng, đạt 126% kế hoạch năm.

- Trong 6 tháng cuối năm, đặc biệt là Quý III/2024, do lo ngại suy thoái kinh tế và nhu cầu yếu từ Trung Quốc nên giá dầu biến động mạnh theo xu hướng giảm, crack spread giảm rất sâu. Trên thị trường dầu mỏ thế giới, crack của xăng Mogas 95/92 so với dầu Dtd Brent thấp nhất kể từ năm 2020, crack của Jet A1 và DO 0,05%S thấp nhất kể từ năm 2021 đến nay. Từ tháng 8/2024 đến tháng 11/2024 crack của xăng Mogas 92 so với giá dầu thô BSR liên tục âm (<0), còn crack của Mogas 95, Jet A1 và DO 0,05%S đều bị thu hẹp rất nhiều so với kế hoạch.
- Hầu hết các tập đoàn/ công ty dầu khí trên thế giới đều ghi nhận kết quả kinh doanh sụt giảm nghiêm trọng, nhất là trong lĩnh vực lọc dầu.
- Để ứng phó với biến động của thị trường dầu mỏ, BSR đã duy trì và đảm bảo Nhà máy vận hành an toàn, ổn định và liên tục ở công suất tối ưu. Đồng thời, Công ty chủ động điều chỉnh cơ cấu sản phẩm, hướng đến sản xuất tối đa sản phẩm có hiệu quả cao và công suất phù hợp với diễn biến thị trường. Các biện pháp tiết kiệm chi phí, tối ưu hóa năng lượng, và cải tiến kỹ thuật đã được thực hiện thường xuyên, giúp kiểm soát hiệu quả chi phí sản xuất kinh doanh (không bao gồm dầu thô) ở mức thấp hơn kế hoạch đề ra. Tuy nhiên, vì các nguyên nhân khách quan do tác động tiêu cực từ thị trường dầu mỏ toàn cầu trong 6 tháng cuối năm nên chỉ tiêu lợi nhuận không đạt kế hoạch.
- **Đối với kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025:** BSR sẽ căn cứ tình hình kinh tế xã hội và diễn biến của giá dầu thô trong thời gian tới để xây dựng và trình ĐHQĐ thường niên 2025 thông qua.

14.2.2 Nhóm giải pháp thực hiện kế hoạch

Với mục tiêu, kế hoạch và quan điểm nêu trên, Hội đồng quản trị yêu cầu Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Ban Giám đốc Nhà máy, Người phụ trách quản trị Công ty, Chánh Văn phòng, Trưởng các Ban chức năng/Chi nhánh trực thuộc Công ty và Người đại diện của BSR tại các công ty con tập trung tổ chức thực hiện đồng bộ các giải pháp trên tất cả các lĩnh vực, trong đó tập trung chỉ đạo, điều hành tổ chức thực hiện có hiệu quả những nhiệm vụ, giải pháp sau:

14.2.2.1 Giải pháp về văn hóa doanh nghiệp

- Chú trọng triển khai Đề án xây dựng và phát triển văn hóa doanh nghiệp BSR gắn liền với Hệ giá trị cốt lõi của Petrovietnam, tập trung triển khai phổ biến, tuyên truyền Sổ tay văn hóa, hệ giá trị cốt lõi của BSR đến toàn thể CBCNV.



- Thúc đẩy động lực văn hóa trên tinh thần “Một đội ngũ, một mục tiêu” để chuẩn hóa và nâng tầm văn hóa BSR, đó là: văn hóa về sự tuân thủ pháp luật, văn hóa về sự đoàn kết, văn hóa về sự phối hợp, kết hợp giữa các đơn vị/tập thể trong hệ sinh thái, văn hóa về sự tăng trưởng,... làm nền tảng thống nhất nhận thức vai trò của văn hóa doanh nghiệp đến từng người lao động Dầu khí.
- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị và cơ sở dữ liệu đào tạo để nâng cao hiệu quả đào tạo, đảm bảo năng lực cho từng vị trí chức danh, chú trọng đào tạo chuyên sâu, đào tạo quản lý và thực hiện đào tạo theo kế hoạch đã được phê duyệt và định hướng phát triển chiến lược của Công ty.
- Hoàn thiện và vận hành hiệu quả hệ thống quản trị tài năng nhằm gìn giữ và phát triển đội ngũ nhân lực chất lượng cao, nhân sự tiềm năng, đặc biệt đối với Khối trực tiếp sản xuất.

14.2.2.2 Nhóm giải pháp về quản trị

- Triển khai các phương thức quản trị mới: quản trị biến động, quản trị chuỗi giá trị, quản trị hệ sinh thái trong và ngoài BSR dựa trên nền tảng số. Tiếp tục xây dựng và phát huy tối đa hiệu quả của chuỗi giá trị liên kết giữa các đơn vị trong và ngoài Tập đoàn.
- Tập trung nguồn lực tổ chức đảm bảo chất lượng, tiến độ từng nhiệm vụ cụ thể trong Đề án/ Kế hoạch cơ cấu lại Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn đến năm 2025 đã được phê duyệt tại Nghị quyết số 5504/NQ-BSR ngày 05/9/2023. Tập trung công tác đào tạo, phát triển cán bộ của BSR, đảm bảo đủ nguồn lực cho sự phát triển của BSR ở mọi giai đoạn. Tiếp tục hoàn thiện các cơ chế, chính sách lương, thưởng tốt nhất cho CBCNV, Người lao động BSR phù hợp với quy định hiện hành.
- Quán triệt phương châm “làm mới động lực cũ, bổ sung động lực mới” để sẵn sàng chuyển dịch mô hình kinh doanh phù hợp với xu thế chuyển đổi, phát triển năng lực toàn cầu hiện đại. Tận dụng tối đa công tác đối ngoại, phát triển sản phẩm mới, đẩy mạnh triển khai công tác marketing, phát triển thị trường, đặc biệt quảng bá các sản phẩm mới gắn với thương hiệu BSR.
- Tiếp tục nâng cao công tác quản trị biến động, thường xuyên theo dõi, phân tích dự báo giá dầu mỏ, căng thẳng địa chính trị, triển vọng kinh tế thế giới, cung/cầu thị trường trong và ngoài nước để xây dựng/ cập nhật các kịch bản SXKD và có các giải pháp thích ứng, linh hoạt nhằm kiểm soát hiệu quả các rủi ro và nâng cao hiệu quả SXKD.
- Thường xuyên rà soát, phân tích và nghiên cứu các giải pháp để tiếp tục tối ưu chi phí SXKD nhằm góp phần nâng cao hiệu quả SXKD.



- Kiên quyết chấn chỉnh, nâng cao ý thức trách nhiệm cá nhân, phân cấp, phân quyền rõ ràng đi đôi với chế tài xử lý trách nhiệm. Nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của Bộ máy điều hành, nâng cao ý thức trách nhiệm về việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong toàn Công ty. Xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại các Ban chức năng/Văn phòng, Chi nhánh và các Công ty con. Kiên quyết xử lý nghiêm các hành vi gây ra thất thoát, lãng phí, làm cơ sở đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của các tập thể và các cá nhân trong Công ty.
- Tích cực triển khai, ứng dụng giải pháp quản trị nguồn lực doanh nghiệp (ERP) và đẩy mạnh công tác chuyển đổi số nhằm thúc đẩy các định hướng của BSR theo chiến lược phát triển Công ty. Quản trị rủi ro, mô hình sản xuất/nhà máy thông minh và đảm bảo hiệu quả các nghiệp vụ cốt lõi của doanh nghiệp, cải tiến, biến đổi hoạt động của doanh nghiệp bằng cách tạo ra các quy trình kinh doanh mới, trải nghiệm khách hàng, văn hóa số và văn hóa Công ty.
- Không ngừng củng cố/hoàn thiện hệ thống quy chế, quy trình quản trị rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao nhận thức về rủi ro, sớm nhận diện, đánh giá và có giải pháp chủ động để kiểm soát các rủi ro nhằm đạt được các mục tiêu, kế hoạch năm 2024.
- Sớm cập nhật Chiến lược phát triển BSR đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 của BSR theo chỉ đạo của Tập đoàn để trình Tập đoàn xem xét, phê duyệt. Chủ động xây dựng lộ trình/giải pháp và tổ chức thực hiện nhiệm vụ/kế hoạch trong Chiến lược phát triển.
- Tiếp tục rà soát, cập nhật, bổ sung và ban hành sửa đổi/bổ sung các Quy chế, Quy trình đảm bảo tuân thủ pháp luật, tinh gọn, hiệu quả và phù hợp với kế hoạch/lộ trình Chuyển đổi số và Chiến lược phát triển Công ty.
- Tiếp tục đôn đốc Người đại diện của BSR tại BSR-BF chỉ đạo BSR-BF hoàn thiện các thủ tục phá sản đối với BSR-BF theo chủ trương chỉ đạo của Tập đoàn tại Nghị quyết số 6863/NQ-DKVN ngày 25/11/2022 và Nghị quyết số 01/NQ-BSR ngày 08/02/2023 của Hội đồng quản trị BSR.
- Chỉ đạo Người đại diện phần vốn của BSR tại PVBuilding sớm hoàn thiện Chiến lược phát triển PVBuilding đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 phù hợp với Chiến lược phát triển của BSR để trình BSR thông qua và ĐHĐCĐ phê duyệt làm cơ sở triển khai.
- Tiếp tục nghiên cứu và chuẩn bị các thủ tục để cơ cấu lại PMS, PVOS theo Đề án được duyệt trong thời gian sớm nhất, khi điều kiện cho phép, phù hợp với quy định.



- Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các Ban chuyên môn của Tập đoàn để giải trình cấp có thẩm quyền (UBQLVNN) nhằm sớm đạt được phê duyệt quyết toán cổ phần hóa BSR.
- Đẩy mạnh triển khai công tác chuỗi liên kết giá trị, liên kết các nguồn lực, phát triển hệ sinh thái BSR để tăng khả năng ứng phó với tác động tiêu cực từ bên ngoài, biến thách thức thành cơ hội, nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty.

14.2.2.3 Nhóm giải pháp về tài chính

- Bám sát diễn biến thị trường tài chính, biến động lãi suất, tỷ giá, lạm phát, các chính sách tài chính của Nhà nước... để duy trì cơ cấu tài chính lành mạnh, ổn định thực hiện tốt các mục tiêu kế hoạch tài chính đề ra.
- Tăng cường quản trị dòng tiền, vốn bằng tiền đảm bảo an toàn và hiệu quả sử dụng vốn, đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động SXKD. Thường xuyên cập nhật tình hình cân đối dòng tiền, nguồn vốn trong trung hạn và dài hạn để đưa ra các dự báo, biện pháp ứng phó kịp thời nhằm đảm bảo hoạt động SXKD liên tục, thông suốt.
- Quản lý chặt chẽ các khoản phải thu, thúc đẩy công tác thanh toán nợ, chủ động áp dụng, tích cực tìm kiếm các biện pháp phù hợp, hiệu quả để khẩn trương thu hồi các khoản công nợ đến hạn. Xác định nguyên nhân khoản nợ quá hạn, nợ tồn đọng lâu ngày (nếu có), nợ không có khả năng thu hồi và có biện pháp xử lý.
- Tăng cường kỷ cương, kỷ luật tài chính của Công ty và các công ty con thông qua việc tiếp tục rà soát, hoàn thiện cơ chế giám sát tài chính, kiểm toán nội bộ để thực hiện kiểm tra, giám sát việc sử dụng các nguồn lực tài chính của Công ty và các công ty con đúng mục đích và có hiệu quả. Rà soát, có các giải pháp phù hợp để đẩy mạnh công tác tiết kiệm/ giảm chi phí, nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD.
- Chú trọng kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện triệt để các kết luận kiểm tra, thanh tra của cấp có thẩm quyền cũng như của Tập đoàn.
- Rà soát các nghĩa vụ tài chính dự kiến sẽ phát sinh đối với BSR trong quá trình thực hiện các dự án, thỏa thuận cam kết để có kế hoạch chủ động về phương án xử lý nguồn tài chính, bảo đảm an toàn tài chính doanh nghiệp.
- Thực hiện huy động vốn, vay vốn trong và ngoài nước theo quy định, bảo đảm nhu cầu vốn cho đầu tư phát triển.
- Quản trị các khoản đầu tư đảm bảo phù hợp với chiến lược phát triển Công ty, nhận diện được các cơ hội, rủi ro và có các giải pháp kịp thời để nâng cao hiệu quả đầu tư.
- Xây dựng lộ trình và thực hiện áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) theo quy định và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

14.2.2.4 Nhóm giải pháp về đầu tư



- Đẩy mạnh công tác đầu tư, song song củng cố/hoàn thiện hệ thống quản trị danh mục đầu tư, đẩy nhanh các thủ tục đầu tư và tăng cường phân cấp/phân quyền trong công tác đầu tư. Chủ động, kịp thời xử lý các tồn tại/vướng mắc bảo đảm tiến độ, hiệu quả các Dự án Đầu tư xây dựng, đặc biệt là Dự án NCMR NMLD Dung Quất (Dự án điều chỉnh). Nghiên cứu các dự án mới để tạo ra các sản phẩm mới phù hợp với xu thế chuyển dịch năng lượng góp phần nâng cao chuỗi giá trị dầu khí và tạo đà cho tăng trưởng bền vững của BSR nói riêng, PVN nói chung. Khẩn trương, chủ động tổ chức công tác chuẩn bị đầu tư nhanh và hiệu quả.
- Thực hiện thành công, hiệu quả Dự án NCMR NMLD Dung Quất thông qua việc kiểm soát tiến độ, ngân sách, chất lượng, kiểm soát rủi ro, phát sinh, v.v...
- Hoàn thành phương án sơ bộ cho Tổ hợp lọc hóa dầu Long Sơn để báo cáo cấp thẩm quyền xem xét, chỉ đạo.
- Phối hợp với Bộ Công Thương, các Sở/Ban/Ngành tỉnh Quảng Ngãi và PVN để lập Đề án thành lập Trung tâm lọc hóa dầu và năng lượng quốc gia tại Khu kinh tế Dung Quất tỉnh Quảng Ngãi làm cơ sở trình cấp thẩm quyền xem xét, phê duyệt (dự kiến hoàn thành trong năm 2024).
- Đa dạng hóa các hình thức đầu tư, tìm kiếm cơ hội hợp tác với các đối tác có kinh nghiệm, có thế mạnh về kỹ thuật, công nghệ, có tiềm lực tài chính, quản trị doanh nghiệp tốt,... để thực hiện các mục tiêu chiến lược phát triển.

14.2.2.5 Nhóm giải pháp về thị trường

- Thường xuyên theo dõi, phân tích dự báo giá dầu mỏ, cung/cầu thị trường trong nước để xây dựng các kịch bản kinh doanh và có các giải pháp ứng phó phù hợp nhằm kiểm soát hiệu quả các rủi ro (nếu có) và nâng cao hiệu quả SXKD.
- Điều hành linh hoạt trong công tác tiêu thụ sản phẩm, bám sát diễn biến thị trường, khối lượng hàng tồn kho và tiến độ nhận hàng của khách hàng để ứng phó kịp thời khi thị trường phát sinh tình huống bất lợi.
- Đa dạng hóa nguồn nguyên liệu, tối đa tiêu thụ dầu thô, nguyên liệu trung gian trong nước để tăng lợi ích của chuỗi liên kết trong ngành.
- Nghiên cứu và ứng dụng chuyển đổi số trong kinh doanh.
- Tiếp tục tìm kiếm các đối tác cung cấp dầu thô và tiêu thụ sản phẩm để không ngừng mở rộng mạng lưới và có quan hệ tốt với các nhà cung cấp và khách hàng tiềm năng, giúp BSR ổn định nguồn cung dầu thô và đầu ra sản phẩm.
- Nghiên cứu xem xét cơ hội hợp tác với các đối tác có năng lực để có giải pháp phù hợp nhằm làm tốt và phát triển thị trường sản phẩm hóa dầu.



- Đẩy mạnh triển khai công tác marketing, phát triển thị trường, đặc biệt quảng bá các sản phẩm mới gắn với thương hiệu BSR.

14.2.2.6 Nhóm giải pháp về cơ chế chính sách

- Tiếp tục làm việc với các cấp thẩm quyền để tháo gỡ các khó khăn vướng mắc của Công ty liên quan đến cơ chế chính sách, đặc biệt các khó khăn liên quan đến Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021, Nghị định số 69/2018/NĐ-CP, Nghị định số 83/2014/NĐ-CP và Thông tư số 38/2014/TTBCT.
- Bám sát các Ban chức năng của Tập đoàn để sớm có phê duyệt Phương án tăng vốn điều lệ cho Công ty mẹ - BSR.

14.2.2.7 Nhóm giải pháp về khoa học công nghệ, đào tạo phát triển nguồn nhân lực

- Ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến và ứng dụng quản trị hiện đại dựa trên nền tảng công nghệ thông tin phù hợp với điều kiện cụ thể của Công ty trong công tác quản trị, điều hành. Triển khai đồng bộ công tác chuyển đổi số và ứng dụng các nền tảng số trong toàn Công ty. Xây dựng và thực hiện Chiến lược Khoa học công nghệ và Đổi mới sáng tạo theo hướng tập trung nguồn lực nhiều hơn cho phổ biến, chuyên giao ứng dụng ngay các công nghệ, tri thức mới, tiên tiến có sẵn của thế giới vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Sử dụng hiệu quả Quỹ nghiên cứu khoa học, khuyến khích nghiên cứu, phát triển, đầu tư, thử nghiệm chuyển đổi và ứng dụng các công nghệ mới, đào tạo nguồn nhân lực phù hợp, tiến tới làm chủ các công nghệ tiên tiến, hiện đại. Chú trọng công tác xét duyệt các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng chế để có được các sản phẩm mới có tính ứng dụng cao vào hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới, hiện đại, kỹ thuật mới nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, năng suất lao động và khả năng cạnh tranh của Công ty.
- Nghiên cứu triển khai các giải pháp chuyển dịch năng lượng, tiết kiệm năng lượng, nguyên nhiên liệu trong hoạt động sản xuất... nhằm góp phần đạt được mục tiêu phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050 theo cam kết của Việt Nam tại Hội nghị COP 26.
- Tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam về đảm bảo an toàn và bảo vệ môi trường. Phát triển hệ thống quản lý và xử lý chất thải trong lĩnh vực lọc hóa dầu với công nghệ tiên tiến, phù hợp với điều kiện Việt Nam. Tăng cường đầu tư trang thiết bị để nâng cao năng lực ứng cứu các tình huống khẩn cấp trong Công ty.
- Phát triển và đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực về lĩnh vực chuyên môn, về năng lực quản trị,... để đáp ứng yêu cầu Công ty trong bối cảnh hội nhập sâu rộng



và phù hợp với tình hình mới. Tăng cường các biện pháp nhằm gắn kết chặt chẽ hơn nữa giữa nghiên cứu khoa học với đào tạo và ứng dụng.

- Tranh thủ và tăng cường hợp tác quốc tế với các đối tác và với các công ty dầu khí trên thế giới để học hỏi kinh nghiệm, tiếp thu và từng bước làm chủ, cải tiến, tiến tới sáng tạo công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Không ngừng cải thiện điều kiện lao động, môi trường lao động và đảm bảo sức khỏe cho người lao động.
- Xây dựng và thực hiện chế độ tiền lương và các chế độ chính sách khác đặc thù áp dụng cho các hoạt động dầu khí.

14.2.3 Kế hoạch đầu tư, dự án đã được thông qua

Theo Quyết định số 9016/QĐ-DKVN ngày 22/12/2014, Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã phê duyệt dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng Nhà máy Lọc dầu Dung Quất với quy mô đầu tư khoảng 9,5 triệu tấn/năm. Tổng mức đầu tư dự kiến là 1.813.470.000 USD với cơ cấu vốn của chủ sở hữu/vốn vay tối thiểu 30/70. Thời gian thực hiện dự án là 78 tháng kể từ ngày phát hành hồ sơ mời thầu (ITB) lựa chọn nhà thầu thiết kế tổng thể (FEED). Theo Nghị quyết số 1144/NQ-ĐHCD ngày 10/4/2019, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã phê duyệt thiết kế FEED và dự toán của dự án Nâng cấp mở rộng Nhà máy Lọc dầu Dung Quất.

Kế hoạch mở rộng nâng cấp nhà máy hiện tại của BSR đã được Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 482/QĐ-TTg ngày 5/5/2023 chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Nâng cấp, mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất của Công ty cổ phần lọc hóa dầu Bình Sơn. Tổng vốn đầu tư khoảng 31.235 tỷ đồng, tương đương 1,257 tỷ USD, nâng công suất chế biến của nhà máy từ 148.000 thùng/ngày lên 171.000 thùng/ngày; sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn EURO V; đáp ứng tiêu chuẩn môi trường theo lộ trình bắt buộc áp dụng của Chính phủ; nâng cao độ linh động lựa chọn dầu thô, đảm bảo nguồn dầu thô cung cấp lâu dài và có hiệu quả cho Nhà máy; nâng cao hiệu quả đầu tư Nhà máy lọc dầu Dung Quất; tăng khả năng cạnh tranh của BSR trên thị trường.

Ngày 28/3/2024, Hội đồng quản trị BSR đã thông qua Quyết định số 968/QĐ-BSR về việc Phê duyệt điều chỉnh Dự án NCMR NMLD Dung Quất với tổng mức vốn đầu tư của Dự án là 1.489.859.448 USD. Theo đó tổng nhu cầu vốn cần thu xếp cho Dự án điều chỉnh là 1.316 triệu USD (sau khi loại trừ chi phí đã thực hiện và phân thuế GTGT được khấu trừ) với cơ cấu VCSH/VV là 40/60 và cơ cấu VCSH/VV sẽ được xem xét, điều chỉnh phù hợp với thực tế khả năng cân đối nguồn.

Ngày 23/05/2024, Đại Hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn đã thông



qua Nghị quyết số 1575/NQ-BSR, trong đó yêu cầu: “Nguồn vốn cho Dự án Nâng cấp mở rộng NMLD Dung Quất cần xem xét đến việc tăng tỷ lệ VCSH trong cơ cấu VCSH/VV từ 40/60 thành 60/40 hoặc 70/30 hoặc 80/20”.

Ngày 05/06/2024, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Quyết định số 1779/QĐ-BSR về việc cập nhật cơ cấu vốn chủ sở hữu/vốn vay của Dự án Nâng cấp mở rộng NMLD Dung Quất với cơ cấu VCSH/VV là 60/40.

Đến thời điểm hiện tại, Công ty đã ký Hợp đồng tư vấn lập thiết kế kỹ thuật tổng thể điều chỉnh (FEED) và đã lựa chọn ngân hàng điều phối các khoản vay tín dụng xuất khẩu cho Dự án. Đồng thời, BSR đang hoàn thiện công tác lựa chọn các nhà cung cấp bản quyền công nghệ cho các phân xưởng ALK, RFCC, NHT, CCR, ISOM, SRU 2; GHDT, DHDT, SRU 3/4.

14.2.4 Kế hoạch tăng vốn

Công ty sẽ xây kế hoạch và lộ trình tăng vốn tùy vào nhu cầu vốn để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ của tổ chức tư vấn, Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí đã thu thập và xem xét các thông tin về hoạt động kinh doanh do Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn cung cấp tại thời điểm lập Bản cáo bạch. Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn đảm bảo và cam kết rằng các thông tin và số liệu cung cấp cho PSI và cung cấp trong Bản cáo bạch này là minh bạch đúng sự thật và phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Theo đánh giá của Tổ chức tư vấn, kế hoạch kinh doanh của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn được xây dựng dựa trên tiềm lực thực tế của công ty và tiềm năng tăng trưởng dựa trên các kế hoạch đầu tư. Do hoạt động sản xuất kinh doanh của BSR chịu sự tác động từ thị trường dầu mỏ toàn cầu, dự kiến kế hoạch Lợi nhuận năm 2024 không được hoàn thành. Tuy nhiên kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2025 của Công ty được xây dựng dựa trên cơ sở thận trọng, chúng tôi đánh giá kế hoạch kinh doanh của Công ty trong năm 2025 là khả thi và có thể thực hiện.

Lưu ý: Những đánh giá và nhận định của tổ chức tư vấn chỉ mang tính chất tham khảo, không đảm bảo chắc chắn cho kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh của Công ty cũng như bao hàm hay đảm bảo cho giá cổ phiếu của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức niêm yết

Không có.



17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu niêm yết

Công ty cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung (BSR-BF) là Công ty con của BSR, tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 BSR đang sở hữu 65,54% vốn tại Công ty này.

Trong năm 2021, các ngân hàng cấp tín dụng cho BSR-BF bao gồm Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương, Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam đã khởi kiện BSR-BF lên Tòa án Nhân dân Thành phố Quảng Ngãi liên quan đến các khoản vay quá hạn thanh toán và biện pháp thu hồi nợ, lãi vay hợp đồng tín dụng xây dựng Nhà máy Nhiên liệu Sinh học Dung Quất.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023, Tòa án Nhân dân Thành phố Quảng Ngãi đã ban hành Bản án số 08/2023/KDTM-ST chấp thuận một phần yêu cầu khởi kiện của các ngân hàng và buộc BSR-BF có nghĩa vụ thanh toán cho các Ngân hàng tính đến ngày 18/9/2023 tổng cộng số tiền khoảng 58,7 triệu USD và khoảng 140,9 tỷ VND và tiếp tục trả lãi phát sinh trên dư nợ chậm trả theo mức lãi suất thỏa thuận với ngân hàng từ ngày 19/9/2023 cho đến khi BSR-BF thanh toán xong các khoản nợ.

Tại ngày 31/12/2023, tổng giá trị nợ gốc và lãi vay là khoảng 1.572,4 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: khoảng 1.472,5 tỷ VND), trong đó nợ quá hạn thanh toán là khoảng 1.566,7 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: khoảng 1.466,9 tỷ VND); giá trị ghi sổ còn lại của toàn bộ tài sản cố định hữu hình dùng làm thế chấp cho các khoản vay trên là khoảng 1.074,6 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: khoảng 1.146,1 tỷ VND).

Ngày 22/2/2024, BSR-BF đã nộp đơn đến Tòa án Nhân dân Tỉnh Quảng Ngãi yêu cầu mở thủ tục phá sản.

Ngày 26/04/2024, Tòa án Nhân dân Tỉnh Quảng Ngãi đã có thông báo Thụ ký số 01/2024/PS-TL sau khi Công ty cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung (BSR-BF) nộp yêu cầu mở thủ tục phá sản.

Ngày 27/05/2024, Tòa án Nhân dân Tỉnh Quảng Ngãi đã có Quyết định mở thủ tục phá sản số 01/2024/QĐ-MTTTPS đối với Công ty cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung (BSR-BF).

Ngày 03/06/2024, Chi cục thi hành án Dân sự Thành phố Quảng Ngãi đã ban hành Quyết định số 02/QĐ-CCTHADS và 03/QĐ-CCTHADS. Theo đó tạm đình chỉ thi hành án đối với Công ty cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung (BSR-BF) đối với Bản án số 08/2023/KDTM-ST kể từ ngày 03/6/2024 cho đến khi có quyết định của Tòa án có thẩm quyền về việc giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản.



Ghi chú: BSR đã trích lập dự phòng toàn bộ cho khoản đầu tư vào BSR-BF trên với giá trị 205.772.028.927 VND. Như vậy, hoạt động của BSR-BF trong mọi trường hợp không còn ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của BSR.

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Loại chứng khoán

Cổ phiếu phổ thông.

2. Mệnh giá chứng khoán

10.000 (mười nghìn) đồng/cổ phần.

3. Tổng số chứng khoán niêm yết

3.100.499.616 cổ phiếu.

4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của Công ty

Khi cổ phiếu của Công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, Căn cứ theo Điểm đ Khoản 1 Điều 109 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán, cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát (Kiểm soát viên), Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng, Giám đốc tài chính và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm và cổ đông lớn là người có liên quan của các đối tượng trên phải cam kết tiếp tục nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ. Cụ thể, đối với BSR, số lượng cổ phiếu và thời gian hạn chế chuyển nhượng như sau:

(Trang này được cố ý để trống).

Bảng 29: Danh sách hạn chế chuyển nhượng theo quy định đối với cổ đông nội bộ

TT	Họ và tên	Chức vụ	SLCP hạn chế chuyển nhượng	
			06 tháng kể từ ngày niêm yết	1 năm kể từ ngày niêm yết
Hội đồng Quản trị				



TT	Họ và tên	Chức vụ	SLCP hạn chế chuyển nhượng	
			06 tháng kể từ ngày niêm yết	1 năm kể từ ngày niêm yết
1	Nguyễn Văn Hội	Chủ tịch HĐQT	6.400	3.200
2	Bùi Ngọc Dương	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	-	-
3	Hà Đông	Thành viên HĐQT	-	-
4	Khuong Lê Thành	Thành viên HĐQT	3.400	1.700
5	Hạng Anh Minh	Thành viên HĐQT	-	-
Ban Kiểm soát				
1	Hoàng Đình Nhật	Trưởng ban kiểm soát	-	-
2	Hoàng Ngọc Xuân	Thành viên BKS	-	-
3	Vũ Lan Phương	Thành viên BKS	-	-
Ban Tổng Giám đốc				
1	Bùi Ngọc Dương	Tổng Giám đốc	-	-
2	Nghiêm Đức Dương	Phó Tổng Giám đốc	-	-
3	Nguyễn Việt Thắng	Phó Tổng Giám đốc	1.500	750
4	Mai Tuấn Đạt	Phó Tổng Giám đốc	1.400	700
5	Trần Thái Bảo	Phó Tổng Giám đốc		
6	Phạm Minh Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc	1.000	500
Kế toán trưởng				
1	Bạch Đức Long	Kế toán trưởng	-	-

5. Phương pháp tính giá

Do hạn chế về việc không có doanh nghiệp so sánh, giá tham chiếu dự kiến của cổ phiếu BSR trong ngày giao dịch đầu tiên được tham khảo dựa trên 2 phương pháp:

- Giá trị sổ sách tại ngày 31/12/2023;
- Phương pháp bình quân giá trị trường.



5.1. Giá trị sổ sách

Căn cứ Báo cáo tài chính Công ty mẹ, giá trị sổ sách cổ phiếu BSR tại thời điểm 31/12/2023 như sau:

Vốn chủ sở hữu (đồng)	(1)	57.688.759.698.562
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (cổ phiếu)	(2)	3.100.499.616
Giá trị sổ sách của cổ phiếu BSR (đồng/cổ phiếu)	(3)=(1)/(2)	18.606,28

5.2. Phương pháp bình quân giá thị trường

Phương pháp bình quân giá thị trường là phương pháp xác định giá cổ phiếu BSR theo thực tế giao dịch của cổ phiếu BSR trên thị trường UpCom. Giá trị cổ phiếu BSR theo phương pháp bình quân thị trường là bình quân tham chiếu của 30 phiên giao dịch liên tiếp từ ngày 16/10/2024 đến ngày 26/11/2024 là 20.863 đồng/cổ phiếu.

Giá tham chiếu tại ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu BSR trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh:

Cổ phiếu BSR hiện đang giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Phương pháp tính giá tham chiếu của cổ phiếu BSR trong ngày niêm yết đầu tiên tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HSX) được dự kiến là bình quân giá đóng cửa 30 phiên giao dịch cuối cùng liên tiếp gần nhất trước khi hủy đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Sau khi được Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh cấp quyết định niêm yết và BSR hủy đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Công ty sẽ tính toán giá tham chiếu và ban hành Nghị quyết HĐQT về giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu BSR và báo cáo Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, công bố thông tin theo quy định.

6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn đối với người nước ngoài sẽ được thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành. Điều lệ của Công ty không giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của người nước ngoài.

Căn cứ quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lộc hóa dầu Bình Sơn số 1978/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ ngày 08/12/2017, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại công ty tối đa là 49%.



Tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài của Công ty hiện tuân thủ theo quy định tại Điều 139 Nghị định 155/NĐ-CP/2020 ban hành ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán.

BSR đã thực hiện thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo quy định của Nghị định 155/NĐ-CP/2020 và được trả lời bằng công văn số 6067/UBCK-PTTT ngày 19/09/2024 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước. Theo đó tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại BSR là 49%.

Tại ngày 26/11/2024, theo công bố của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam, số lượng chứng khoán BSR do nhà đầu tư nước ngoài đang nắm giữ 20.095.153 cổ phần, tương đương tỷ lệ 0,65%.

7. Các loại thuế có liên quan

7.1. Đối với Công ty

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Theo Quyết định số 952/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 26/7/2012, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong thời gian 30 năm từ năm 2010 đến năm 2039; được miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong thời gian 9 năm tiếp theo từ năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế từ Dự án Nhà máy Lộc dầu Dung Quất. Năm 2024 là năm thứ mười một Công ty được hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Thuế Giá trị gia tăng

Theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Luật thuế giá trị gia tăng năm 2008 mức thuế suất thuế giá trị gia tăng áp dụng cho xăng dầu là 10% tính trên giá bán.

Vừa qua, Chính phủ đã có chính sách giảm 2% thuế suất thuế giá trị gia tăng trong năm 2022, áp dụng đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 10%. Tuy nhiên, nhóm xăng dầu lại không nằm trong mục được giảm thuế này.

Thuế tiêu thụ đặc biệt

Theo điểm g khoản 1 Điều 2 Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt năm 2008 sửa đổi năm 2014, xăng các loại sẽ phải chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

Theo biểu thuế tiêu thụ đặc biệt tại Điều 7 Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt năm 2008 sửa đổi năm 2014, thuế suất cụ thể đối với xăng là 10%, xăng E5 là 8%, xăng E10 là 7%.

Thuế bảo vệ môi trường

Hiện tại Công ty đang thực hiện kê khai và nộp thuế bảo vệ môi trường đối với các mặt hàng xăng dầu theo mức thuế được quy định tại Nghị quyết 42/2023/UBTVQH15 ngày



18/12/2023 quy định về mức thuế bảo vệ môi trường đối với mặt hàng xăng, dầu, mỡ nhờn từ ngày 01/01/2024 đến hết 31/12/2024.

Từ ngày 01/01/2025, mức thuế bảo vệ môi trường đối với các mặt hàng xăng dầu tiếp tục được thực hiện theo quy định của Nghị quyết 579/2018/UBTVQH14 ngày 26/9/2018.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành với một số ưu đãi cho Công ty mẹ theo Giấy chứng nhận đầu tư số 13/UĐĐT ngày 15/02/2006 của Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất, cụ thể: được miễn nộp tiền thuê đất trong suốt thời gian thực hiện dự án; được miễn nộp tiền sử dụng đất; được miễn nộp tiền thuế sử dụng đất trong suốt thời gian thực hiện dự án; được miễn thuế nhập khẩu đối với nguyên liệu sản xuất, vật tư, linh kiện và bán thành phẩm mà trong nước chưa sản xuất được hoặc sản xuất không đạt tiêu chuẩn chất lượng trong 05 năm kể từ ngày bắt đầu sản xuất; được miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa mà trong nước chưa sản xuất được hoặc sản xuất được nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu chất lượng.

7.2. Đối với nhà đầu tư

- **Đối với nhà đầu tư cá nhân**

Thu nhập từ cổ tức và thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu phải chịu thuế thu nhập cá nhân với mức thuế suất như sau:

- Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:
 - + Đối với nhà đầu tư trong nước: thì thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán là 0,1% trên giá bán chứng khoán từng lần được quy định tại Điểm 2 Điều 6 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế.
 - + Đối với nhà đầu tư nước ngoài: thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng mức thuế suất TNCN 0,1% trên tổng số tiền nhận được từ việc chuyển nhượng được áp dụng theo quy định tại Điểm 2 Điều 20 Thông tư số 112/2013/TT-BTC ngày 01/10/2013 về việc “Thu nhập về đầu tư vốn và thu nhập từ chuyển nhượng vốn.
- Thu nhập từ cổ tức: Theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC, thu nhập của các cá nhân từ cổ tức được xem là thu nhập chịu thuế với mức thuế suất toàn phần là 5%.
 - + Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt thì mức thuế suất thuế là 5%.
 - + Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phiếu, nhưng khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phiếu này thì nhà đầu tư phải thực hiện nghĩa vụ thuế và áp dụng mức thuế suất tương tự như trường hợp nhận cổ tức bằng tiền mặt và trường hợp chuyển nhượng cổ phiếu.



- Đối với nhà đầu tư tổ chức:
 - Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:
 - + Tổ chức trong nước theo quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014, thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế TNDN 22%, nhưng kể từ ngày 01/01/2016 là 20%).
 - + Đối với doanh nghiệp nước ngoài, tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế TNDN theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế theo hướng dẫn tại Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/08/2014.
 - Thu nhập từ cổ tức: được miễn thuế theo quy định tại Khoản 6, Điều 4 Luật thuế TNDN 2008.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NIÊM YẾT

1. Tổ chức tư vấn

Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí

Địa chỉ: Tầng 2 tòa nhà Hà Nội Tourist, số 18 Lý Thường Kiệt, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 3934 3888

Fax: (84-24) 3934 3999

Website: <http://www.psi.vn>

2. Tổ chức kiểm toán

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 7105 0000 Fax: (84-24) 6288 5678

Website: www.deloitte.com.vn



VII. PHỤ LỤC

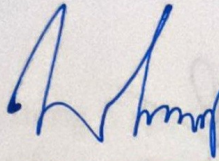
1. Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
2. Phụ lục II: Điều lệ Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn
3. Phụ lục III: Giới thiệu những văn bản pháp luật liên quan đến tổ chức niêm yết
4. Phụ lục IV: Báo cáo tài chính kiểm toán riêng và hợp nhất năm 2022; Báo cáo tài chính kiểm toán riêng và hợp nhất năm 2023; Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất 6 tháng đầu năm 2024 đã được soát xét; Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất Quý 3 năm 2024.
5. Phụ lục VII: Báo cáo về những tranh chấp pháp luật.



Quảng Ngãi, ngày 27 tháng 11 năm 2024

ĐẠI DIỆN TỜ CHỨC NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN LỘC HÓA DẦU BÌNH SƠN

CHỦ TỊCH HĐQT



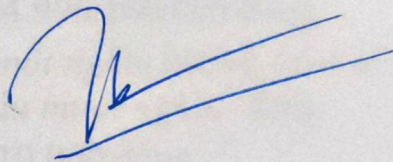
Nguyễn Văn Hội

TỔNG GIÁM ĐỐC



Bùi Ngọc Dương

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

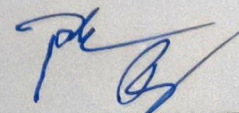
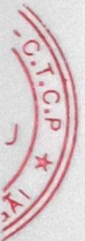


Hoàng Đình Nhật

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Bạch Đức Long



Hà Nội, ngày 27 tháng 11 năm 2024

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

GIÁM ĐỐC *ms*



Phan Quỳnh Nga

